

THÁNG 8 - 2023



BÁO CÁO KHỞI ĐỘNG

**Đào tạo và mô phỏng
Hệ thống Trao đổi Hạn ngạch phát thải
tại Việt Nam**

DANH MỤC VIẾT TẮT

A6SF	Hoạt động hỗ trợ Điều 6
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
Cục BĐKH	Cục Biến đổi khí hậu
ETP	Chương trình đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á
ETS	Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải
KNK	Khí nhà kính
GIZ	Cơ quan hợp tác quốc tế Đức
ICAP	Quan hệ đối tác hoạt động các-bon quốc tế
JICA	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản
SPI - NDC	Hỗ trợ lập kế hoạch và thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) tại Việt Nam
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ XD	Bộ Xây dựng
Bộ TC	Bộ Tài chính
Bộ CT	Bộ Công thương
Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ GTVT	Bộ Giao thông vận tải
Bộ KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NDCs	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NZ	Mức phát thải ròng bằng 0
SEP	Kế hoạch tham gia của các bên liên quan
South Pole	Công ty Quản lý Tài sản các-bon South Pole
TOR	Điều khoản tham chiếu
UNFCCC	Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VETS	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Việt Nam
VNEEC	Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng và Môi trường
VNPMR	Dự án chuẩn bị sẵn sàng cho xây dựng thị trường các-bon tại Việt Nam

MỤC LỤC

TÓM TẮT	7
1 GIỚI THIỆU CHUNG VÀ BỐI CẢNH DỰ ÁN	10
1.1 Vai trò của hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải trong việc hướng tới một nền kinh tế các-bon thấp 10	
1.2 Tình hình phát triển của ETS trên toàn thế giới và tại Việt Nam	13
1.2.1 ETS trên thế giới	13
1.2.2 Sự phát triển của thị trường các-bon tại Việt Nam	14
2 NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỖ TRỢ KỸ THUẬT	15
3 PHƯƠNG PHÁP VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	16
3.1 Nhiệm vụ 1: Soạn thảo báo cáo khởi động và kế hoạch làm việc	16
3.1.1 Mục tiêu	16
3.1.2 Các hoạt động	16
3.1.2.1 Hoạt động 1.1: Tiến hành cuộc họp khởi động	16
3.1.2.2 Hoạt động 1.2: Chuẩn bị báo cáo khởi động và cập nhật kế hoạch dự án	17
3.1.3 Phân bổ nguồn nhân lực	17
3.1.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ	17
3.2 Nhiệm vụ 2: Tổ chức hội thảo khởi động	18
3.2.1 Mục tiêu	18
3.2.2 Các hoạt động	18
3.2.2.1 Hoạt động 2.1: Chuẩn bị hội thảo khởi động	18
3.2.2.2 Hoạt động 2.2: Tổ chức hội thảo khởi động	18
3.2.3 Phân bổ nguồn nhân lực	18
3.2.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ (Cột mốc 1)	19
3.3 Nhiệm vụ 3: Tiến hành phân tích, khảo sát, tham vấn các bên liên quan về sự sẵn sàng và nhận thức của các doanh nghiệp về phát thải KNK và thị trường các-bon	19
3.3.1 Mục tiêu	19
3.3.2 Các hoạt động	19
3.3.2.1 Hoạt động 3.1: Tiến hành đánh giá và tham vấn về ETS (các đối tượng không phát thải) 19	
3.3.2.2 Hoạt động 3.2: Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát	20
3.3.2.3 Hoạt động 3.3: Xác định quy mô và phạm vi của các khảo sát	21
3.3.2.4 Hoạt động 3.4: Thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu	23
3.3.2.5 Hoạt động 3.5: Chuẩn bị báo cáo đánh giá về sự sẵn sàng và nhận thức và đề xuất danh sách đối tượng tiềm năng tham gia các khóa đào tạo	23
3.3.3 Phân bổ nguồn nhân lực	24
3.3.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ	24
3.4 Nhiệm vụ 4: Xây dựng kế hoạch sắp xếp và tương tác chi tiết của các bên liên quan để tiếp cận và thu hút các nhóm mục tiêu	24
3.4.1 Mục tiêu	24

3.4.2	Hoạt động	24
3.4.2.1	Hoạt động 4.1: Phát triển danh sách/bản đồ chi tiết các bên liên quan	25
3.4.2.2	Hoạt động 4.2: Xây dựng kế hoạch của các bên liên quan	25
3.4.3	Phân bổ nguồn nhân lực	26
3.4.4	Các sản phẩm của nhiệm vụ	26
3.5	Nhiệm vụ 5: Chuẩn bị và cung cấp quyền truy cập tới công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng trong Hỗ trợ kỹ thuật	26
3.5.1	Mục tiêu	26
3.5.2	Hoạt động	27
3.5.2.1	Hoạt động 5.1 Cung cấp quyền truy cập và xác định các lựa chọn để điều chỉnh công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng trong Hỗ trợ kỹ thuật	27
3.5.2.2	Hoạt động 5.2: Điều chỉnh công cụ mô phỏng CacbonSim	31
3.5.2.3	Hoạt động 5.3: Kiểm tra công cụ mô phỏng	31
3.5.3	Phân bổ nguồn nhân lực	31
3.5.4	Các sản phẩm của nhiệm vụ	32
3.6	Nhiệm vụ 6: Cung cấp một nền tảng mô phỏng carbon trên web	32
3.6.1	Mục tiêu	32
3.6.2	Hoạt động	32
3.6.2.1	Hoạt động 6.1: Phát triển nền tảng trang web	32
3.6.2.2	Hoạt động 6.2: Phát triển nội dung trang web	33
3.6.2.3	Hoạt động 6.3: Cập nhật nền tảng trang web	34
3.6.3	Phân bổ nguồn nhân lực	34
3.6.4	Các sản phẩm của nhiệm vụ (Mức số 2)	34
3.7	Nhiệm vụ 7: Tổ chức các chuỗi đào tạo/hội thảo/diễn đàn về mô phỏng ETS	35
3.7.1	Mục tiêu	35
3.7.2	Hoạt động	35
3.7.2.1	Hoạt động 7.1: Các hoạt động trước tập huấn	35
3.7.2.2	Hoạt động 7.2: Tổ chức các buổi đào tạo	35
3.7.3	Phân bổ nguồn nhân lực	41
3.7.4	Các sản phẩm của nhiệm vụ	42
3.8	Nhiệm vụ 8: Lập kế hoạch lớp đào tạo nâng cao cho các quan chức chủ chốt của chính phủ về thị trường các-bon để tìm hiểu và trao đổi kiến thức quản trị và kinh nghiệm về ETS.	42
3.8.1	Mục tiêu	42
3.8.2	Hoạt động	42
3.8.2.1	Hoạt động 8.1: Xác định nhu cầu đào tạo/khoảng trống của các quan chức chính phủ	42
3.8.2.2	Hoạt động 8.2: Thiết kế các tour du học/lớp học với sự tham vấn chặt chẽ của ETP và Cục BĐKH	43
3.8.3	Phân bổ nguồn nhân lực	43
3.8.4	Các sản phẩm của nhiệm vụ	44

3.9	Nhiệm vụ 9: Tiến hành báo cáo kỹ thuật tóm tắt kết quả các mô phỏng và đánh giá tác động.....	44
3.9.1	Mục tiêu.....	44
3.9.2	Hoạt động.....	44
3.9.2.1	Hoạt động 9.1: Soạn thảo báo cáo kỹ thuật.....	44
3.9.2.2	Hoạt động 9.2: Tổ chức tham vấn cấp cao.....	44
3.9.3	Phân bổ nguồn nhân lực.....	45
3.9.4	Các sản phẩm của nhiệm vụ (Mốc số 3).....	45
3.10	Nhiệm vụ 10: Đề trình báo cáo và hội thảo tổng kết.....	46
3.10.1	Mục tiêu.....	46
3.10.2	Hoạt động.....	46
3.10.2.1	Hoạt động 10.1: Soạn thảo báo cáo tổng kết.....	46
3.10.2.2	Hoạt động 10.2: Tổ chức hội thảo tổng kết.....	46
3.10.3	Phân bổ nguồn nhân lực.....	46
3.10.4	Các sản phẩm của nhiệm vụ (Mốc số 4).....	47
4	Khung thời gian thực hiện.....	47
5	LẬP BẢN ĐỒ CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG.....	48
6	CHIẾN LƯỢC PHỐI HỢP CỦA NHÀ TÀI TRỢ.....	49
7	QUẢN LÝ HỖ TRỢ KỸ THUẬT.....	55
8	CÁC RỦI RO VÀ CHIẾN LƯỢC GIẢM THIỂU.....	56
9	CÁCH TIẾP CẬN TRONG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG GIỚI.....	57
9.1	Các chỉ số nhạy cảm theo giới tính.....	57
9.2	Các nhu cầu cụ thể theo giới.....	58
10	KHUNG GIÁM SÁT DỰA TRÊN KẾT QUẢ ETP (RBMF).....	58
11	PHỤ LỤC.....	67
11.1	PHỤ LỤC I: Danh sách các bên liên quan ban đầu của Hỗ trợ kỹ thuật.....	67
11.2	PHỤ LỤC II: Phác thảo kế hoạch tham gia của các bên liên quan ban đầu.....	73
11.2.1	Giới thiệu.....	73
11.2.2	Xác định các bên liên quan và cách tiếp cận.....	73
11.2.3	Đề xuất các chiến lược cho việc công bố thông tin.....	74
11.2.4	Chiến lược/kế hoạch truyền thông.....	74
11.2.5	Đánh giá nhận xét và phản hồi.....	74
11.2.6	Các chức năng quản lý và trách nhiệm.....	75
11.3	PHỤ LỤC III: Kế hoạch truyền thông ban đầu.....	75
11.3.1	Thông tin về kế hoạch truyền thông.....	75
11.3.2	Các mục tiêu truyền thông.....	76
11.3.3	Thực hiện Hỗ trợ kỹ thuật.....	76
11.4	PHỤ LỤC IV: Khởi động cuộc họp với ETP.....	81

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 1 (W1-W2, W3-W6, 01/08 – 10/08/2023, 20/08 – 10/09/2023)	17
Bảng 2: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 2 (W1- W6, 01/08 – 10/09/2023)	18
Bảng 3: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 3 (W5- W16, 01/09 – 30/11/2023)	24
Bảng 4: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 4 (W13- W16, 01/11 – 30/11/2023)	26
Bảng 5: Tóm tắt các thông số kỹ thuật chính của CarbonSim	29
Bảng 6: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 5 (W5- W23, 01/09 – 21/01/2024)	32
Bảng 7: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 6 (W9- W24, 01/10 – 31/01/2024)	34
Bảng 8: Sơ đồ lưu lượng công việc mô phỏng	37
Bảng 9: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 7 (W25- W48, 01/02 – 31/07/2024)	41
Bảng 10: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 8 (W5- W12, 01/09 – 31/10/2023)	43
Bảng 11: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 9 (W37- W40, W45 – W64, 01/05 – 31/05, 01/07 – 30/11/2024))	45
Bảng 12: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 10 (W65- W70, 01/12/2024 – 10/01/2025)	46
Bảng 13: Tóm tắt các nhà tài trợ và các hoạt động liên quan tại Việt Nam	50
Bảng 14: Xác định và quản lý rủi ro của dự án	55
Bảng 15: Khung kiểm soát và đánh giá chất lượng	57
Bảng 16: Kế hoạch kiểm soát chất lượng	58
Bảng 17: Kế hoạch đảm bảo chất lượng cụ thể cho Hỗ trợ kỹ thuật	60
Bảng 18: Danh sách ban đầu của các bên liên quan	63
Bảng 19: Phương thức và tần số truyền thông	73
Bảng 20: Truyền thông với nhà tư vấn	74
Bảng 21: Truyền thông giữa Nhà tư vấn và ETP, Cục BĐKH	74
Bảng 22: Truyền thông giữa Nhà tư vấn và nhóm tư nhân	75

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Bản đồ thuế các-bon và ETS (Ngân hàng thế giới, 2023)	14
Hình 2: Lộ trình phát triển thị trường các-bon trong nước Việt Nam	14
Hình 3: Quy trình làm việc và dự tính kết quả của hoạt động 3.1	20
Hình 4: Số lượng phát thải trong 14 tiểu khu vực của ngành Công nghiệp và Thương mại dựa trên quyết định số 01/2022/QĐ-TTg	22
Hình 5: Quy trình làm việc để xác định phạm vi khảo sát	23
Hình 6: Cấu trúc nền tảng trang web	33
Hình 7: Số lượng phát thải KNK được kiểm kê dựa trên quyết định 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022	36
Hình 8: Cấu trúc các khóa đào tạo	37
Hình 9: Quy trình làm việc của nhiệm vụ 8	43
Hình 10: Thời gian thực hiện Hỗ trợ kỹ thuật	48
Hình 11: Tóm tắt các bên liên quan chính của Hỗ trợ kỹ thuật	48
Hình 12: Triển khai dự án và trách nhiệm của các đối tác dự án	55
Hình 13: Nhóm chính triển khai dự án và tương tác với khách hàng	55

TÓM TẮT

Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển dịch sang một nền kinh tế các-bon thấp, Việt Nam ghi nhận tầm quan trọng của hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải (ETS) như một công cụ chính sách để khuyến khích giảm phát thải, thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ sạch hơn và tạo cơ hội kinh tế trong các lĩnh vực tham gia vào quá trình chuyển dịch. Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam đã áp dụng một số chính sách nhằm thiết lập khung pháp lý cho việc phát triển một thị trường các-bon có thể hoạt động tốt và một sàn giao dịch các-bon từ năm 2027.

Tuy nhiên, việc xây dựng thành công và các quy định hiệu quả của ETS tại Việt Nam sẽ đòi hỏi các sáng kiến và hoạt động xây dựng năng lực rộng rãi nhằm tăng cường hiểu biết về ETS giữa các bên liên quan, bao gồm cả các nhà hoạch định chính sách trong nước. Do đó, các nhiệm vụ được mô tả trong Báo cáo khởi động này sẽ cung cấp một chương trình đào tạo mô phỏng để phổ cập kiến thức về ETS và tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan chính phủ và khu vực tư nhân.

Đây là một trong những hỗ trợ của Chương trình đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP) (còn được gọi là Khách hàng) nhằm phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam, và sẽ được thực hiện với sự hợp tác của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 1 năm 2025 bởi liên danh bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng và Môi trường (VNEEC), Công ty Quản lý Tài sản Các-bon South Pole, Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Việt Nam (VETS) và các chuyên gia quốc tế được huy động bởi VNEEC (được gọi là Tư vấn).

Phương pháp luận và kế hoạch thực hiện của Hỗ trợ kỹ thuật được chia làm 10 nhiệm vụ cụ thể:

Nhiệm vụ 1: Soạn thảo kế hoạch làm việc: Kết quả nhiệm vụ ban đầu này sẽ là một kế hoạch thực hiện toàn diện bao gồm mục tiêu của Hỗ trợ, các hoạt động, phân bổ nguồn nhân lực và phân tách các sản phẩm của dự án. Nhiệm vụ này thiết lập định hướng tổng thể của dự án, đảm bảo rằng các hoạt động sẽ được tích hợp và thống nhất với mục tiêu dự án.

Nhiệm vụ 2: Tổ chức hội thảo khởi động: Tổ chức một hội thảo khởi động là trọng tâm của nhiệm vụ thứ 2. Nhiệm vụ này sẽ đòi hỏi có sự chia sẻ và thảo luận về kế hoạch thực hiện chi tiết, lịch trình và các sản phẩm của dự án, thu thập thông tin và phản hồi từ các bên liên quan. Nhiệm vụ này sẽ đảm bảo có được sự tham gia sớm và cách tiếp cận chung của các bên liên quan.

Nhiệm vụ 3: Phân tích và tham vấn về sự sẵn sàng trong việc giảm phát thải và tham gia thị trường các-bon: Nhiệm vụ thứ 3 nhằm thu thập thông tin và đánh giá mức độ chuẩn bị, nhận thức, nhu cầu và hạn chế của các doanh nghiệp thuộc diện phải tham gia thị trường các-bon và của những bên tham gia tiềm năng khác trong thị trường các-bon, tập trung cụ thể vào ETS. Nhiệm vụ này sẽ liên quan đến nghiên cứu và tham vấn, khảo sát thông qua bảng câu hỏi, thu thập dữ liệu, biên soạn và phân tích, chuẩn bị báo cáo đánh giá khả năng sẵn sàng và nhận thức bao gồm danh sách đầy đủ những người tham gia tiềm năng trong các buổi đào tạo tiếp theo.

Nhiệm vụ 4: Xây dựng kế hoạch sắp xếp và tương tác của các bên liên quan: Từ các nhiệm vụ trước, nhiệm vụ này sẽ mang lại sơ đồ chi tiết các bên liên quan dựa trên các tiêu chí đã được thống nhất và đề xuất kế hoạch tham gia của các bên liên quan được thiết kế trước đó để thúc đẩy việc giao tiếp hiệu quả giữa tất cả các đối tác thực hiện, các nhóm mục tiêu và các bên liên quan tham gia vào Hỗ trợ kỹ thuật này.

Nhiệm vụ 5: Chuẩn bị công cụ mô phỏng các-bon: Nhiệm vụ thứ 5 bao gồm việc chuẩn bị công cụ mô phỏng được tùy chỉnh theo định hướng chính sách và thân thiện với người dùng, đặc biệt cho Việt Nam, bao gồm cả việc điều chỉnh phù hợp với bối cảnh địa phương và được thử nghiệm trước khi sử dụng thực tế

Nhiệm vụ 6: Cung cấp một nền tảng mô phỏng carbon trên web: Nhiệm vụ thứ 6 bao gồm việc phát triển và liên tục cập nhật một trang web và để nó hoạt động như một kênh cập nhật cho việc đào tạo. Các hoạt động này của trang web sẽ đóng vai trò như một trung tâm kiến thức và cung cấp một kênh công cụ để nâng cao nhận thức của công chúng về ETS và các công cụ định giá các-bon.

Nhiệm vụ 7: Các khóa đào tạo sử dụng công cụ mô phỏng ETS: Thông qua một chương trình đào tạo và mô phỏng toàn diện, nhiệm vụ thứ 7 sẽ giúp tạo điều kiện học tập và hiểu biết về các nguyên tắc và quy trình của ETS, phổ biến kiến thức và chuyên môn về ETS. Nhiệm vụ này bao gồm những hoạt động chuẩn bị trước các khóa đào tạo, 4 khóa đào tạo trực tiếp, tài liệu đào tạo và đánh giá sau các khóa học.

Nhiệm vụ 8: Lớp đào tạo nâng cao cho các quan chức chủ chốt của chính phủ về thị trường các-bon: Nhiệm vụ thứ 8 sẽ cung cấp một kế hoạch cho khóa đào tạo chuyên sâu cho các quan chức chủ chốt thông qua việc xác định những khoảng trống về năng lực và nhu cầu đào tạo của họ. Song song với đó, nhiệm vụ này sẽ thực hiện những chuyến tham quan học tập và lớp học nâng cao ở các quốc gia có kinh nghiệm liên quan hoặc các điều kiện tương tự như ở Việt Nam.

Nhiệm vụ 9: Báo cáo kỹ thuật về mô phỏng và đánh giá tác động: Nhiệm vụ thứ 9 củng cố những hiểu biết từ mô phỏng và đào tạo, từ đó đưa ra những khuyến nghị toàn diện cho việc triển khai của ETS tại Việt Nam. Nhiệm vụ này sẽ bao gồm một báo cáo kỹ thuật và việc tham vấn cấp cao.

Nhiệm vụ 10: Báo cáo và hội thảo tổng kết: Nhiệm vụ cuối cùng của Hỗ trợ kỹ thuật là tập hợp những hiểu biết được rút ra từ toàn bộ Hỗ trợ kỹ thuật, phản ánh những kết quả đáng chú ý, những bài học kinh nghiệm, và các khuyến nghị cho định hướng tương lai cho thị trường các-bon tại Việt Nam bằng một bản báo cáo tổng thể và hội thảo tổng kết để trình bày kết quả và chia sẻ hiểu biết với các bên liên quan.

Việc lập sơ đồ của các bên liên quan và xây dựng kế hoạch truyền thông sẽ là những yếu tố quan trọng của Hỗ trợ kỹ thuật và đòi hỏi được thiết kế tỉ mỉ mạng lưới các bên liên quan, chiến lược tương tác và giao thức truyền thông để đảm bảo luồng thông tin liên tục. Hỗ trợ kỹ thuật này cũng đòi hỏi một chiến lược phối hợp với các nhà tài trợ nhằm làm nổi bật sự liên kết với các hoạt động đã và đang được thực hiện bởi các nhà tài trợ khác để hợp lý hóa các nỗ lực và nguồn lực trong các giai đoạn khác nhau của Hỗ trợ kỹ thuật.

Về mặt quản lý, Hỗ trợ kỹ thuật này sẽ kết hợp một khung hậu cần và các chiến lược cần thiết để có thể thực hiện hiệu quả. Các yếu tố chính như việc xác định rủi ro, chiến lược giảm thiểu và các giả định cơ bản sẽ giúp Hỗ trợ kỹ thuật giảm thiểu những bất ổn và tăng cường khả năng dự đoán.

Một phương pháp đánh giá tác động dựa theo giới tính được tích hợp trong Hỗ trợ kỹ thuật nhằm tập trung vào việc xác định các chỉ số nhạy cảm theo giới và giải quyết những nhu cầu cụ thể. Phân tích này nhằm đảm bảo rằng các tác động đến giới được hiểu đầy đủ và các biện pháp cần thiết được thực hiện để thúc đẩy bình đẳng giới và tính hòa nhập.

Sau cùng, khung giám sát dựa trên kết quả của ETP (RBMF) là một phần không thể thiếu của Hỗ trợ kỹ thuật. RBMF giúp mô tả phương pháp giám sát kết quả đạt được từ việc thực hiện Hỗ trợ kỹ thuật. Nó đảm bảo sự liên kết với kết quả mong muốn và đảm bảo rằng Hỗ trợ kỹ thuật đã đi đúng hướng, đáp ứng được mục tiêu đã được đặt ra.

1 GIỚI THIỆU CHUNG VÀ BỐI CẢNH DỰ ÁN

1.1 Vai trò của hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải trong việc hướng tới một nền kinh tế các-bon thấp

Việt Nam là một quốc gia có thu nhập trung bình thấp đang phát triển nhanh chóng và phải đối mặt với những tổn thương đáng kể từ các tác động của biến đổi khí hậu. Nhận thấy sự cấp bách của việc giải quyết thách thức toàn cầu này, Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ trong việc chống biến đổi khí hậu bằng cách đặt mục tiêu đạt được mức phát thải ròng bằng 0 (NZ) vào năm 2050, phù hợp với mục tiêu của nhiều nước phát triển. Cam kết này có rất nhiều ý nghĩa đối với Việt Nam. Thứ nhất, nó biểu thị sự đóng góp của Việt Nam vào những nỗ lực toàn cầu trong việc giảm thiểu biến đổi khí hậu, nhận thức được trách nhiệm chung của tất cả các quốc gia. Thứ hai, đây là một động thái chiến lược nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường toàn cầu do bối cảnh các chính sách biến đổi khí hậu quốc tế cũng như nhu cầu đẩy nhanh phát triển bền vững tại Việt Nam.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp, Việt Nam công nhận tầm quan trọng của việc thiết lập một hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải (ETS) như một công cụ chính sách quan trọng. ETS sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc khuyến khích giảm phát thải, thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ sạch hơn và tạo cơ hội kinh tế trong các lĩnh vực góp phần chuyển đổi. Bằng cách thực hiện một ETS hiệu quả, Việt Nam đặt mục tiêu đẩy nhanh tiến độ hướng tới một tương lai bền vững và kiên cường trước biến đổi khí hậu trong khi thực hiện các cam kết về khí hậu toàn cầu.

ETS là một công cụ thị trường có thể được sử dụng để giảm lượng phát thải khí nhà kính (KNK). “Chương trình hạn ngạch và trao đổi” là một biến thể của ETS, ở đó chính phủ áp đặt giới hạn đối với tổng lượng phát thải trong một hoặc nhiều lĩnh vực của nền kinh tế và mở rộng nó bằng cách yêu cầu thêm các công ty phát thải có trong các lĩnh vực đó tham gia. Vào cuối mỗi giai đoạn tuân thủ – thường là một hoặc nhiều năm – các công ty phải giảm lượng phát thải của họ (bằng cách thực hiện các thay đổi tại chỗ) hoặc đảm bảo đủ các hạn ngạch (hoặc, nếu được phép, các tín chỉ các-bon để bù trừ) – từ các công ty khác và/hoặc chính phủ -- với số lượng tương đương với lượng phát thải của mỗi công ty trong khoảng thời gian đó. Theo thời gian, hạn mức của toàn hệ thống – và hạn mức của mỗi công ty -- sẽ giảm với tốc độ đủ để cho cơ quan quản lý đạt được mục tiêu/ngĩa vụ của mình. Các yếu tố quan trọng khác của ETS được giới thiệu trong Hộp 1.

Hộp 1: Các yếu tố quan trọng của ETS

- **Dữ liệu chính xác:** ETS dựa trên dữ liệu chính xác và không ngừng cập nhật.
- **Trách nhiệm quản lý:** Trách nhiệm quản lý chương trình ETS được giao cho chính quyền trung ương và các chính quyền địa phương khác nhau.
- **Phương pháp phân bổ:** Cơ quan quản lý ETS có thể phân bổ các hạn ngạch miễn phí, thông qua việc bán/đấu giá do chính phủ điều hành hoặc thông qua một số phương pháp kết hợp. Hạn ngạch miễn phí có thể được phân bổ bằng cách dựa vào tỷ lệ phát thải lịch sử của các cơ sở sản xuất, cường độ phát thải tương đối và mức độ phải chịu sự cạnh tranh của cơ sở đối với các doanh nghiệp tương tự bên ngoài ETS. Hạn ngạch không được phân bổ miễn phí có thể tham gia thị trường thông qua đấu giá.

- **Cơ chế giữ lại hạn ngạch để sử dụng cho giai đoạn sau và hệ thống đăng ký:** Một cơ chế hành chính cho phép người tham gia ETS lưu trữ hạn ngạch để họ có thể sử dụng hoặc chào bán sau này. Sự tồn tại của một ngân hàng hạn ngạch sẽ thúc đẩy việc đầu tư vào các biện pháp giảm phát thải và khiến các hạn ngạch linh hoạt hơn. Tính năng này có thể giúp khuyến khích các doanh nghiệp tuân thủ vượt mức và các tổ chức tài chính cung cấp tài trợ cho các sáng kiến đó.
- **Nâng cao năng lực:** Để giúp đảm bảo thành công của chương trình, các hoạt động xây dựng năng lực của các bên liên quan cần được thực hiện liên tục.
- **Yêu cầu chung:** Các chương trình của ETS được xây dựng dựa trên một cốt lõi chung là các yêu cầu áp dụng cho tất cả các thực thể trong mỗi danh mục, bao gồm các yêu cầu áp dụng cho cơ quan quản lý ETS, doanh nghiệp, nhà khai thác thị trường và các bên liên quan khác.
- **Tính linh hoạt khi thực hiện nghĩa vụ tuân thủ:** ETS cũng sẽ cung cấp sự linh hoạt để đạt được mức giảm phát thải theo nhiều cách khác nhau, ví dụ: qua một hoặc nhiều nguồn tại nơi làm việc của một doanh nghiệp nhất định, hoặc thông qua một nguồn khác trong tầm kiểm soát của doanh nghiệp hoặc bằng cách để một doanh nghiệp khác trong cùng hệ thống thực hiện việc giảm phát thải.
- **Hạn ngạch phát thải hoặc hạn ngạch:** Hạn ngạch có thể được gọi là tiền tệ trong một ETS. Doanh nghiệp sở hữu hạn ngạch có quyền hoặc giấy phép phát thải với một lượng phát thải xác định (thường được tính bằng tấn).
- **Thời hạn thực hiện giảm phát thải:** Hạn mức cũng có thời hạn (ví dụ hàng năm) mà doanh nghiệp cần phải đạt được mức giảm phát thải cụ thể và theo thiết lập của chương trình.
- **Thi hành:** Cần có một phương tiện để cơ quan quản lý ETS có thể áp đặt những hình phạt lên những người tham gia ETS (doanh nghiệp và thương nhân) phát thải nhiều hơn mức cho phép hoặc có những hành động trái với quy tắc ETS. Những hình phạt có thể bao gồm tiền phạt (ở mức cố định hoặc tương quan với giá giao dịch gần nhất hoặc dựa trên mức độ vi phạm và tính chất của vi phạm), tịch thu các hạn ngạch đã được (hoặc sẽ được) ban hành trong những năm tiếp theo của ETS, hoặc giam giữ. Tùy thuộc vào ETS và bản chất của sự vi phạm, doanh nghiệp hoặc một hoặc nhiều cá nhân có trách nhiệm có thể phải chịu trách nhiệm.
- **Hạn mức và nghĩa vụ cụ thể cho doanh nghiệp:** Khi một hạn mức được thiết lập cho toàn bộ ETS, nghĩa vụ giảm phát thải cụ thể của mỗi doanh nghiệp (hạn mức) cũng được xác định. Bằng cách này, mỗi doanh nghiệp được phân bổ một tỷ lệ phần trăm hạn mức của họ (theo xác định của cơ quan quản lý ETS). Hơn nữa, các yêu cầu vận hành cụ thể (và giới hạn) nên được chỉ định cho mỗi doanh nghiệp.
- **Tính công bằng:** Cần phải cẩn thận trong việc đảm bảo rằng các nghĩa vụ và cơ hội giảm phát thải được áp dụng công bằng đối với những bên tham gia để giảm phát thải.
- **Mục tiêu:** ETS nên được thiết kế để đạt được mục tiêu chính (ví dụ: đạt được mức giảm phát thải cụ thể vào một mốc xác định). Các mục tiêu thứ cấp (ví dụ: gia tăng việc làm xanh, tạo doanh thu cho chính phủ hoặc thúc đẩy các công nghệ các-bon thấp) cũng có thể được đưa vào nhưng không làm suy yếu mục tiêu chính.
- **Quản lý quỹ:** ETS, đặc biệt là ETS có tính năng đấu giá và/hoặc bao gồm việc thu tiền phạt, sẽ tạo ra doanh thu. Cơ quan quản lý nên được cung cấp hướng dẫn (và sự giám sát) về cách thu và giải ngân các khoản tiền đó. Nói chung, đây là sáng kiến tốt giúp đảm bảo rằng tất cả (hoặc một phần) quỹ được sử dụng để hỗ trợ các mục tiêu phù hợp với các mục tiêu cơ bản của ETS – ví dụ: tạo điều kiện cho việc chuyển đổi nhiên liệu các-bon thấp, hỗ trợ/khuyến khích giao thông công cộng, giải quyết các mối quan tâm

về môi trường và giảm thiểu hậu quả bất lợi của biến đổi khí hậu mà các cộng đồng có nguy cơ và các thể hệ hiện tại và tương lai đã/đang/sẽ phải đối mặt.

- **Nền tảng pháp lý:** Cơ quan phát triển và quản lý ETS cần phải dựa trên một nền tảng pháp lý đủ mạnh để giúp loại bỏ sự bất ổn giữa các bên liên quan rằng đơn vị quản lý có thẩm quyền thực hiện ETS và các doanh nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu liên quan.
- **Tính thanh khoản:** Tính thanh khoản là thước đo cho mức độ dễ dàng chuyển đổi tài sản thành tiền mặt hoặc tốc độ thanh lý tài sản. Ở các thị trường các-bon, tính thanh khoản cao thể hiện một thị trường lành mạnh vì điều đó có nghĩa là các công ty có thể mua và bán các khoản hạn ngạch phát thải kịp thời để thực hiện nghĩa vụ tuân thủ và quản lý rủi ro.
- **Quyết định dài hạn:** ETS bao gồm các biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp đưa ra quyết định cho phép đầu tư và các chiến lược tuân thủ có thể được thực hiện trong ngắn hạn hoặc dài hạn.
- **Thị trường:** Một thị trường cung cấp phương tiện trong đó hạn ngạch và các khoản bù trừ đủ điều kiện có thể được chuyển giao. Các thị trường như vậy có thể vận hành thông qua các cuộc đấu giá, trao đổi do chính phủ tài trợ (tư nhân hoặc chính phủ bị xử phạt), trao đổi tự do (trực tiếp giữa hai bên) hoặc bằng một phương tiện khác dựa theo nhu cầu của ETS và những người tham gia. Nói chung, các nhà điều hành và những người tham gia vào một thị trường như vậy phải tuân theo các quy định và giám sát do chính phủ ban hành.
- **Giám sát, báo cáo, thẩm định (MRV):** ETS phải bao gồm một phương tiện để theo dõi chính xác lượng phát thải thực tế, báo cáo cho doanh nghiệp và chính phủ và được chính phủ thẩm định. Mục tiêu chính là đảm bảo rằng lượng phát thải hạn ngạch và mức giảm dần của hạn mức phù hợp với các yêu cầu của ETS, được tính toán chính xác và không được tính trùng.
- **Bù trừ:** Bù trừ phát thải là những giảm phát thải có nguồn gốc từ các hoạt động được thực hiện bởi các tổ chức vận hành các nguồn phát thải không tham gia vào ETS. Các giảm thải như vậy được tạo ra theo các quy định của chính phủ. Trong một số trường hợp nhất định, bù trừ phát thải có thể được sử dụng thay cho hạn ngạch. Các khoản bù trừ có thể dùng để tăng nguồn cung hạn ngạch và do đó giảm hạn ngạch. Thông thường, một ETS sẽ hạn chế nguồn cung các khoản bù trừ (ví dụ: bằng cách hạn chế các loại nguồn có đủ điều kiện để tạo ra các khoản bù trừ, phương pháp tạo ra và các khu vực địa lý của các khoản bù trừ hoặc các phương pháp luận có thể được áp dụng), giới hạn số lượng tối đa có thể được sử dụng (chẳng hạn như 5-10% nghĩa vụ tuân thủ của một doanh nghiệp) và cấm sử dụng giảm phát thải có thể liên quan đến thay đổi nhu cầu. Đơn vị quản lý ETS có thể ưu tiên cho các khoản bù trừ có các đồng lợi ích có ý nghĩa (ví dụ: được tạo ra tại địa phương, tạo điều kiện chuyển đổi nhiên liệu sạch, hỗ trợ phụ nữ và các doanh nghiệp thuộc sở hữu bởi các nhóm thiểu số, hỗ trợ hệ sinh thái và/hoặc bảo tồn rừng nhiệt đới, v. v.). Cuối cùng, để tránh rò rỉ, ETS có thể yêu cầu các khoản bù trừ được tạo ra, hạch toán và quản lý dựa trên cơ sở pháp lý.
- **Đánh giá/điều chỉnh chương trình:** ETS cần phải có các đợt đánh giá thường xuyên trên toàn chương trình với mục đích đánh giá hiệu quả và đề xuất các thay đổi nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chính của mục tiêu.
- **Hạn mức thải của toàn chương trình:** Hạn mức là lượng phát thải có thể được tạo ra bởi tất cả các doanh nghiệp trong chương trình. Nhìn chung, hạn mức thiết lập một lượng phát thải có thể được phân bổ khi bắt đầu chương trình và một mức giảm phát thải phải đạt được để đáp ứng một tiêu chuẩn về sức khỏe hoặc môi trường nào đó.
- **Sự hòa giải:** Vào cuối mỗi giai đoạn tuân thủ (chẳng hạn như mỗi năm) các doanh

ngành phải báo cáo tình trạng tuân thủ của họ. Những doanh nghiệp có lượng phát thải vượt quá số lượng hạn ngạch đã giao nộp phải mua thêm và giao nộp các hạn ngạch bổ sung. Những doanh nghiệp làm như vậy có thể được đánh giá là tuân thủ yêu cầu chính của ETS.

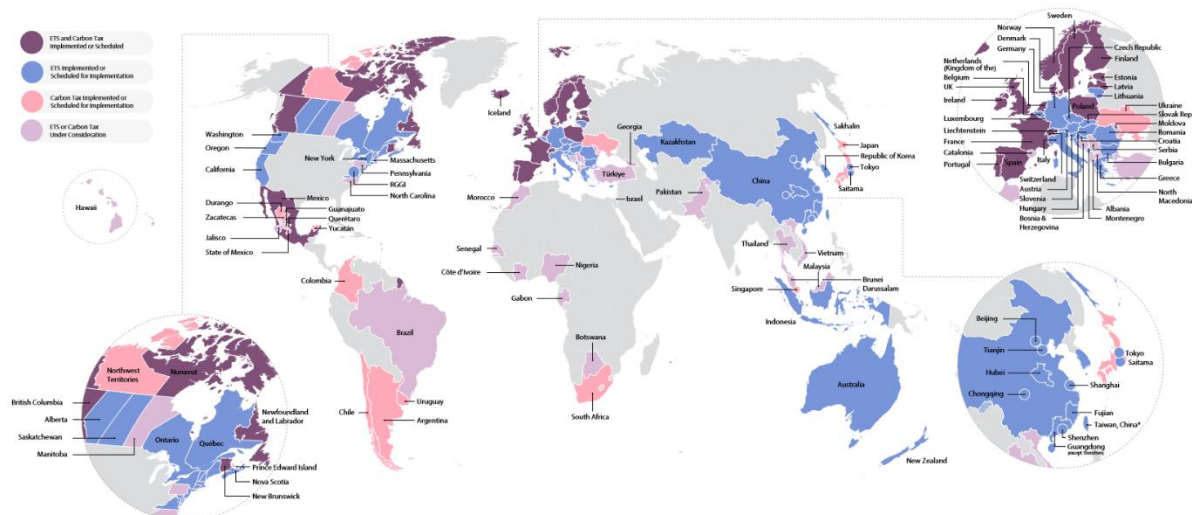
- **Dự trữ:** Một số lượng hạn ngạch có thể được nắm giữ bởi cơ quan quản lý ETS và được phát hành theo giao thức quy định trước (chẳng hạn như để tài trợ cho các cuộc đấu giá hoặc tăng cường hoặc ổn định biến động) hoặc tăng cường bằng cách rút các khoản hạn ngạch được phân phối hoặc mua lại trước đó từ các doanh nghiệp.
- **Quản lý rủi ro:** Những người tham gia thị trường nên được phép phát triển các công cụ thích hợp để quản lý/phòng ngừa rủi ro.
- **Sự khan hiếm:** Mỗi doanh nghiệp tham gia vào ETS có thể được cung cấp một số lượng hạn ngạch, giảm theo thời gian để doanh nghiệp phải tự giảm lượng phát thải hoặc mua từ những doanh nghiệp khác. Sự khan hiếm cũng có thể bị ảnh hưởng thông qua các hạn chế áp dụng đối với số lượng hạn ngạch có thể giữ lại và / hoặc thông qua việc tăng thêm hạn ngạch thông qua đấu giá.
- **Phạm vi và ngưỡng:** ETS sẽ xác định các tiêu chí (thường là ngành và lượng phát thải) được sử dụng để chọn doanh nghiệp tham gia vào ETS. Các tiêu chí như vậy sẽ phù hợp với bản chất của các thách thức và các nguồn lực cần thiết để quản lý, hỗ trợ và tuân theo ETS.
- **Sự tham gia của các bên liên quan:** ETS nên được phát triển, quản lý và đánh giá với sự tham gia của các bên liên quan – đặc biệt là từ các cơ quan chính phủ có liên quan, các đơn vị bị ảnh hưởng, các tổ chức xã hội, nhà cung cấp dịch vụ ETS, những tổ chức phát triển bù trừ phát thải và công chúng.
- **Tính minh bạch:** Các yêu cầu ETS phải rõ ràng và được hiểu bởi tất cả các bên liên quan để các doanh nghiệp và cơ quan quản lý ETS phải tuân thủ theo. Tính minh bạch cũng phải được áp dụng đối với thị trường giao dịch hạn ngạch và bù trừ.

Để tuân thủ theo các hạn mức phát thải và giảm thiểu chi phí, các doanh nghiệp có thể áp dụng danh mục các dự án các-bon với nhiều chiến lược giảm phát thải khác nhau. Các chiến lược này có thể bao gồm cải thiện hiệu quả năng lượng, chuyển đổi từ nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng tái tạo và thực hiện các công nghệ các-bon thấp trong quy trình sản xuất. Do đó, một ETS được thiết kế, triển khai và quản lý tốt sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp liên quan đầu tư vào các biện pháp giảm phát thải và thúc đẩy sự đổi mới trong các công nghệ các-bon thấp. Nếu áp dụng trên phạm vi toàn quốc, ETS có thể thúc đẩy quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế các-bon thấp và thúc đẩy sự phát triển của các công nghệ mới góp phần giảm phát thải tổng của cả nước.

1.2 Tình hình phát triển của ETS trên toàn thế giới và tại Việt Nam

1.2.1 ETS trên thế giới

Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2023, theo Ngân hàng Thế giới, có tổng cộng 36 ETS đã được triển khai trên toàn cầu. Có 12 ETS được áp dụng trên phạm vi toàn quốc. Các hệ thống này kiểm soát khoảng 8,91 tỷ tấn CO₂tđ, chiếm khoảng 17,64% lượng phát thải KNK toàn cầu. Những số liệu này chứng minh sự công nhận và áp dụng ngày càng tăng của ETS như một công cụ chính sách để giải quyết và điều chỉnh lượng phát thải KNK trên quy mô lớn.



Hình 1: Bản đồ thuế các-bon và ETS (World Bank, 2023)

1.2.2 Sự phát triển của thị trường các-bon tại Việt Nam

Vào tháng 11 năm 2020, "Luật bảo vệ môi trường" sửa đổi của Việt Nam đã được ban hành và lần đầu tiên nhắc tới nhiệm vụ tổ chức và sự phát triển thị trường các-bon trong nước (Điều 139).

Chính phủ Việt Nam đã có một bước tiến đáng kể vào ngày 7 tháng 1 năm 2022, khi ban hành Nghị định 06/2022/NĐ-CP về “Quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn”. Nghị định này cung cấp các hướng dẫn chi tiết về hai khía cạnh: Điều 91, tập trung vào việc giảm phát thải KNK và Điều 139, tập trung vào sự hình thành và phát triển của thị trường các-bon như được nêu trong Luật bảo vệ môi trường 2020. Chương 2 của Nghị định đề cập cụ thể đến sự phát triển của thị trường các-bon trong nước của Việt Nam, bao gồm các quy định và điều khoản của thị trường.

Lộ trình phát triển thị trường các-bon trong nước của Việt Nam được quy định như hình dưới đây:



Hình 2: Lộ trình phát triển thị trường các-bon trong nước Việt Nam¹

Vào ngày 18 tháng 1 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 01/2022/QĐ-TTg về "Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK". Quyết định này yêu cầu tổng cộng 1.912 doanh nghiệp phát thải KNK phải tiến hành kiểm kê KNK hoặc tham gia vào thị trường các-bon trong nước của Việt Nam.

Các chính sách kể trên thiết lập một khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường các-bon trong nước và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập ETS tại Việt Nam. Việc thiết lập thành công và quy định hiệu quả của ETS tại Việt Nam đòi hỏi các sáng kiến xây dựng năng lực sâu rộng và hoạt động nhằm tăng cường hiểu biết về ETS giữa các bên liên quan, bao gồm cả các nhà hoạch định chính sách.

Do đó, một chương trình đào tạo mô phỏng ETS để nâng cao nhận thức và hợp tác giữa các cơ quan chính phủ và khu vực tư nhân là yếu tố cần thiết để thành lập và vận hành thành công ETS. Những nỗ lực này sẽ không chỉ góp phần mở đường cho việc triển khai ETS mà còn giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu NZ.

2 NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Đây là một trong những hỗ trợ của Chương trình đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP) nhằm phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam, và sẽ được thực hiện với sự hợp tác của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) và Bộ Tài chính (Bộ TC). Đối với Bộ TN&MT, ETP sẽ hỗ trợ Cục Biến đổi khí hậu (Cục BĐKH): thí điểm và mô phỏng ETS, thiết kế định giá các-bon, thí điểm dán nhãn tự nguyện và đánh giá các cơ hội liên kết ETS trong nước với ETS quốc tế. Đối với Bộ TC, ETP sẽ hỗ trợ Vụ Pháp chế xác định các khoảng trống pháp lý, tài chính và cơ sở hạ tầng cho việc phát triển sàn giao dịch các-bon và lấp đầy các khoảng trống thông qua các hỗ trợ kỹ thuật và các hoạt động xây dựng năng lực. Mục tiêu cuối cùng của hỗ trợ này là giúp Việt Nam thiết lập một thị trường các-bon có thể hoạt động tốt và một sàn giao dịch các-bon vào năm 2027.

Nội dung công việc của Hỗ trợ kỹ thuật được chia làm 10 nhiệm vụ cụ thể:

- Nhiệm vụ 1: Soạn thảo kế hoạch thực hiện.
- Nhiệm vụ 2: Tổ chức hội thảo khởi động.
- Nhiệm vụ 3: Tổ chức phân tích, khảo sát và tham vấn các bên liên quan và doanh nghiệp về nhận thức và khả năng sẵn sàng tham gia thị trường các-bon.
- Nhiệm vụ 4: Xây dựng sơ đồ và kế hoạch tham gia của các bên liên quan để tiếp cận các nhóm mục tiêu.
- Nhiệm vụ 5: Chuẩn bị công cụ mô phỏng thị trường các-bon phù hợp với Việt Nam về ngôn ngữ, tiền tệ, thời gian, các khoản bù trừ, giá trần/sàn, việc lưu giữ hạn ngạch dung sau và những biến động thị trường để sử dụng trong nhiệm vụ.
- Nhiệm vụ 6: Cung cấp một nền tảng mô phỏng carbon trên web.
- Nhiệm vụ 7: Các khóa đào tạo sử dụng công cụ mô phỏng ETS.

¹ Nguồn: Nghị định 06/2022/NĐ-CP

- Nhiệm vụ 8: Lên kế hoạch cho lớp đào tạo nâng cao về thị trường các-bon cho các quan chức chủ chốt của chính phủ.
- Nhiệm vụ 9: Lập báo cáo kỹ thuật tóm tắt kết quả mô phỏng và đánh giá tác động.
- Nhiệm vụ 10: Báo cáo và hội thảo tổng kết.

Thông qua một công cụ mô phỏng ETS và một trang web tổng hợp kiến thức cho những người tham gia và các bên liên quan tham gia ETS. Các khóa đào tạo về ETS sử dụng công cụ mô phỏng sẽ được chuyển đến các doanh nghiệp và những bên tham gia tiềm năng để nâng cao nhận thức và sự sẵn sàng về ETS trong tương lai tại Việt Nam. Ngoài ra, Tư vấn sẽ xây dựng các khuyến nghị chính sách cụ thể về thiết kế ETS dựa trên phân tích các bài học kinh nghiệm và tác động ETS đối với quá trình chuyển dịch năng lượng. Nhiệm vụ sẽ hỗ trợ trực tiếp việc giới thiệu ETS trong nước như một công cụ định giá các-bon vào năm 2027.

Dựa theo hợp đồng được ký kết giữa Văn phòng dịch vụ dự án Liên hợp quốc (UNOPS) và Tư vấn, Hỗ trợ kỹ thuật dự kiến sẽ diễn ra trong khoảng thời gian 18 tháng, bắt đầu từ tháng 7 năm 2023 và kết thúc vào tháng 1 năm 2025.

Việc triển khai Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được thực hiện bởi liên danh gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng và Môi trường (VNEEC), Công ty Quản lý Tài sản Các-bon South Pole, Công ty Cổ phần Giải Pháp Công nghệ Việt Nam (VETS) và các chuyên gia quốc tế được huy động bởi VNEEC.

Những bên hưởng lợi chính của Hỗ trợ kỹ thuật này bao gồm Bộ TN&MT, tập trung cụ thể vào Cục BDKH cũng như các bộ và cơ quan trực tuyến chịu trách nhiệm thiết kế và vận hành ETS trong tương lai tại Việt Nam. Ngoài ra, những người hưởng lợi chính bao gồm các doanh nghiệp phát thải KNK phải tham gia vào các ETS trong tương lai. Phụ lục I cung cấp một danh sách các bên liên quan khác có thể được hưởng lợi từ Hỗ trợ kỹ thuật này.

3 PHƯƠNG PHÁP VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

3.1 Nhiệm vụ 1: Soạn thảo báo cáo khởi động và kế hoạch làm việc

3.1.1 Mục tiêu

Mục tiêu chính của giai đoạn khởi động là đạt được sự hiểu biết chung giữa Tư vấn và Khách hàng về các khía cạnh chính của Hỗ trợ kỹ thuật. Trong giai đoạn này, các cuộc họp sẽ được tổ chức để đạt được sự đồng thuận về cách tiếp cận và phương pháp để hoàn thành các nhiệm vụ và các điều chỉnh/sửa đổi nếu cần thiết. Nhiệm vụ này bao gồm việc cập nhật kế hoạch triển khai dự kiến để đảm bảo thống nhất với cách tiếp cận đã thỏa thuận giữa các bên. Giai đoạn khởi động đặt nền tảng cho sự hợp tác thành công và tiếp nối các giai đoạn tiếp theo của Hỗ trợ kỹ thuật.

3.1.2 Các hoạt động

3.1.2.1 Hoạt động 1.1: Tiến hành cuộc họp khởi động

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, sau khi ký hợp đồng với UNOPS, VNEEC đã chủ động chuẩn bị các thỏa thuận hợp đồng phụ ký kết với các thành viên liên quan, bao gồm South Pole và VETS. Bước này rất quan trọng để đảm bảo việc tham gia đúng thời gian của các chuyên gia để triển khai Hỗ trợ kỹ thuật.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, Tư vấn đã tổ chức cuộc họp khởi động với ETP. Mục tiêu chính của cuộc họp này là giới thiệu nhóm tư vấn, chuẩn bị Báo cáo khởi động và thảo luận về các bước tiếp theo. Tư vấn đã trình bày tổng quan về Hỗ trợ kỹ thuật, kế hoạch thực hiện, phương pháp quản lý nhóm, cách tiếp cận và phương pháp tổng thể để thực hiện nhiệm vụ 3. Tổng quan về công cụ mô phỏng thị trường các-bon cũng được giới thiệu. Biên bản chi tiết của cuộc họp khởi động giữa các Tư vấn và ETP được cung cấp trong Phụ lục IV.

3.1.2.2 Hoạt động 1.2: Chuẩn bị báo cáo khởi động và cập nhật kế hoạch dự án

Dựa trên Điều khoản tham chiếu (TOR) và các cuộc thảo luận được tổ chức trong các cuộc họp khởi động với Khách hàng và các bên liên quan chính, Báo cáo khởi động đã được chuẩn bị và nộp. Báo cáo thiết lập khung triển khai nhất quán của Hỗ trợ kỹ thuật từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành.

Để đảm bảo quá trình hợp tác và tổng thể điều phối, việc tham vấn và tương tác chặt chẽ với Cục BDKH và ETP sẽ được duy trì. Việc tham vấn này giúp hướng tới sự đồng thuận cuối cùng trước khi tiến hành các hoạt động tiếp theo của Hỗ trợ kỹ thuật. Với sự tham gia các bên liên quan chính này, quá trình thực hiện sẽ được lợi từ chuyên môn và hiểu biết của các bên, đảm bảo việc thực hiện hiệu quả và cung cấp đầy đủ thông tin.

3.1.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nhân lực cho nhiệm vụ này được cung cấp dưới đây:

Bảng 1: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 1 (W1-W2, W3-W6, 01/08 – 10/08/2023, 20/08 – 10/09/2023)

STT	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày công
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	5
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải KNK trong nước: Trần Minh Tuyền	1
3	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải KNK quốc tế: Roxanne Tan	3
4	Chuyên gia mô phỏng thị trường các-bon: Josh Margolis	3
5	Chuyên gia về kết nối các bên liên quan 1: Lưu Minh Nghĩa	2
6	Chuyên gia đào tạo và nâng cao năng lực quốc tế 1: Karolien Casaer-Diez	3
7	Chuyên gia đào tạo và nâng cao năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	2
8	Chuyên gia đào tạo và nâng cao năng lực trong nước 1: Nguyễn Tiến Hải	1
9	Chuyên gia về định giá các-bon quốc tế: Victor Escalona Gomez	2
10	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	3
11	Chuyên gia về công nghệ thông tin: Dương Chí Công	3
12	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.1.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ

Báo cáo khởi động bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Cùng với báo cáo khởi động, những tài liệu sau đây sẽ được nộp kèm:

- Một bản tóm tắt, có thể công bố (không quá 2 trang) bằng tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

- Một bản thuyết trình PowerPoint, trong đó nhấn mạnh các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.2 Nhiệm vụ 2: Tổ chức hội thảo khởi động

3.2.1 Mục tiêu

Mục tiêu chính của nhiệm vụ này là trình bày Hỗ trợ kỹ thuật và thu thập thông tin và phản hồi từ các bên liên quan. Trong quá trình này, kế hoạch chi tiết, lịch trình, và các sản phẩm của Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được chia sẻ và thảo luận. Mục đích nhằm để thu thập dữ liệu đầu vào và phản hồi từ các bên liên quan về các khía cạnh này. Ngoài ra, nhiệm vụ này sẽ tìm ra các cơ hội hợp tác tiềm năng với các hoạt động khác để tránh sự chồng chéo và đảm bảo phối hợp hiệu quả. Bằng cách tương tác với các bên liên quan và tìm kiếm sự hỗ trợ và hợp tác của họ, việc triển khai Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được hưởng lợi từ những hiểu biết và sự tham gia của các bên, đảm bảo sự thành công của Hỗ trợ kỹ thuật.

3.2.2 Các hoạt động

3.2.2.1 Hoạt động 2.1: Chuẩn bị hội thảo khởi động

Cùng với việc tham vấn ý kiến của Cục BĐKH và ETP, Tư vấn sẽ chuẩn bị chương trình hội thảo và đề xuất danh sách các bên tham gia Hội thảo khởi động. Các bên liên quan chính cụ thể tham gia vào quá trình này, cùng với thông tin liên hệ và vai trò và trách nhiệm của họ, được xác định và đưa ra chi tiết trong Phụ lục I. Cùng với sự hợp tác của Cục BĐKH, ETP và các bên liên quan khác, Tư vấn sẽ hướng tới một quy trình tham vấn toàn diện và tổng thể để thu thập dữ liệu đầu vào có giá trị và thúc đẩy sự hợp tác trong suốt thời gian thực hiện Hỗ trợ kỹ thuật.

3.2.2.2 Hoạt động 2.2: Tổ chức hội thảo khởi động

Tư vấn, với sự chấp thuận của Bộ TN&MT/Cục BĐKH và ETP, sẽ tổ chức hội thảo khởi động với sự tham gia của các bên liên quan chính được xác định trong Báo cáo khởi động.

3.2.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nhân lực cho nhiệm vụ này được trình bày dưới đây:

Bảng 2: Chi tiết về nhân lực cho Nhiệm vụ 2 (W1- W6, 01/08 – 10/09/2023)

STT	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày công
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	5
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải KNK trong nước: Trần Minh Tuyền	1
3	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải KNK quốc tế: Roxanne Tan	4
4	Chuyên gia mô phỏng thị trường các-bon: Josh Margolis	3
5	Chuyên gia về kết nối các bên liên quan 1: Lưu Minh Nghĩa	4
6	Chuyên gia đào tạo và nâng cao năng lực quốc tế 1: Karolien Casaer-Diez	4
7	Chuyên gia đào tạo và nâng cao năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	2
8	Chuyên gia đào tạo và nâng cao năng lực trong nước 1: Nguyễn Tiến Hải	3
9	Chuyên gia chính sách định giá các-bon quốc tế: Victor Escalona Gomez	1
10	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	5

11	Chuyên gia về công nghệ thông tin: Dương Chí Công	5
12	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.2.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ (Cột mốc 1)

- Bản báo cáo khởi động hoàn thiện bằng tiếng Anh và tiếng Việt gửi tới ETP và Cục BDKH
- Biên bản Hội thảo khởi động và các tài liệu hội thảo

Nếu được yêu cầu, những tài liệu sau đây sẽ được nộp kèm:

- Một bản tóm tắt, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint tóm tắt các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.3 Nhiệm vụ 3: Tiến hành phân tích, khảo sát, tham vấn các bên liên quan về sự sẵn sàng và nhận thức của các doanh nghiệp về phát thải KNK và thị trường các-bon

3.3.1 Mục tiêu

Mục tiêu chính của nhiệm vụ này là thu thập thông tin và đánh giá sự sẵn sàng, nhận thức, nhu cầu và khoảng trống của các doanh nghiệp được quy định tại Quyết định Số 01/2022/QĐ-TTg, cũng như các công ty chủ chốt tiềm năng khác trong thị trường các-bon, tập trung vào ETS. Sau đó, danh sách hoàn thiện những doanh nghiệp tham gia tiềm năng cho các khóa đào tạo sẽ được biên soạn.

3.3.2 Các hoạt động

3.3.2.1 Hoạt động 3.1: Tiến hành đánh giá và tham vấn về ETS (các đối tượng không phát thải)

Để xác định khoảng trống về nhận thức và sự sẵn sàng của các bên liên quan liên quan về ETS, việc xem xét, đánh giá và tham vấn với các bên liên quan sẽ được tiến hành tập trung vào các yếu tố sau:

- Chính sách về khí hậu quốc tế và trong nước có liên quan đến sự phát triển của ETS tại Việt Nam
- Những hoạt động đào tạo trước đây ở Việt Nam và tập trung vào các phương thức tiếp cận, cấu trúc, nội dung và kết quả của việc đào tạo.
- Kinh nghiệm quốc tế trong việc xác định các bên tham gia ETS.

Hoạt động này bao gồm đánh giá một loạt các ấn phẩm và tài liệu đào tạo, bao gồm cả chính sách khí hậu quốc tế và trong nước. Việc này bao gồm xem xét các chương trình đào tạo trước đây được thực hiện bởi Chương trình đối tác hành động các-bon Quốc tế (ICAP), cũng như các mô phỏng ETS được thực hiện tại Việt Nam và các quốc gia khác. Hơn nữa, những hiểu biết rút ra từ dự án “Chuẩn bị sẵn sàng cho xây dựng thị trường các bon tại Việt Nam” sẽ được sử dụng để thiết lập một nền tảng ban đầu cho việc đào tạo của Hỗ trợ kỹ thuật này.

Để đảm bảo khung đào tạo phù hợp với các khoảng trống năng lực và yêu cầu cụ thể để thiết kế và thực hiện ETS tại Việt Nam, các cuộc tham vấn sẽ được thực hiện với các nhà hoạch định

chính sách chủ chốt tập trung vào Cục BDKH thuộc Bộ TN&MT và Vụ Pháp chế thuộc Bộ TC, vì đây là những cơ quan chính phủ có liên quan chủ chốt chịu trách nhiệm thiết lập ETS Tại Việt Nam. Các cuộc tham vấn khác với các cơ quan chính phủ khác sẽ được xác định sau khi tham vấn với Cục BDKH và Vụ Pháp chế thuộc Bộ TC. Các cuộc tham vấn này sẽ nhằm xác định các khoảng trống và nhu cầu năng lực thực tế liên quan đến thiết kế và hoạt động của ETS theo quan điểm của cơ quan quản lý ETS. Những hiểu biết rút ra từ các cuộc tham vấn này sẽ được xem xét cẩn thận và tích hợp vào khung đào tạo, cũng như được sử dụng để phát triển báo cáo về nhận thức và sự sẵn sàng.



Hình 3: Quy trình làm việc và dự kiến kết quả của hoạt động 3.1

3.3.2.2 Hoạt động 3.2: Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát

Khi đã xác định được nhận thức, đánh giá sự sẵn sàng và khung đào tạo năng lực, một tập hợp các câu hỏi khảo sát sẽ được xây dựng. Bảng câu hỏi sẽ được thiết kế bao gồm các phần chính, thông tin của người trả lời, kiến thức cơ bản về ETS, sự sẵn sàng và những nội dung khác. Các phần này sẽ giúp đánh giá sự chuẩn bị của những bên tham gia và mức độ hiểu biết của họ về ETS thông qua một loạt các câu hỏi được xây dựng thận trọng. Để đảm bảo sự hợp tác của các doanh nghiệp và tỷ lệ phản hồi an toàn, độ dài của bảng câu hỏi sẽ được kiểm soát và các câu hỏi được dự định là vừa đủ để đánh giá nhận thức và sự sẵn sàng của các bên liên quan về ETS. Bảng câu hỏi sẽ được thiết kế bằng cả tiếng Anh và Tiếng Việt. Tuy nhiên, chỉ có phiên bản Tiếng Việt sẽ được sử dụng cho cuộc khảo sát.

Phần nhận thức sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở các chủ đề sau:

- Hiểu biết và nhận thức về các cơ chế định giá các-bon hiện tại
- Hiểu biết và nhận thức về quy định của chính phủ và nghĩa vụ liên quan đến thị trường các-bon tương lai trong nước tại Việt Nam
- Hiểu biết và nhận thức về biến đổi khí hậu và tác động của các hoạt động trong sản xuất.

Phần đánh giá sự sẵn sàng sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở các chủ đề sau:

- Tiết kiệm năng lượng/tiềm năng cải thiện hiệu quả của công ty.
- Lượng tiêu thụ năng lượng hiện tại/Lượng phát thải.
- Năng lực và năm kinh nghiệm của công ty liên quan đến đo lường và báo cáo tiêu thụ năng lượng và/hoặc phát thải KNK, tổng lượng phát thải KNK, phương thức giảm phát thải KNK
- Kế hoạch cụ thể về giảm phát thải KNK ngắn hạn và dài hạn.

Việc thiết kế các câu hỏi sẽ được xây dựng thận trọng, dựa trên kinh nghiệm sâu trong nước và quốc tế của các chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực này. Hơn nữa, các bảng câu hỏi sẽ được kết hợp bằng những hiểu biết thu được thông qua hoạt động 3.1 với các nhà hoạch định chính sách chủ chốt và các bên liên quan được thực hiện trong hoạt động nói trên.

Mục đích chính của bảng câu hỏi là xác định các yêu cầu cụ thể của khu vực tư nhân liên quan đến sự tham gia của họ vào ETS trong tương lai. Thông tin quan trọng này sẽ tạo cơ sở cho việc xây dựng nội dung đào tạo phù hợp nhằm giải quyết trực tiếp những nhu cầu này. Bằng cách đó, Hỗ trợ kỹ thuật nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết và sự chuẩn bị của khu vực tư nhân. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát cũng sẽ đóng góp cho báo cáo đánh giá mức độ sẵn sàng và nhận thức.

Hơn nữa, bảng câu hỏi sẽ bao gồm phần hồ sơ công ty để thu thập thông tin cơ bản từ các nguồn phát thải, nhằm cung cấp hồ sơ toàn diện về nhóm mục tiêu cho hoạt động đào tạo. Phần này sẽ tập trung vào các khía cạnh sau:

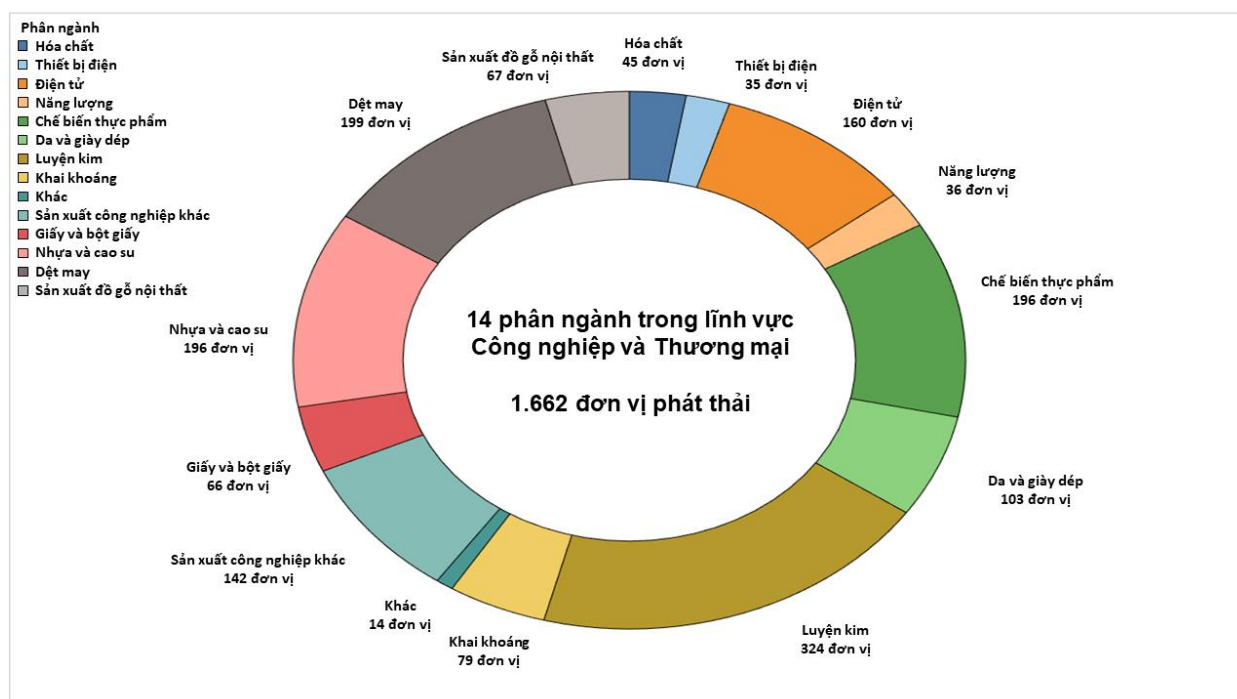
- **Lượng tiêu thụ năng lượng:** Thu thập dữ liệu về phương thức tiêu thụ năng lượng của các nguồn phát, chẳng hạn như các loại nguồn năng lượng/nguyên liệu được sử dụng.
- **Hồ sơ doanh nghiệp:** Thu thập thông tin về bản chất hoạt động kinh doanh và sản phẩm của đơn vị phát thải, lĩnh vực ngành nghề, khối lượng, quy mô hoạt động và quy trình sản xuất.
- **Vị trí địa lý:** Xác định vị trí địa lý của các nguồn phát thải.

Bằng cách thu thập thông tin cơ bản bổ sung này, cuộc khảo sát nhằm mục đích cung cấp sự hiểu biết toàn diện về các nguồn phát thải và bối cảnh cụ thể của chúng, góp phần vào tiến trình lựa chọn những doanh nghiệp tiềm năng tham gia khóa đào tạo.

3.3.2.3 Hoạt động 3.3: Xác định quy mô và phạm vi của các khảo sát

Để thiết lập cơ sở dữ liệu toàn diện và thống nhất phù hợp với khung phát triển thị trường các-bon ở Việt Nam, Tư vấn sẽ tiến hành khảo sát các nguồn phát thải KNK đã được xác định và có nghĩa vụ thực hiện kiểm kê KNK nêu trong Quyết định số 01/2022 /QĐ-TTg, hoặc trong số các doanh nghiệp phát thải KNK có thể tham gia vào thị trường các-bon nội địa sắp tới ở Việt Nam.

Tuy nhiên, số lượng đơn vị được nêu tại Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg rất lớn (1.912 đơn vị) và không thể khảo sát tất cả các đơn vị cho mục đích của Hỗ trợ kỹ thuật này. Ngoài ra, trong giai đoạn thí điểm và giai đoạn đầu của ETS, không phải tất cả các doanh nghiệp đều có khả năng được phân bổ hạn ngạch phát thải hoặc được quản lý theo ETS. Hiện tại, chưa có tiêu chí hoặc thông tin nào được công bố liên quan đến việc lựa chọn các đơn vị phát thải tham gia ETS của Việt Nam. Hơn nữa, dựa trên phân tích ban đầu của Tư vấn, có sự phân bố không đồng đều về các nguồn phát thải KNK ở các tiểu ngành khác nhau trong bốn lĩnh vực chính có biểu hiện và cấu trúc phát thải riêng biệt.



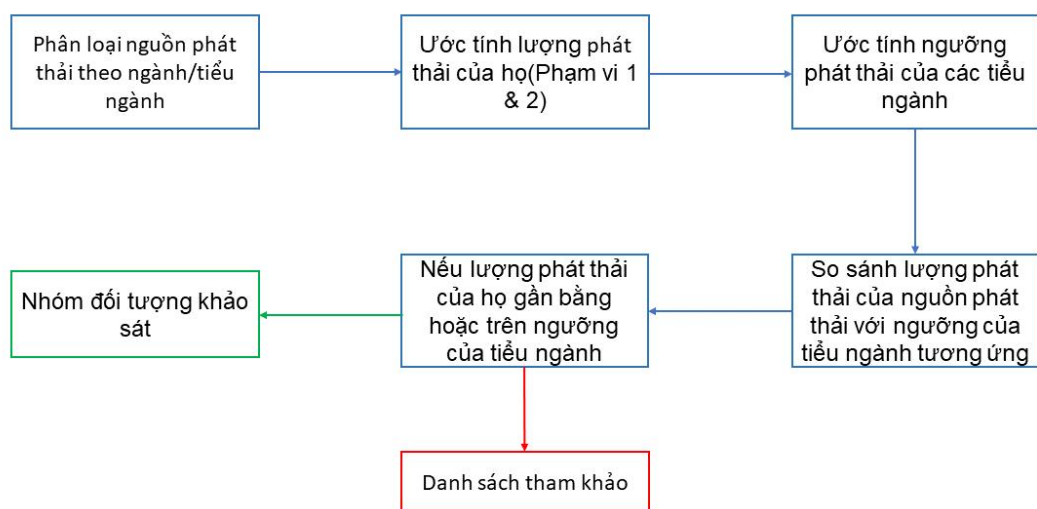
Hình 4: Số lượng cơ sở phát thải trong 14 tiểu lĩnh vực của lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại dựa trên Quyết định 01/2022/QĐ-TTg

Nguồn: Phân tích của Tư vấn dựa trên Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg

Dựa trên tính hiệu quả của khóa đào tạo, việc quan trọng nhất là phải lựa chọn hạn chế số lượng doanh nghiệp phát thải. Do đó, cách tiếp cận của Tư vấn là xác định các đối tượng có lượng phát thải lớn cần tham gia khóa đào tạo, đồng thời đảm bảo có sự đại diện của mọi ngành trong ETS sắp tới ở Việt Nam.

- **Bước 1:** Dựa trên dữ liệu có sẵn của Tư vấn, ước tính lượng phát thải KNK trước đó tương ứng với các doanh nghiệp phát thải được liệt kê trong Quyết định 01/2022/QĐ-TT và những dữ liệu bổ sung về mức tiêu thụ năng lượng và khả năng vận hành²; Để đảm bảo một phương thức tiếp cận thận trọng, phát thải trong Phạm vi 1 và 2 của các nguồn phát thải này sẽ được ước tính.
- **Bước 2:** Dựa trên lượng phát thải KNK trước đó thu được từ bước 1, lượng phát thải KNK trung bình cho từng tiểu ngành sẽ được xác định để thiết lập các ngưỡng cho các tiểu ngành. Mỗi ngưỡng này sẽ được xác định bằng lượng phát thải trung bình của các công ty trong một tiểu ngành cụ thể. Các ngưỡng này sẽ đóng vai trò là điểm tham chiếu để xác định các nguồn phát thải lớn trong các tiểu lĩnh vực tương ứng của chúng.
- **Step 3:** Các nguồn phát thải có lượng phát thải KNK trước đó vượt quá và gần ngưỡng tiểu ngành, trong đó biểu thị mức phát thải đáng kể, sẽ được phân loại là "các nguồn phát thải lớn". Do đó, cuộc khảo sát sẽ tập trung chủ yếu vào các đối tượng phát thải lớn này để thu thập dữ liệu và tổng quan toàn diện liên quan đến lượng phát thải, các phương pháp thực tiễn và các biện pháp giảm thiểu tiềm năng cũng như mức độ sẵn sàng và nhận thức của họ về ETS trong tương lai ở Việt Nam.

² Giả thiết rằng dữ liệu cập nhật mới nhất của Quyết định số 01/2022/QĐ-TT sẽ được Cục BĐKH cung cấp để phân tích thêm



Hình 5: Quy trình làm việc để xác định phạm vi khảo sát

Các bên tham gia chính của các khóa đào tạo sẽ được lựa chọn dựa trên nhóm mục tiêu của cuộc khảo sát, những doanh nghiệp nằm trong số những nguồn phát thải lớn nhất trong nước và có khả năng là mục tiêu đầu tiên trong giai đoạn thí điểm và giai đoạn đầu của ETS. Tuy nhiên, các khóa đào tạo sẽ không loại trừ nhóm các nguồn phát thải nhỏ hơn nên các nguồn phát thải có tên trong danh sách tham khảo sẽ được xem xét lựa chọn và mời tham gia đào tạo nếu phù hợp.

3.3.2.4 Hoạt động 3.4: Thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu

Cuộc khảo sát sẽ được thực hiện thông qua kênh trực tuyến và qua đường bưu điện. Ngoài ra, nếu thông tin thu thập được từ quá trình xem xét và tư vấn tại chỗ cần được làm rõ thêm hoặc dữ liệu bổ sung, một số bên liên quan đã được tham vấn trong Hoạt động 3.1 cũng có thể được nhận khảo sát. Để đảm bảo tỷ lệ phản hồi tối thiểu đạt 20% (những phản hồi có chất lượng tốt và đầy đủ thông tin), Tư vấn sẽ chủ động theo dõi người nhận sau khi gửi bảng câu hỏi và sử dụng các sự kiện, phương tiện truyền thông đại chúng để thu hút sự quan tâm từ các nhóm mục tiêu (ví dụ: Hội thảo khởi động sẽ được dùng làm nền tảng để giới thiệu cuộc khảo sát và thu hút sự quan tâm/ủng hộ của công chúng).

Kết quả thu thập từ bảng câu hỏi sẽ được tổng hợp trong vòng một tháng kể từ khi bắt đầu nhiệm vụ. Sau đó, Tư vấn sẽ đánh giá phiếu trả lời của từng bên tham gia tiềm năng. Trong việc thực hiện các câu hỏi, tính bảo mật thông tin của các bên tham gia khảo sát sẽ được chú ý. Tư vấn sẽ cam kết trong mẫu câu hỏi rằng chỉ sử dụng thông tin thu thập được và sử dụng cho mục đích của Hỗ trợ kỹ thuật. Điều quan trọng cần lưu ý là cuộc khảo sát sẽ được thực hiện dưới sự hướng dẫn và phê duyệt của Cục BDKH, Bộ TN&MT và ETP, tạo khuôn khổ cho nhà vấn thực hiện cuộc khảo sát phù hợp với các cơ quan được chỉ định.

Dữ liệu được thu thập sẽ được phân loại thành các nhóm và danh mục để có thể tìm ra phương thức. Hình ảnh trực quan, biểu đồ và bảng sẽ bao gồm trong báo cáo.

3.3.2.5 Hoạt động 3.5: Chuẩn bị báo cáo đánh giá về sự sẵn sàng và nhận thức và đề xuất danh sách đối tượng tiềm năng tham gia các khóa đào tạo

Dữ liệu và thông tin được thu thập từ Hoạt động 3.1, kết hợp với kết quả khảo sát, sẽ rất quan trọng trong việc tạo ra Báo cáo tổng quát đánh giá nhận thức và tính sẵn sàng. Báo cáo này sẽ cung cấp thông tin giá trị về sự chuẩn bị, nhận thức, nhu cầu và khoảng trống của các bên tham gia chủ chốt tiềm năng sẽ tham gia các khóa đào tạo sắp tới. Hơn nữa, Báo cáo đánh giá mức độ sẵn sàng và nhận thức sẽ đóng vai trò là dữ liệu đầu vào cho Cục BĐKH, tạo nền tảng cho những hoạt động tương lai ở Việt Nam nhằm đảm bảo việc chuẩn bị và phát triển hiệu quả của ETS sau này. Ngoài ra, dữ liệu đầu vào của khảo sát sẽ được sử dụng để thực hiện các điều chỉnh cần thiết có thể được đưa vào mô phỏng ở giai đoạn sau.

3.3.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nhân lực thực hiện nhiệm vụ này được cung cấp dưới đây:

Bảng 3: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 3 (W5- W16, 01/09 – 30/11/2023)

Số	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	8
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải KNK trong nước: Trần Minh Tuyền	10
3	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc tế: Roxanne Tan	6
4	Chuyên gia mô phỏng thị trường các-bon: Josh Margolis	1
5	Chuyên gia về kết nối các bên liên quan 1: Lưu Minh Nghĩa	10
6	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 1: Karolien Casaer-Diez	6
7	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	1
8	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc gia 1: Nguyễn Tiến Hải	10
9	Chuyên gia chính sách giá các-bon quốc tế: Victor Escalona Gomez	6
10	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	24
11	Chuyên gia Công nghệ thông tin: Dương Chí Công	3
12	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.3.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ

- Bảng câu hỏi khảo sát đã được phê duyệt bởi ETP và Cục BĐKH.
- Báo cáo đánh giá về nhận thức, tính sẵn sàng và năng lực cần đào tạo.

Nếu được yêu cầu, những văn bản sau đây sẽ được gửi đi:

- Một bản tóm tắt điều hành công khai, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint công khai, làm nổi bật các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.4 Nhiệm vụ 4: Xây dựng kế hoạch sắp xếp và tương tác chi tiết của các bên liên quan để tiếp cận và thu hút các nhóm mục tiêu

3.4.1 Mục tiêu

Mục tiêu của nhiệm vụ này là tiến hành lập kế hoạch tham gia và bản đồ các bên liên quan để tiếp cận và thu hút sự tham gia rộng rãi của các nhóm mục tiêu thông qua các buổi đào tạo trong Hỗ trợ kỹ thuật này.

3.4.2 Hoạt động

3.4.2.1 Hoạt động 4.1: Phát triển danh sách/bản đồ chi tiết các bên liên quan

Tư vấn sẽ phân tích, phân loại kết quả thu được từ nhiệm vụ trước đó để lập danh sách những doanh nghiệp có thể tham gia các khóa đào tạo trong nhiệm vụ 7. Quá trình lựa chọn tham gia đào tạo sẽ ưu tiên các tiêu chí sau:

- Có lượng phát thải đáng kể, nên họ là đại diện chủ chốt của các tiểu ngành tương ứng.
- Có sự quan tâm cao tới ETS.
- Có sự đa dạng về địa lý trên toàn quốc.

Ngoài ra, một danh sách mở rộng các bên tham gia sẽ được đề xuất, dựa trên kết quả từ việc lập bản đồ tổng thể về các bên liên quan. Danh sách mở rộng này sẽ bao gồm các bên tham gia từ nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm:

- **Quan chức chính phủ chủ chốt** từ các bộ và cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm giám sát các ngành liên quan đến việc phát triển và vận hành ETS trong tương lai.
- **Nhà cung cấp dịch vụ ETS và các bên liên quan đến bù trừ tín chỉ**, các bên liên quan có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ triển khai ETS.
- **Các bên liên quan khác** tham gia vào việc phát triển và vận hành thị trường các-bon nội địa tại Việt Nam. Có thể bao gồm các cơ quan pháp lý, tổ chức tài chính, tổ chức nghiên cứu, tổ chức phi chính phủ và NPO, cùng với những tổ chức khác.

Bằng cách kết hợp thêm các bên liên quan này, các sáng kiến đào tạo tiếp theo có thể được hưởng lợi từ nhiều quan điểm và kiến thức chuyên môn khác nhau, thúc đẩy cách tiếp cận toàn diện và hợp tác hơn để hỗ trợ phát triển và vận hành ETS tại Việt Nam.

Sau khi xác định được danh sách những bên tham gia tiềm năng, Tư vấn sẽ tiến hành lập sơ đồ kỹ lưỡng các bên liên quan để phân loại theo mức độ quan tâm (mức độ ảnh hưởng hoặc muốn tham gia vào Hỗ trợ kỹ thuật) và tầm ảnh hưởng (mức độ có thể tác động đến Hỗ trợ kỹ thuật). Hoạt động này sẽ sử dụng và cập nhật thông tin thu được từ hội thảo khởi động và các hoạt động khác trước đó.

3.4.2.2 Hoạt động 4.2: Xây dựng kế hoạch của các bên liên quan

Tư vấn sẽ xây dựng một kế hoạch cho sự tham gia của các bên liên quan để tăng cường trao đổi thông tin hiệu quả giữa tất cả các đối tác thực hiện, các nhóm mục tiêu và các bên liên quan tham gia vào Hỗ trợ kỹ thuật này. Mục tiêu là đảm bảo sự tham gia tích cực trong toàn bộ thời gian của Hỗ trợ kỹ thuật, tối đa hóa kết quả của hoạt động. Tư vấn dự thảo cấu trúc ban đầu cho kế hoạch tham gia như dưới đây. Kế hoạch tham gia ban đầu của các bên liên quan sẽ bao gồm kế hoạch truyền thông được đưa ra trong Phụ lục II và III.

Hộp 2: Cấu trúc ban đầu của kế hoạch tham gia của các bên liên quan

- **Giới thiệu:** Cung cấp cái nhìn tổng quan ngắn gọn về Hỗ trợ kỹ thuật và phác thảo mục tiêu của kế hoạch tương tác.
- **Xác định các bên liên quan và tiếp cận:** Chi tiết hóa vai trò và chiến lược để thu hút các nhóm mục tiêu và các bên liên quan được xác định trong Hoạt động 4.2.
- **Chiến lược cung cấp thông tin:** Chỉ định thông tin và nội dung được công bố, cùng với các định dạng, nền tảng và tần suất công bố.

- **Chiến lược truyền thông:** Đề xuất chiến lược truyền thông nhằm thúc đẩy các hoạt động của Hỗ trợ kỹ thuật một cách công khai, nhấn mạnh sự tham gia và cam kết của các nhóm mục tiêu. Ví dụ: những bên tham gia hoàn thành chương trình đào tạo đầy đủ sẽ nhận được chứng chỉ do Cục BDKH và ETP ký kết.
- **Xem xét các nhận xét và phản hồi:** Giải thích quy trình thu thập và xem xét các nhận xét cũng như phản hồi, đồng thời cam kết báo cáo lại cho các bên liên quan về các quyết định cuối cùng, cung cấp bản tóm tắt về cách kết hợp các nhận xét để liên tục cải thiện mô phỏng.
- **Chức năng và nhiệm vụ quản lý:** Mô tả cách thức hoạt động tương tác của các bên liên quan sẽ được tích hợp vào hệ thống quản lý của Hỗ trợ kỹ thuật và chỉ định đội ngũ nhân viên chuyên trách thực hiện và quản lý kế hoạch tham gia của các bên liên quan.

3.4.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nguồn nhân lực cho nhiệm vụ này được đưa ra như dưới đây:

Bảng 4: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 4 (W13- W16, 01/11 – 30/11/2023)

Số	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	8
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc gia: Trần Minh Tuyền	2
3	Chuyên gia liên kết các bên liên quan 1: Lưu Minh Nghĩa	10
4	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	2
5	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc gia 1: Nguyễn Tiến Hải	2
6	Chuyên gia chính sách giá các-bon quốc tế: Victor Escalona Gomez	2
7	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	3
8	Chuyên gia Công nghệ thông tin: Dương Chí Công	2
9	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.4.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ

Các sản phẩm chính của nhiệm vụ bằng tiếng Anh và tiếng Việt:

- Bản đồ chi tiết các bên liên quan
- Kế hoạch tham gia chi tiết của các bên liên quan.

Nếu được yêu cầu, những văn bản sau đây sẽ được gửi đi:

- Một bản tóm tắt điều hành công khai, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint công khai, làm nổi bật các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.5 Nhiệm vụ 5: Chuẩn bị và cung cấp quyền truy cập tới công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng trong Hỗ trợ kỹ thuật

3.5.1 Mục tiêu

Mục tiêu của nhiệm vụ này là thiết lập và cung cấp quyền truy cập vào công cụ mô phỏng thị trường các-bon tùy chỉnh được thiết kế dành riêng cho Việt Nam, thân thiện với người dùng, được thiết kế tốt và quản lý hiệu quả để tạo ra kết quả đáng tin cậy.

3.5.2 Hoạt động

3.5.2.1 *Hoạt động 5.1 Cung cấp quyền truy cập và xác định các lựa chọn để điều chỉnh công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng trong Hỗ trợ kỹ thuật*

Tư vấn sẽ sử dụng CarbonSim là công cụ mô phỏng cho hoạt động đào tạo và mô phỏng trong Hỗ trợ kỹ thuật này. CarbonSim là một công cụ được thiết kế và quản lý tốt nhằm chứng minh một cách hiệu quả cách ETS có thể giới hạn và giảm phát thải KNK, thúc đẩy các lực lượng thị trường giảm phát thải một cách hiệu quả về mặt chi phí, thúc đẩy đầu tư vào đổi mới công nghệ, góp phần đạt được mục tiêu kinh tế và xã hội. Được phát triển và sở hữu bởi EDF, CarbonSim đã được sử dụng thành công ở nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới, bao gồm Việt Nam (1 khoá đào tạo quy mô nhỏ) và một số quốc gia châu Á khác, vì lợi ích của các bên liên quan trong ETS.

CarbonSim được công nhận rộng rãi là một trong những công cụ mô phỏng thị trường các-bon mạnh mẽ và hiệu quả nhất hiện nay. Thành công của CarbonSim được thể hiện qua việc được lựa chọn là công cụ mô phỏng cho các khóa đào tạo ETS quốc tế do ICAP thực hiện.

Với thành tích đã được chứng minh, CarbonSim cung cấp giải pháp sẵn sàng sử dụng, không có yêu cầu về thời gian và nguồn lực bổ sung để phát triển công cụ mô phỏng mới. Tư vấn sẽ thực hiện những sửa đổi cần thiết để điều chỉnh CarbonSim cụ thể cho hỗ trợ kỹ thuật này.

Những lý do chính để chọn CarbonSim làm công cụ mô phỏng gồm:

- Việc phát triển một công cụ mô phỏng các-bon mới sẽ phát sinh thêm chi phí đáng kể, ước tính ít nhất là 500.000 USD.
- Việc tạo và thử nghiệm một công cụ mới từ đầu có thể cần tới 12 tháng.

Dựa trên các yếu tố này, việc sử dụng CarbonSim chính là chọn một công cụ mô phỏng thành công và đã được chứng minh, đồng thời cung cấp giải pháp tiết kiệm chi phí và tiết kiệm thời gian. Bằng cách sử dụng CarbonSim cho hỗ trợ kỹ thuật này, Tư vấn có thể tiết kiệm chi phí đáng kể và tránh được sự chậm trễ tiềm ẩn liên quan đến việc phát triển một công cụ mô phỏng các-bon mới.

Công cụ CarbonSim cung cấp một số tính năng chính để trở thành lựa chọn lý tưởng để mô phỏng thị trường tuân thủ theo thời gian thực của ETS do chính phủ quản lý. Các tính năng này phù hợp tốt với mục tiêu của Hỗ trợ kỹ thuật. Các tính năng cốt lõi của CarbonSim bao gồm:

- Có thể được quản lý tại chỗ (thông qua web hoặc mạng LAN nơi không thể truy cập web) hoặc được quản lý và/hoặc truy cập từ xa;
- Có thể chứa từ 36 người dùng (với 1 máy chủ và 1 người quản lý), 72 người dùng (với 1 máy chủ và 2 người quản lý...cài đặt được đề xuất cho Hỗ trợ kỹ thuật này) hoặc ~300+ người dùng (với 3 người và 3 máy chủ chạy đồng thời ba mô phỏng khác nhau);
- Mô phỏng các thành phần chọn lọc của trao đổi hạn ngạch phát thải, có thể được áp dụng tiếp cận theo từng giai đoạn:
 - ❖ phân bổ và điều chỉnh tự động hạn mức phát thải.

- ❖ giao nộp và ký gửi các hạn ngạch phát thải và tín chỉ bù trừ (hệ thống sẽ được thiết lập để tự động giao nộp và ký gửi các hạn ngạch phát thải và tín chỉ bù trừ)
 - ❖ tuân thủ giới hạn phát thải cấp tiến có thể điều chỉnh.
 - ❖ tham gia đấu giá thị trường phát các khoản phát thải cho phép với giá sàn, giá trần và thời hạn có thể điều chỉnh.
 - ❖ sử dụng và giao dịch bù trừ với giới hạn có thể điều chỉnh.
 - ❖ thực hiện các biện pháp giảm nhẹ.
 - ❖ khả năng tham gia vào thị trường thứ cấp (cả sử dụng sản phẩm giao dịch có giới hạn biên độ có thể điều chỉnh và thị trường giao dịch trực tiếp) cho các giao dịch giao ngay.
 - ❖ áp dụng các hình phạt có thể điều chỉnh cho việc không tuân thủ.
- Các tính năng được xây dựng bởi trí tuệ nhân tạo (AI) tăng cường khả năng cho phép tham gia thị trường cùng lúc bởi các công ty do con người và AI điều khiển.
 - Cho phép lựa chọn các cơ sở được vận hành bởi con người (các bên tham gia hoạt động thị trường các-bon) hoặc ở chế độ AI.
 - Cung cấp đánh giá định kỳ về hiệu suất của cơ sở và hệ thống.
 - Cho phép hoạt động cùng lúc bằng nhiều ngôn ngữ và nhiều loại tiền tệ.

Ngoài ra, công cụ này bao gồm một loạt các tính năng bổ sung nhằm nâng cao giá trị của công cụ, nâng cao chức năng, tính hiện thực, sự hoàn thiện và sự tiến bộ của nó so với các công cụ mô phỏng khác có sẵn cho Khách hàng. Các tính năng bổ sung này tăng đáng kể khả năng của công cụ, đảm bảo nó toàn diện, thiết thực, tinh vi và tiên tiến hơn với các tùy chọn thay thế gồm:

- Thời lượng có thể điều chỉnh của các khoảng thời gian tuân thủ ảo và các thành phần dựa trên thời gian khác theo nhu cầu mô phỏng.
- Các thông số đấu giá có thể điều chỉnh, bao gồm số lượng phiên đấu giá, thời gian đấu giá, loại và số lượng sản phẩm được bán đấu giá, khung giá và khoảng thời gian giữa các phiên đấu giá, theo nhu cầu của mô phỏng.
- Khả năng cho cả con người và AI tham gia đấu giá và trao đổi.
- Việc sử dụng các giai đoạn mô phỏng tuần tự, riêng biệt với các tham số thay đổi.
- Thích ứng với việc đưa ra các thay đổi trong các tham số mô phỏng, hay còn gọi là "biến động" (ví dụ: thay đổi trong phân bố, tốc độ tăng phát thải, sử dụng bù trừ, v.v.) trong giai đoạn mô phỏng.
- Cung cấp nguồn cấp dữ liệu liên tục về thông tin thị trường theo thời gian thực cho các bên tham gia mô phỏng.
- Cung cấp cho cơ quan quản lý quyền truy cập vào màn hình người dùng, khả năng dễ dàng khắc phục hầu hết các vấn đề và thể hiện các điểm giảng dạy một cách hiệu quả.

Bảng 5: Tóm tắt thông số kỹ thuật chính của CarbonSim

Chức năng		Chú thích
Chức năng chính	Giảm phát thải	Người sử dụng có thể giảm trách nhiệm phát thải bằng cách sử dụng biện pháp giảm phát thải tại doanh nghiệp, bao gồm thông tin về tổng mức giảm, chi phí và hiệu quả

	Trí tuệ nhân tạo	Thu hút sự tham gia của cả AI và con người
	Tiền tệ	Nhiều loại tiền tệ có thể được sử dụng đồng thời
	Trang quản lý công ty	Cho phép người sử dụng quản lý nhiều đơn vị của cùng một công ty
	Bảng điều khiển	Cung cấp cho người sử dụng một màn hình để theo dõi tất cả các thông số quan trọng
	Bảng chú giải	Người sử dụng có quyền truy cập vào các định nghĩa thuật ngữ chính
	Ngôn ngữ	Công cụ có thể dùng đồng thời bằng tiếng Việt (sau khi tạo bản tiếng Việt)
	Giảm bớt	Xếp hạng hiệu suất của người sử dụng dựa trên chi phí giảm phát thải biên và việc tuân thủ trong năm hiện tại và các năm tổng thể
	Liên lạc	Người dùng có thể gửi tin nhắn điện tử cho nhau
	Thị trường sơ cấp	Các khoản cho phép có thể được cung cấp thông qua đấu giá
	Màn hình quy tắc	Hệ thống cho phép người sử dụng xem cấu hình và quy tắc ETS
	Thị trường thứ cấp	Sàn giao dịch và thị trường giao dịch trực tiếp được cung cấp, thông qua đó người sử dụng có thể giao dịch các khoản cho phép và bù trừ
	Báo cáo toàn hệ thống	Cung cấp các số liệu hiệu suất mô tả năm hiện tại và các số liệu tổng thể liên quan đến lượng phát thải, hoạt động thị trường, số tiền huy động được, khoản bù trừ được sử dụng, hình phạt được đánh giá, v.v.
Chức năng quản lý	Các mục giảm phát thải có sẵn	Cung cấp bản kiểm kê các giảm phát thải với thông tin liên quan đến tên, chi phí, thời gian thực hiện, mức cắt giảm đạt được, v.v.
	Hỗ trợ giao dịch trí tuệ nhân tạo	Người sử dụng có thể đặt công ty của họ ở chế độ AI tự động quản lý danh mục các-bon của họ.
	Phân bổ	Cho phép điều chỉnh việc phân bổ được cung cấp miễn phí và những thiếu hụt do hậu quả.
	Hoàn trả hạn ngạch	Việc hoàn trả hạn ngạch có thể được thực hiện tự động (chế độ mặc định) hoặc thủ công.
	Bán đấu giá	Có thể thiết lập số lượng, tần suất, thời gian, số lượng/loại hạn ngạch được đấu giá.
	Hệ thống ngân hàng	Số lượng ngân hàng (liên quan đến nghĩa vụ tuân thủ) có thể được thiết lập.

Thời lượng của năm ảo và mô phỏng	Thời gian thực tế của mỗi năm ảo có thể được đặt từ vài phút đến vài tháng.
Tiếp cận thị trường giao dịch	Những người tham gia có thể truy cập và cung cấp vào thị trường giao dịch với nhiều giá thầu, phù hợp với việc sử dụng các lệnh thị trường, giới hạn và cắt lỗ.
Giới hạn biến động giá giao dịch	Một giới hạn có thể được đặt ra để giảm thiểu biến động giao dịch.
Mức phạt	Hình phạt tài chính có thể được áp dụng đối với những người tham gia có hành vi bất hợp pháp.
Dự trữ chính phủ	Số lượng hạn ngạch giữ lại để bán đấu giá có thể được điều chỉnh.
Bảng xếp hạng	Bảng xếp hạng có thể được hiển thị hoặc ẩn.
Giám sát	Cơ quan quản lý có thể truy cập, giám sát và kiểm soát từ xa trạng thái cũng như hành động của người dùng.
Đa hệ thống	Cơ quan quản lý có thể chạy nhiều mô phỏng, đồng thời và liên kết.
Số năm trong một mô phỏng	Mô phỏng có thể được chạy từ 1 đến 6 năm ảo trở lên.
Số lượng người dùng	Có thể chứa từ 1 đến hơn 200 người dùng, tùy thuộc vào số lượng người dùng mỗi nhóm (khuyến nghị hai người dùng mỗi nhóm) và số lượng máy chủ được sử dụng.
Bù trừ	Số lượng bù trừ có sẵn và tỷ lệ phần trăm tương đối hữu ích để đáp ứng các nghĩa vụ tuân thủ đều có thể được điều chỉnh.
Tiếp cận thị trường giao dịch trực tiếp	Việc tiếp cận thị trường giao dịch trực tiếp có thể được bật hoặc tắt.
Hệ số phạt	Lượng phát thải vượt quá mức có thể bị phạt bằng các khoản phạt tiền điều chỉnh và các khoản khấu trừ hạn ngạch vào năm sau.
Khả năng vay mượn của người dùng	Người dùng có thể vay tiền với lãi suất có thể điều chỉnh.
Tăng trưởng phát thải của người dùng	Tăng trưởng phát thải thông thường được đặt ra ở mức từ 2 đến 6% mỗi năm.
Mức giá	Giá sàn và giá trần được ấn định.
Tỷ lệ giảm	Tỷ lệ giảm phát thải trên toàn hệ thống có thể được đặt ở mức từ 0 đến >10%/năm.
Đăng ký	Cơ quan quản lý có thể theo dõi trạng thái đăng ký của người

		chơi.
	Thanh thời gian và thông báo dừng giao dịch	Người dùng được cung cấp thanh thời gian cho biết thời gian còn lại trong (các) phiên đấu giá và/hoặc số năm cũng như thông báo cho biết giao dịch đã bị tạm dừng.

3.5.2.2 Hoạt động 5.2: Điều chỉnh công cụ mô phỏng CacbonSim

Như đã đề cập ở trên, mục đích chính của công cụ CarbonSim là thể hiện các nguyên tắc giao dịch phát thải và mô phỏng thị trường thực tế. Các cơ quan quản lý ETS được hưởng lợi vì kết quả của chương trình phát sinh từ các lựa chọn kế hoạch của các nhà hoạch định chính sách. Các ngành được hưởng lợi vì công cụ làm sáng tỏ cách xây dựng và thực hiện chiến lược quản lý danh mục các-bon. Cần lưu ý là các kết quả định lượng không nên được xem xét cho mục đích hoạch định chính sách. Để điều chỉnh công cụ này cho phù hợp với bối cảnh quốc gia, Tư vấn sẽ thực hiện những điều chỉnh sau:

- Dịch sang tiếng Việt: Công cụ sẽ được dịch sang tiếng Việt để đảm bảo sự hiểu biết chung giữa những người tham gia.
- Điều chỉnh đơn vị tiền tệ sang Việt Nam Đồng: Việc điều chỉnh này nhằm mục đích đẩy nhanh quá trình quyết định trong quá trình mô phỏng bằng cách sử dụng đồng nội tệ. Lưu ý, mặc dù người dùng sẽ được tự do sử dụng VNĐ hoặc USD, với tỷ giá hối đoái giữa VNĐ và USD (hiện tại là ~23.825: 1), chúng tôi dự đoán rằng cơ quan quản lý sẽ thực hiện các việc mô phỏng bằng USD.
- Các thông số khác: Tư vấn sẽ điều chỉnh một số thông số khác dựa trên phản hồi của người tham gia sau mỗi lần mô phỏng, đảm bảo rằng công cụ này liên tục được điều chỉnh và phù hợp với nhu cầu của họ.

Những điều chỉnh này nhằm mục đích nâng cao tính hiệu quả và mức độ phù hợp của công cụ trong bối cảnh cụ thể của Hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp cho người tham gia trải nghiệm mô phỏng phù hợp và có ý nghĩa hơn.

3.5.2.3 Hoạt động 5.3: Kiểm tra công cụ mô phỏng

Sau khi kết hợp mỗi vòng điều chỉnh vào mô phỏng, thử nghiệm beta sẽ được tiến hành với sự tham gia của các chuyên gia thuộc Tư vấn với tư cách là người dùng để đảm bảo chức năng và tính ổn định của công cụ. Cần lưu ý là những điều chỉnh dẫn đến mất ổn định hệ thống và/hoặc đòi hỏi lượng thời gian/nguồn lực đặc biệt để thực hiện sẽ không được đáp ứng.

Về vấn đề này, hoạt động 5.2.2 và 5.2.3 có thể được lặp lại nếu cần thiết sau mỗi lần thực tập mô phỏng để đảm bảo tính ổn định của công cụ sau bất kỳ điều chỉnh cần thiết. Một số điều chỉnh thực tập mô phỏng “nhẹ” có thể được thực hiện mà không cần thử nghiệm beta. Mục tiêu là duy trì sự ổn định của công cụ trong khi liên tục điều chỉnh chức năng của nó dựa trên phản hồi và thử nghiệm.

3.5.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nguồn nhân lực cho nhiệm vụ này được đưa ra dưới đây:

Bảng 6: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 5 (W5- W23, 01/09 – 21/01/2024)

Số	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày
----	---------------------------	------

1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	8
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc gia: Trần Minh Tuyền	10
3	Chuyên gia mô phỏng thị trường các-bon: Josh Margolis	10
4	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc gia 1: Nguyễn Tiến Hải	10
5	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	10
6	Chuyên gia Công nghệ thông tin: Dương Chí Công	10
7	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.5.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ

Sản phẩm chính bao gồm việc truy cập vào công cụ mô phỏng thị trường các-bon, sẵn sàng sử dụng cho các buổi đào tạo.

Nếu được yêu cầu, những văn bản sau đây sẽ được gửi đi:

- Một bản tóm tắt điều hành công khai, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint công khai, làm nổi bật các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.6 Nhiệm vụ 6: Cung cấp một nền tảng mô phỏng carbon trên web

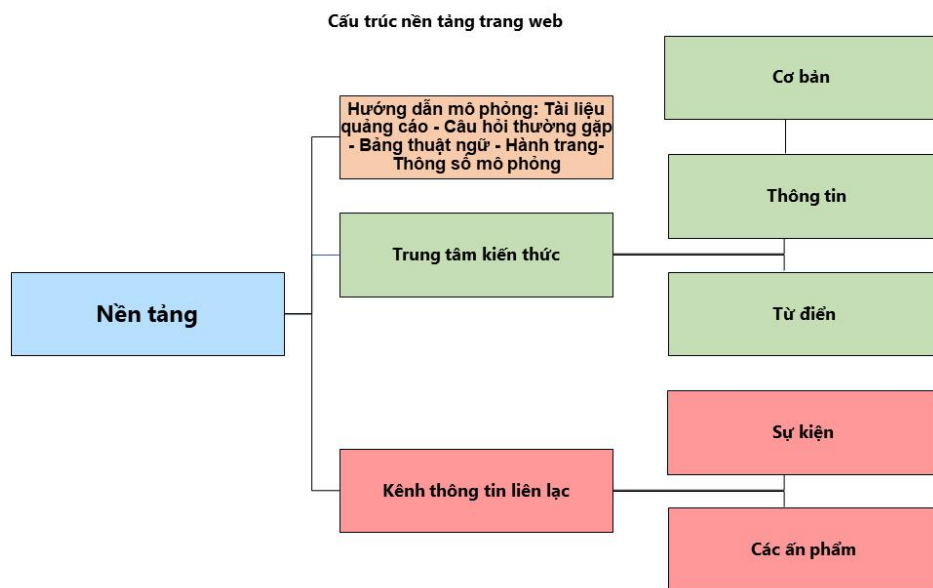
3.6.1 Mục tiêu

Mục tiêu của nhiệm vụ này là phát triển một nền tảng web phục vụ nhiều mục đích trong Hỗ trợ kỹ thuật. Trang web sẽ hoạt động như một trung tâm cập nhật cho các buổi đào tạo và các hoạt động, cung cấp thông tin và tài nguyên cần thiết liên quan đến ETS. Ngoài ra, nền tảng này còn đóng vai trò là trung tâm kiến thức, nâng cao tính sẵn sàng của các bên liên quan khi tham gia vào các mô phỏng. Nó cũng hoạt động như một kênh để nâng cao nhận thức của công chúng về ETS và các công cụ định giá các-bon. Nhìn chung, nền tảng web đóng một vai trò quan trọng trong việc tăng cường sự sẵn sàng của các bên liên quan, tạo điều kiện trao đổi thông tin và nâng cao nhận thức của công chúng về ETS và các công cụ định giá các-bon.

3.6.2 Hoạt động

3.6.2.1 Hoạt động 6.1: Phát triển nền tảng trang web

Tư vấn sẽ phát triển (và/hoặc nâng cao) nền tảng trang web bao gồm ba hợp phần như được nêu trong hình dưới:



Hình 6: Cấu trúc nền tảng trang web

Nền tảng trang web sẽ bao gồm ba thành phần phụ sau:

- **Hướng dẫn mô phỏng:** Hợp phần này sẽ cung cấp trước cho người tham gia một hướng dẫn kỹ thuật toàn diện thông qua tài liệu tiếng Việt, phần câu hỏi thường gặp, bảng thuật ngữ, bảng ghi chú và thông số kỹ thuật mô phỏng. Những tài liệu này sẽ giúp người tham gia làm quen với công cụ và các chức năng của nó.
- **Trung tâm kiến thức:** Trung tâm kiến thức sẽ đóng vai trò là kho lưu trữ thông tin có hệ thống liên quan đến biến đổi khí hậu, tập trung cụ thể vào thị trường các-bon và ETS. Nó sẽ bao gồm các thành phần sau:
 - ❖ Cơ bản: Nguyên tắc cơ bản của ETS và hệ thống định giá các-bon
 - ❖ Trang thông tin: Người dùng có thể đi sâu vào các chủ đề cụ thể liên quan đến thị trường tự nguyện và thị trường tuân thủ các-bon.
 - ❖ Từ điển thuật ngữ: Tính năng này sẽ đưa ra giải thích các từ, cụm từ, từ viết tắt thông dụng liên quan đến giá cả và thị trường các-bon.
- **Kênh thông tin liên lạc:** Phần này sẽ hoạt động như một diễn đàn để phổ biến các thông tin cập nhật và thông tin về Hỗ trợ kỹ thuật, các hoạt động, kết quả và sự phát triển của Hỗ trợ kỹ thuật tại thị trường Việt Nam và quốc tế. Nó sẽ bao gồm các yếu tố sau:
 - ❖ Sự kiện: Phần này sẽ cung cấp những tin tức cập nhật về hiện trạng và xu hướng của thị trường các-bon Việt Nam và quốc tế.
 - ❖ Các ấn phẩm: Người tham gia có thể truy cập các thông tin cập nhật về hoạt động và các báo cáo kỹ thuật của Hỗ trợ kỹ thuật.

3.6.2.2 Hoạt động 6.2: Phát triển nội dung trang web

Tư vấn sẽ tham khảo chặt chẽ ý kiến của ETP và Cục BDKH để phát triển nội dung cho trang web, kết hợp những thông tin cập nhật nhất về quá trình phát triển và vận hành ETS trên toàn cầu cũng như kinh nghiệm trong nước.

Nội dung của các hợp phần này sẽ giải quyết chung những khoảng trống về nhận thức và sự sẵn sàng được xác định trong Nhiệm vụ 3 và nâng cao đáng kể sự hiểu biết, kiến thức và sự tham gia của người tham dùng tới các mô phỏng. Bằng cách điều chỉnh nội dung của trung tâm kiến thức để đáp ứng những khoảng trống đã xác định này, trang web sẽ đáp ứng hiệu quả nhu cầu của người tham gia, đảm bảo rằng họ có thông tin và nguồn lực cần thiết để tích cực tham gia vào các mô phỏng. Ngoài ra, kênh liên lạc sẽ đóng vai trò là nguồn thông tin tin cậy cung cấp các thông tin và cập nhật liên quan, giúp người tham gia luôn được thông báo về tiến trình và sự phát triển của Hỗ trợ kỹ thuật. Việc phát triển và vận hành nội dung của nền tảng sẽ được tham vấn chặt chẽ với ETP và Cục BĐKH.

3.6.2.3 *Hoạt động 6.3: Cập nhật nền tảng trang web*

Trong suốt dòng thời gian của Hỗ trợ kỹ thuật, trang web sẽ được cập nhật thường xuyên theo hoạt động của Hỗ trợ kỹ thuật. Sau khi Hỗ trợ kỹ thuật hoàn thành, nền tảng này có thể tiếp tục đóng vai trò là trung tâm kiến thức có giá trị. Để thực hiện điều này, Tư vấn sẽ bàn giao nền tảng cho Cục BĐKH để Cục BĐKH có thể tích hợp vào trang web riêng sau khi triển khai thí điểm ETS. Quá trình chuyển đổi này đảm bảo tính sẵn có bền vững của các tài liệu và thông tin để sử dụng và phổ biến liên tục trong việc triển khai ETS.

3.6.3 **Phân bổ nguồn nhân lực**

Chi tiết về nguồn nhân lực cho nhiệm vụ này được đưa ra dưới đây:

Bảng 7: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 6 (W9- W24, 01/10 – 31/01/2024)

Số	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	8
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc gia: Trần Minh Tuyền	8
3	Chuyên gia mô phỏng thị trường các-bon: Josh Margolis	3
4	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	4
5	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc gia 1: Nguyễn Tiến Hải	8
6	Chuyên gia chính sách giá các-bon quốc tế: Victor Escalona Gomez	4
7	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	15
8	Chuyên gia Công nghệ thông tin: Dương Chí Công	15
9	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.6.4 **Các sản phẩm của nhiệm vụ (Mốc số 2)**

- Bản đồ chi tiết các bên liên quan.
- Kế hoạch tham gia được Cục BĐKH và ETP thỏa thuận và đồng ý.
- Báo cáo đánh giá mức độ sẵn sàng.
- Danh sách những người dùng tiềm năng trong ETS trong tương lai sẽ tham gia khóa đào tạo.
- Một nền tảng trang web có thể được truy cập tự do trước khi đào tạo và được duy trì/cập nhật thường xuyên trong suốt quá trình phát triển của Hỗ trợ kỹ thuật này.
- Một công cụ CacbonSim sẵn sàng sử dụng cho mô phỏng được thiết kế riêng cho Việt Nam.

Những văn bản sau đây sẽ được gửi cùng với sản phẩm của nhiệm vụ:

- Một bản tóm tắt điều hành công khai, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint công khai, làm nổi bật các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.7 Nhiệm vụ 7: Tổ chức các chuỗi đào tạo/hội thảo/diễn đàn về mô phỏng ETS

3.7.1 Mục tiêu

Mục tiêu của hoạt động này là nâng cao hiểu biết về ETS, tăng cường năng lực và đẩy nhanh việc phát triển ETS cho các quan chức chính phủ và các doanh nghiệp phát thải. Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua thiết kế chương trình đào tạo và mô phỏng toàn diện để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và hiểu biết hơn về các nguyên tắc và quy trình ETS.

3.7.2 Hoạt động

3.7.2.1 Hoạt động 7.1: Các hoạt động trước tập huấn

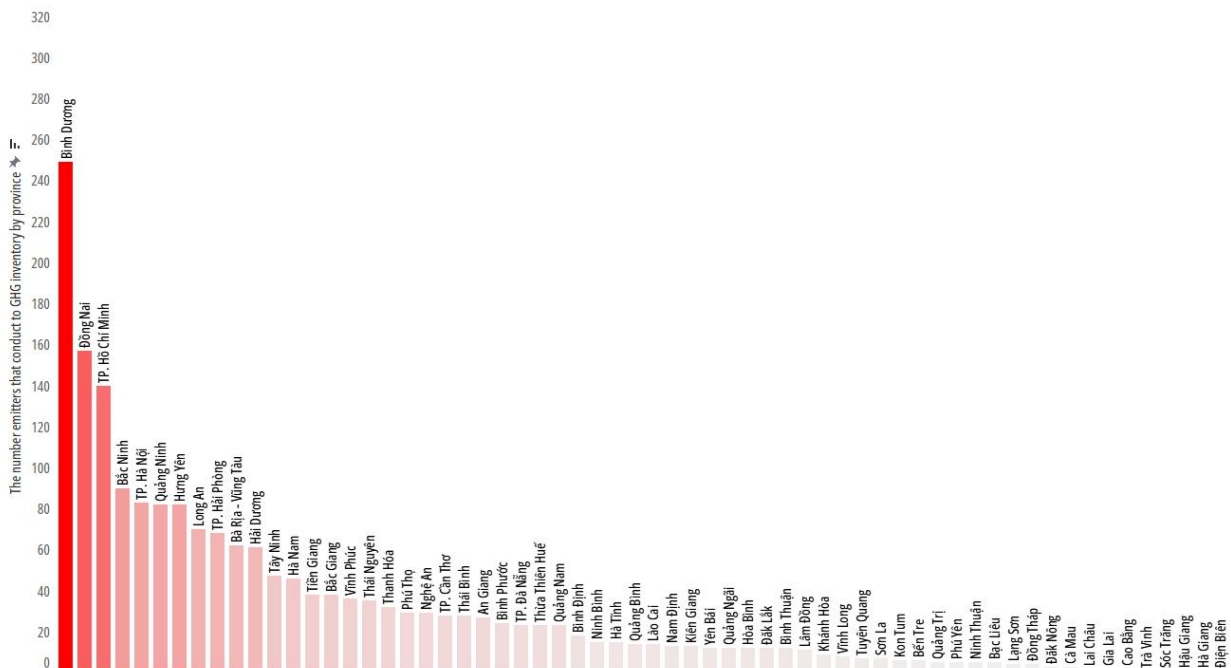
Giai đoạn chuẩn bị bao gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng chương trình dựa trên kết quả của Nhiệm vụ 3 và Nhiệm vụ 4.
- Tiếp nhận/đăng ký người tham gia: Phối hợp chặt chẽ với những người dùng tiềm năng được xác định trong Nhiệm vụ 3 để xác nhận sự tham gia của họ vào các buổi đào tạo.
- Thiết lập các thông số cơ bản cho mô phỏng.
- Tổ chức các buổi đào tạo cho giảng viên (còn gọi là hướng dẫn viên) nhằm cung cấp cho họ những kỹ năng và kiến thức cần thiết để hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các buổi đào tạo và mô phỏng.
- Quản lý tất cả các khía cạnh hậu cần của khóa đào tạo, bao gồm xác định những người tham gia sẽ nhận được hỗ trợ tài chính để tham dự (các tiêu chí ưu tiên sẽ được đề xuất trong Nhiệm vụ 3, có tính đến các yếu tố như cân bằng giới tính, vị trí địa lý, quy mô và sự đa dạng của ngành, v.v.).

3.7.2.2 Hoạt động 7.2: Tổ chức các buổi đào tạo

Chương trình đào tạo dự kiến gồm 4 khóa đào tạo:

- **Khóa đào tạo đầu tiên**, diễn ra tại Hà Nội, sẽ kéo dài hai ngày đào tạo chuyên sâu. Chủ yếu hướng tới 50 quan chức chính phủ chủ chốt và 20 bên liên quan từ miền Bắc, bao gồm các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tài chính, ngân hàng và tổ chức nghiên cứu. Do các quan chức chính phủ trung ương chịu trách nhiệm thiết kế và quản lý ETS đều ở Hà Nội, khóa học này sẽ ưu tiên điều chỉnh thiết kế để làm nổi bật tác động của các quyết định thiết kế đối với hiệu suất của ETS và các nguồn phát thải được quy định.
- **Khóa đào tạo thứ hai**, cũng được tổ chức tại Hà Nội, sẽ là một chương trình đào tạo chuyên sâu kéo dài hai ngày tập trung vào các nguồn phát thải được quản lý từ miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Số lượng người tham gia dự kiến cho khóa đào tạo này là 100.
- **Khóa đào tạo thứ ba và thứ tư**, mỗi khóa kéo dài hai ngày, sẽ được tiến hành tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các khóa đào tạo này sẽ đặc biệt phục vụ cho khoảng 140 cơ sở phát thải được quản lý ở miền Nam, cùng với một số bên tham gia từ miền Trung (Hình 8).



Hình 7: Số lượng phát thải KNK được kiểm kê dựa trên quyết định 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022

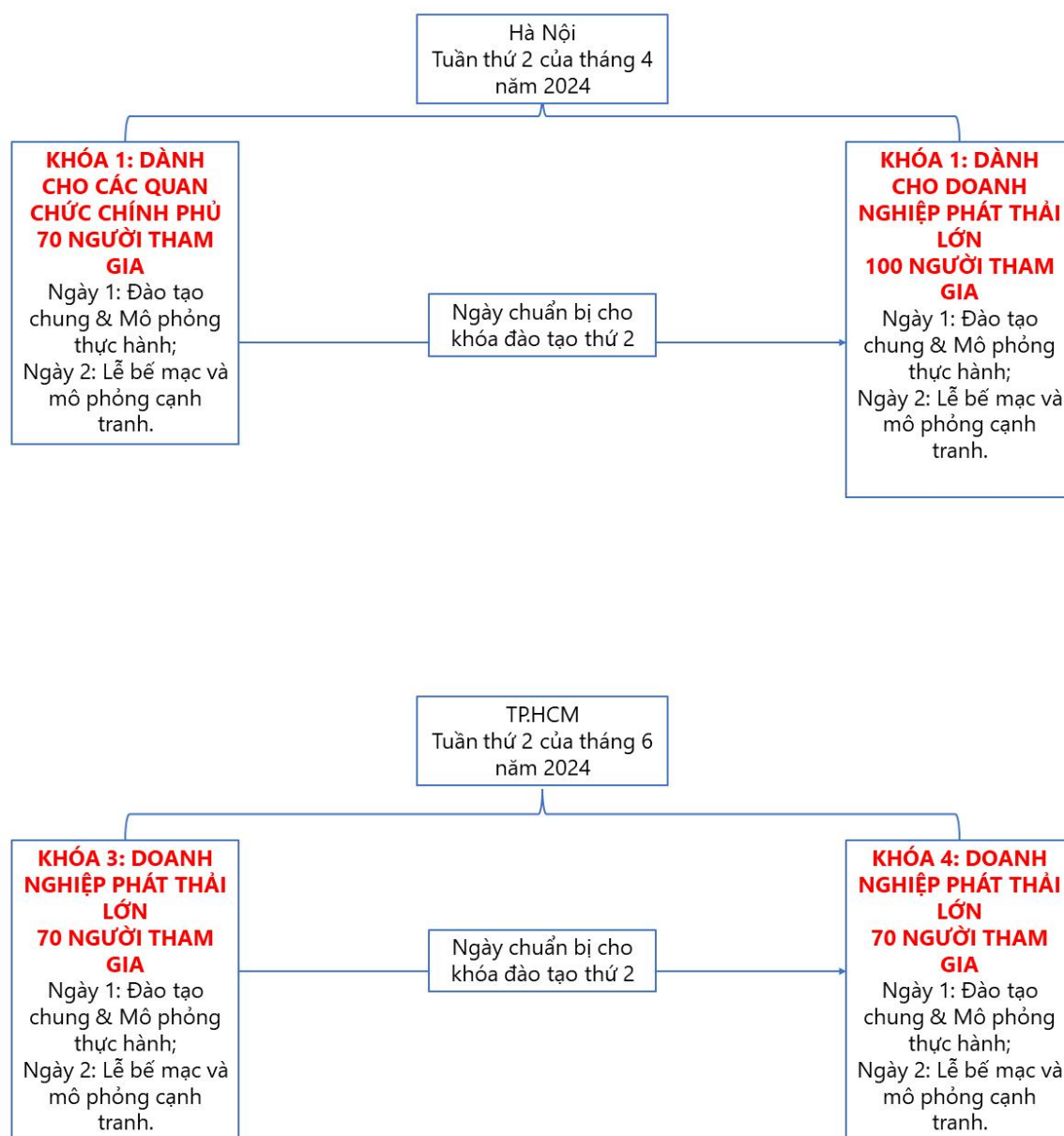
Khóa 1 và khóa 2 dự kiến sẽ được tổ chức liên tiếp vào tuần thứ 2 của tháng 4 và cách sắp xếp tương tự sẽ được áp dụng cho 2 khóa cuối cùng dự kiến vào tuần thứ 2 của tháng 6. Điều này cho phép sử dụng hiệu quả thời gian và nguồn lực.

Ngoài ra, có khả năng tổ chức miễn phí một buổi mô phỏng bổ sung dành riêng cho sinh viên đại học, tùy thuộc vào tiến độ và thỏa thuận giữa ETP và Cục BDKH.

Tỷ lệ cấu trúc các khóa đào tạo được mô tả như sau:

- Khóa đầu tiên sẽ ưu tiên các quan chức chính phủ chủ chốt để thu thập những hiểu biết, mong muốn và nhu cầu của họ, đây sẽ là dữ liệu đầu vào có giá trị cho Nhiệm vụ 8. Đã cân nhắc đến thời gian biểu của Nhiệm vụ 8.
- Giảm thiểu chi phí đi lại phát sinh bằng cách xem xét sự phân bố địa lý của các nguồn phát thải được quy định, trong đó bao gồm cả việc đi lại quốc tế của các chuyên gia và việc đi lại trong nước của nhóm chuyên gia và những người tham gia.
- Cơ cấu đảm bảo cơ hội tham gia các buổi tập một cách bình đẳng, tạo cơ hội tiếp cận cho người dùng tiềm năng trên toàn quốc.

Cấu trúc tóm tắt của khóa đào tạo này được thể hiện trong hình dưới đây:



Hình 8: Cấu trúc các khóa đào tạo

Trong Hội thảo khởi động, Cục BĐKH và ETP đều yêu cầu Tư vấn tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị nhằm tổ chức các khóa đào tạo sớm hơn dự kiến ban đầu. Vì vậy, Tư vấn sẽ đặt mục tiêu tổ chức các khóa học đầu tiên tại Hà Nội vào tháng 2/tháng 3 và sau đó là các khóa học tại TP.HCM vào tháng 3/tháng 4. Ngày cụ thể sẽ do Cục BĐKH và ETP đề nghị.

Mỗi buổi đào tạo sẽ bao gồm hai phần liên tiếp:

- Phần tổng quát giới thiệu lý thuyết về ETS do các chuyên gia ETS trình bày; và
- Thực hành mô phỏng ETS sử dụng CarbonSim do cơ quan quản lý CarbonSim cung cấp.

Bảng dưới đây hiển thị sơ đồ quy trình cho bài tập mô phỏng điển hình trong từng phần đào tạo:

Bảng 8: Sơ đồ lưu lượng công việc mô phỏng

Giai đoạn	Tư vấn	Người dùng				
Ngày 1	Ngày thực hiện số 1: Thực hành mô phỏng nhằm giúp những người tham gia làm quen với nhau và cách hoạt động của (và các màn hình liên quan đến) CarbonSim, cũng như cung cấp phần giới thiệu về thuật ngữ ETS cơ bản (ví dụ: giới hạn, giao dịch, hạn ngạch cho phép, bù trừ, ngân hàng, đấu giá, trao đổi, giao dịch trực tiếp, v.v.)					
	Cung cấp cho người tham gia bài giảng về: - Bối cảnh về giá trị/giới hạn của mô phỏng; - Nguyên tắc của ETS; - Nguyên tắc của CarbonSim; - Khuyến nghị các chiến lược hiệu quả; - Hướng dẫn đăng ký; - Mô phỏng mở cho việc đăng ký; - Khắc phục sự cố/giải quyết vấn đề đăng ký/xóa nội dung trùng lặp; - Chia số lượng người tham gia thành các nhóm nhỏ gồm 2-3 người.		Đáp ứng cân nhắc của hướng dẫn viên: - Hoàn thành bài khảo sát/bài kiểm tra đầu vào; - Đăng ký.			
	Năm thực hiện số 1					
	- Giám sát hệ thống; - Giám sát các cá nhân; - Phát hiện/giải quyết vấn đề; - Hỗ trợ giải quyết vấn đề; - Cung cấp thanh khoản khi cần thiết.		Giảm phát thải	Bốn vòng đấu giá	Giao dịch	Giao dịch trực tiếp
	Kết thúc năm 1					
Kết thúc năm #1 - Tính tổng toàn hệ thống; - Tính toán hiệu suất cá nhân; - Tóm tắt các điểm giảng dạy chính; - Chuẩn bị cho năm số 2; - Xem xét kết quả dựa trên mục tiêu giảng dạy và hiệu suất của		- Tiếp nhận thông tin do cơ quan quản lý mô phỏng cung cấp; - Đáp ứng các thảo luận; - Chia sẻ các chiến lược; - Đặt câu hỏi; - Phản ánh năm số 1; - Xem xét bài học kinh nghiệm; - Bắt đầu các cuộc đối thoại nội				

	người tham gia; - Quyết định những điều chỉnh/biến động phù hợp; - Biến động thử nghiệm (với thời gian cho phép); - Thực hiện các biến động.	bộ, kết nối lại giữa trải nghiệm mô phỏng và các cuộc thảo luận thực tế của các bên liên quan về ETS.
	Năm thực hiện thứ n	
	- Giám sát hệ thống; - Giám sát các cá nhân; - Phát hiện/giải quyết vấn đề; - Hỗ trợ giải quyết vấn đề; - Cung cấp thanh khoản khi cần thiết.	- Tiếp nhận thông tin do cơ quan quản lý mô phỏng cung cấp; - Đáp ứng các thảo luận; - Chia sẻ các chiến lược; - Đặt câu hỏi; - Phản ánh năm số 1 - n; - Xem xét bài học kinh nghiệm; - Bắt đầu các cuộc đối thoại nội bộ, kết nối lại giữa trải nghiệm mô phỏng và các cuộc thảo luận thực tế của các bên liên quan về ETS; - Hoàn thành khảo sát/kiểm tra kết thúc.
	Ngày 1 thực hành mô phỏng	
	Đối với toàn bộ mô phỏng: - Tính tổng toàn hệ thống; - Tính toán hiệu suất cá nhân; - Tóm tắt các điểm giảng dạy chính; - Xem lại các thuật ngữ chính; - Ứng dụng kết quả mô phỏng ra thực tế; - Xem xét lịch trình cho ngày thứ 2.	Tham gia thảo luận và trả lời phản hồi của cơ quan quản lý.
Day 2	Ngày thực hiện số 2: Mô phỏng CẠNH TRANH nhằm tạo cơ hội cho người dùng áp dụng các kiến thức đã học được từ bài thực tập đầu tiên và khuyến khích những bên tham gia có thành tích cao nhất – người dùng đạt mức chi phí giảm phát thải cận biên thấp nhất – sau khi kết thúc mô phỏng sẽ được công nhận trong lễ trao giải.	
	- Cung cấp hướng dẫn đăng ký; - Mô phỏng mở cho việc đăng ký; - Khắc phục sự cố/giải quyết đăng ký; - Hoàn thành khảo sát đầu vào;	

	Đăng ký.				
	Bắt đầu năm số 1				
	- Giám sát hệ thống; - Giám sát các cá nhân; - Phát hiện/giải quyết vấn đề; - Hỗ trợ giải quyết vấn đề; - Cung cấp thanh khoản khi cần thiết.	Giảm phát thải	Bón vòng đầu giá	Giao dịch	Giao dịch trực tiếp
	Kết thúc năm số 1				
	Cuối năm 1 - Tính tổng toàn hệ thống; - Tính toán hiệu suất cá nhân; - Tóm tắt các điểm giảng dạy chính; - Chuẩn bị cho năm 2; - Xem xét kết quả dựa trên mục tiêu giảng dạy và hiệu suất của người tham gia; - Quyết định những điều chỉnh/biến động phù hợp; - Biến động thử nghiệm (với thời gian cho phép); - Thực hiện các biến động.	- Tiếp nhận thông tin do cơ quan quản lý mô phỏng cung cấp; - Đáp ứng các thảo luận; - Chia sẻ các chiến lược; - Đặt câu hỏi; - Phản ánh năm số 1; - Xem xét bài học kinh nghiệm; - Bắt đầu các cuộc đối thoại nội bộ, kết nối lại giữa trải nghiệm mô phỏng và các cuộc thảo luận thực tế của các bên liên quan về ETS.			
	Năm thực hiện thứ n				
	- Giám sát hệ thống; - Giám sát các cá nhân; - Phát hiện/giải quyết vấn đề; - Hỗ trợ giải quyết vấn đề; - Cung cấp thanh khoản khi cần thiết.	Giảm thiểu	Bón vòng đầu giá	Giao dịch	Giao dịch trực tiếp
	Kết thúc năm thứ n				
	Cuối năm số n: - Tính tổng toàn hệ thống; - Tính toán hiệu suất cá nhân; - Tóm tắt các điểm giảng dạy chính. - Chuẩn bị cho năm thứ n: - Xem xét kết quả dựa trên mục tiêu giảng dạy và hiệu suất của	- Tiếp nhận thông tin do cơ quan quản lý mô phỏng cung cấp; - Đáp ứng các thảo luận; - Chia sẻ các chiến lược; - Đặt câu hỏi; - Phản ánh năm số 1 - n; - Xem xét bài học kinh nghiệm; - Bắt đầu các cuộc đối thoại nội			

	người tham gia; ● Biến động thử nghiệm (với thời gian cho phép); ● Thực hiện các biến động.	bộ, kết nối lại giữa trải nghiệm mô phỏng và các cuộc thảo luận thực tế của các bên liên quan về ETS; ● Hoàn thành khảo sát/kiểm tra kết thúc.
	Kết thúc ngày 2 mô phỏng cạnh tranh	
	Đối với toàn bộ mô phỏng: ● Tính tổng toàn hệ thống; ● Tính toán hiệu suất cá nhân.	Tham gia thảo luận và trả lời đáp ứng của cơ quan quản lý.
	Chuẩn bị và tổ chức lễ bế mạc và trao giải	
	Với người tham gia: ● Tóm tắt các điểm giảng dạy chính; ● Xem lại các thuật ngữ chính; ● Ứng dụng kết quả mô phỏng vào thực tế; ● Công nhận những người có thành tích tốt nhất; ● Đưa kinh nghiệm mô phỏng vào bối cảnh hoạt động phát triển ETS theo pháp lý; ● Nhấn mạnh kết quả chức năng của việc thiết kế, quản lý hiệu quả và xây dựng năng lực; ● Quản lý khảo sát/kiểm tra kết thúc cho những người tham gia chưa hoàn thành.	Hoàn thành khảo sát/kiểm tra kết thúc (đối với những người chưa hoàn thành).

Sau khi hoàn thành mỗi khóa đào tạo, người tham gia sẽ hoàn thành một bảng khảo sát hoặc đánh giá để đánh giá kiến thức và hiểu biết của mình. Sau đó, các kết quả này sẽ được so sánh với kết quả tính nhận thức và sẵn sàng được xác định trong Nhiệm vụ 3. Với khảo sát trước khóa huấn luyện sẽ giúp giám sát hiệu quả đào tạo và rút ra những bài học quý giá.

Các buổi đào tạo cũng sẽ được ghi lại để lưu giữ làm tài liệu và thủ tục đào tạo có sẵn để sử dụng sau này.

3.7.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nguồn nhân lực cho nhiệm vụ này được đưa ra dưới đây:

Bảng 9: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 7 (W25- W48, 01/02 – 31/07/2024)

Số	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	10

2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc gia: Trần Minh Tuyền	10
3	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc tế: Roxanne Tan	8
4	Chuyên gia mô phỏng thị trường các-bon: Josh Margolis	16
5	Chuyên gia liên kết các bên liên quan 1: Lưu Minh Nghĩa	10
6	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 1: Karolien Casaer-Diez	8
7	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	7
8	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc gia 1: Nguyễn Tiến Hải	10
9	Chuyên gia chính sách giá các-bon quốc tế: Victor Escalona Gomez	8
10	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	14
11	Chuyên gia Công nghệ thông tin: Dương Chí Công	14
12	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.7.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ

- Báo cáo đào tạo của từng khóa đào tạo (một báo cáo mô phỏng tại Hà Nội và báo cáo thứ hai cho các mô phỏng tại Thành phố Hồ Chí Minh).
- Tài liệu đào tạo và đánh giá sau khóa học về nhận thức và sự sẵn sàng của người dùng đối với ETS.

Nếu được yêu cầu, những văn bản sau đây sẽ được gửi đi:

- Một bản tóm tắt điều hành công khai, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint công khai, làm nổi bật các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.8 Nhiệm vụ 8: Lập kế hoạch lớp đào tạo nâng cao cho các quan chức chủ chốt của chính phủ về thị trường các-bon để tìm hiểu và trao đổi kiến thức quản trị và kinh nghiệm về ETS.

3.8.1 Mục tiêu

Mục đích của hoạt động này là đánh giá các yêu cầu và hợp tác với ETP và Cục BĐKH để xây dựng một khóa đào tạo tại thực địa dành riêng cho các quan chức chính phủ của Bộ TN&MT và các bộ liên quan khác (như Bộ TC, Bộ KH&ĐT, Bộ CT). Khóa đào tạo này sẽ được tiến hành ở một hoặc hai quốc gia đã có sàn trao đổi hạn ngạch phát thải hoặc ở một quốc gia có điều kiện tương tự như ở Việt Nam nhưng có kinh nghiệm nâng cao về triển khai ETS.

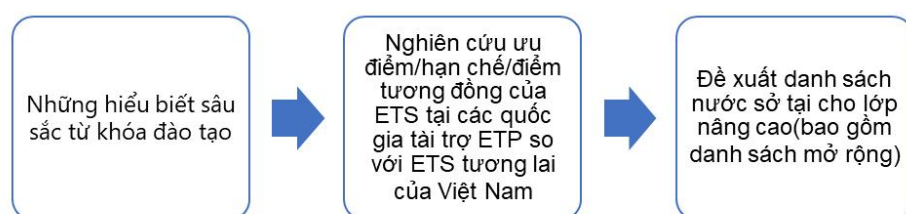
3.8.2 Hoạt động

3.8.2.1 Hoạt động 8.1: Xác định nhu cầu đào tạo/khoảng trống của các quan chức chính phủ

Tư vấn sẽ tổng hợp các kết quả đầu ra, phản hồi và đánh giá hiệu quả hoạt động của những người tham gia từ khóa đào tạo ban đầu. Dựa trên phân tích này, một danh sách toàn diện các chủ đề sẽ được đề xuất để khám phá thêm trong lớp học chính, với trọng tâm cụ thể là thiết kế và vận hành ETS. Ngoài ra, các chủ đề không được đề cập trong một khóa đào tạo và sẽ giải quyết hiệu quả hơn khi trao đổi trực tiếp với những người có đối tác thẩm quyền ra quyết định sẽ được đưa vào danh sách các chủ đề được đề xuất. Một danh sách dự kiến những bên tham gia hoặc cơ quan sẽ được xác định để đảm bảo có sự tham gia của các bên liên quan.

3.8.2.2 Hoạt động 8.2: Thiết kế các tour du học/lớp học với sự tham vấn chặt chẽ của ETP và Cục BDKH

Tư vấn sẽ tiến hành đánh giá toàn diện về thiết kế và vận hành các hệ thống ETS trên thế giới và lựa chọn các thị trường ETS quốc tế. Phân tích này nhằm mục đích xác định những điểm mạnh, hạn chế và sự tương đồng giữa các thị trường này với thiết kế dự kiến của ETS trong tương lai của Việt Nam. Tiêu chí đánh giá để lựa chọn hệ thống ETS cho lớp học nâng cao/chuyên tham quan học tập bao gồm: 1) ETS đến từ các quốc gia tài trợ của ETP, 2) ETS ở các quốc gia có bối cảnh kinh tế xã hội tương đương với Việt Nam, 3) ETS đang hoạt động tốt và cho thấy tính hiệu quả, cũng như các ETS được các quan chức chính phủ Việt Nam, những người trực tiếp tham gia phát triển ETS tại Việt Nam, ưu tiên. Dựa trên tiêu chí đánh giá này, một hoặc hai quốc gia sẽ được đề xuất làm địa điểm tiềm năng cho lớp học nâng cao, xem xét mức độ phù hợp và khả năng áp dụng của chúng với bối cảnh của Việt Nam. Việc lựa chọn các quốc gia cũng sẽ xem xét các hạn chế về hậu cần và sự sẵn có của các bên liên quan chính ở nước sở tại để góp phần phát triển hiệu quả các chuyên tham quan học tập và lớp học nâng cao.



Hình 9: Quy trình làm việc của nhiệm vụ 8

3.8.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nguồn nhân lực cho nhiệm vụ này được đưa ra dưới đây:

Bảng 10: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 8 (W5- W12, 01/09 – 31/10/2023)

Số	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	7
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc gia: Trần Minh Tuyền	1
3	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc tế: Roxanne Tan	8
4	Chuyên gia liên kết các bên liên quan 1: Lưu Minh Nghĩa	4
6	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 1: Karolien Casaer-Diez	8
7	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	3

8	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc gia 1: Nguyễn Tiến Hải	1
9	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.8.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ

Kế hoạch/đề xuất chuyển tham quan học tập về thiết kế và triển khai ETS.

Nếu được yêu cầu, những văn bản sau đây sẽ được gửi đi:

- Một bản tóm tắt điều hành công khai, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint công khai, làm nổi bật các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.9 Nhiệm vụ 9: Tiến hành báo cáo kỹ thuật tóm tắt kết quả các mô phỏng và đánh giá tác động

3.9.1 Mục tiêu

Mục tiêu của nhiệm vụ này là củng cố các kết quả thu được từ các mô phỏng và đào tạo nhằm đưa ra các khuyến nghị toàn diện và hiểu biết sâu sắc có giá trị cho tương lai phát triển của ETS Việt Nam.

3.9.2 Hoạt động

3.9.2.1 Hoạt động 9.1: Soạn thảo báo cáo kỹ thuật

Sau khi hoàn thành khóa học thứ hai, một báo cáo chuyên sâu sẽ được biên soạn để cung cấp bản tóm tắt toàn diện về các bài học kinh nghiệm, tiến độ đạt được và các đề xuất rút ra trong suốt thời gian của Hỗ trợ kỹ thuật này. Báo cáo kỹ thuật sẽ bao gồm nhiều phần khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn gồm:

Hộp 2: Đề cương sơ bộ của báo cáo kỹ thuật

- Giới thiệu;
- Mục tiêu và mục đích các khóa đào tạo;
- Đặc điểm dân số của những người tham gia;
- Tổng quan về phương pháp đào tạo;
- Đánh giá kiến thức ETS của người tham gia thu được qua mô phỏng;
- Mô tả các công cụ mô phỏng được sử dụng;
- Phân tích và trình bày kết quả mô phỏng;
- Đánh giá kết quả Hỗ trợ kỹ thuật và những điều chỉnh cần thiết;
- Những bài học kinh nghiệm chính và những khuyến nghị cho sự phát triển tương lai của ETS Việt Nam;
- Đề xuất các bước tiếp theo để thúc đẩy sáng kiến.

3.9.2.2 Hoạt động 9.2: Tổ chức tham vấn cấp cao

Dự thảo báo cáo kỹ thuật sẽ trải qua quá trình tham vấn cấp cao, có sự tham gia của những người tham gia được lựa chọn với những hiểu biết sâu sắc và chuyên môn có giá trị. Việc tham vấn này sẽ bao gồm:

- Học viên có thành tích xuất sắc ở các khóa đào tạo trước;
- Các quan chức chính phủ chịu trách nhiệm thiết kế và quản lý ETS trong tương lai;
- Các tổ chức nghiên cứu, Viện nghiên cứu, NPO, NGO và các bên liên quan khác.

Việc tham vấn này sẽ tạo điều kiện cho thảo luận chuyên sâu nhằm hoàn thiện Báo cáo kỹ thuật, đảm bảo tính chính xác và phù hợp. Ý kiến đóng góp và phản hồi thu thập được từ những người tham gia này sẽ là công cụ giúp sàng lọc và nâng cao nội dung báo cáo.

3.9.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nguồn nhân lực cho nhiệm vụ này được đưa ra dưới đây:

Bảng 11: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 9 (W37- W40, W45 – W64, 01/05 – 31/05, 01/07 – 30/11/2024)

Số	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	7
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc tế: Roxanne Tan	2
3	Chuyên gia mô phỏng thị trường các-bon: Josh Margolis	11
4	Chuyên gia liên kết các bên liên quan 1: Lưu Minh Nghĩa	13
5	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 1: Karolien Casaer-Diez	2
6	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	7
7	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc gia 1: Nguyễn Tiến Hải	8
8	Chuyên gia chính sách giá các-bon quốc tế: Victor Escalona Gomez	2
9	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	3
10	Chuyên gia Công nghệ thông tin: Dương Chí Công	3
11	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.9.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ (Mốc số 3)

Các sản phẩm chính bằng tiếng Anh và tiếng Việt bao gồm:

- Báo cáo đào tạo của từng khóa đào tạo (một báo cáo mô phỏng tại Hà Nội và báo cáo thứ hai cho các mô phỏng tại Thành phố Hồ Chí Minh)
- Tài liệu đào tạo và đánh giá sau khóa học về nhận thức và sự sẵn sàng của người tham gia đối với ETS.
- Dự thảo kế hoạch/đề xuất chuyển tham quan học tập về thiết kế và triển khai ETS.
- Báo cáo kỹ thuật tóm tắt kết quả mô phỏng và đánh giá tác động.

Những văn bản sau đây sẽ được gửi cùng với sản phẩm của nhiệm vụ:

- Một bản tóm tắt điều hành công khai, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint công khai, làm nổi bật các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.

3.10 Nhiệm vụ 10: Độ trình báo cáo và hội thảo tổng kết

3.10.1 Mục tiêu

Mục đích của nhiệm vụ này là củng cố và phân tích kết quả của các mô phỏng, với trọng tâm cụ thể là xác định những phát hiện chính và đưa ra các khuyến nghị khả thi cho sự phát triển tương lai của ETS tại Việt Nam. Mục đích là rút ra những hiểu biết có giá trị từ các bài tập mô phỏng và chất lọc chúng thành một báo cáo tóm tắt toàn diện có thể cung cấp thông tin và hướng dẫn việc phát triển và thiết kế ETS trong tương lai của đất nước. Bằng cách kiểm tra kết quả mô phỏng kết hợp với các yếu tố và các cân nhắc liên quan, nhiệm vụ này sẽ góp phần định hình lộ trình và chiến lược cho một ETS thành công và hiệu quả tại Việt Nam

3.10.2 Hoạt động

3.10.2.1 Hoạt động 10.1: Soạn thảo báo cáo tổng kết

Báo cáo tổng kết toàn diện đóng vai trò là cái nhìn tổng quan tổng hợp lại toàn bộ Hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm một bản tường thuật liền mạch về các sản phẩm của nhiệm vụ. Báo cáo được biên soạn chi tiết để tuân thủ các tiêu chuẩn chuyên môn và có thể được coi là một tài liệu có thể xuất bản phổ biến rộng rãi. Đáng chú ý hơn, báo cáo này kết hợp phiên bản hoàn chỉnh của Khung giám sát dựa trên kết quả, bao gồm phân tích tách biệt về giới để đảm bảo tính toàn diện và chỉ ra các cân nhắc liên quan đến giới.

3.10.2.2 Hoạt động 10.2: Tổ chức hội thảo tổng kết

Một hội thảo tổng kết sẽ được tổ chức để giới thiệu những thành tựu, những phát hiện quan trọng và những bài học quý giá rút ra từ việc triển khai Hỗ trợ kỹ thuật. Hội thảo này sẽ đóng vai trò là nền tảng để trình bày kết quả và chia sẻ hiểu biết sâu sắc với các bên liên quan. Đặc biệt, các chuyên gia quốc tế của Tư vấn sẽ tích cực tham gia hội thảo, đóng góp kiến thức chuyên môn và góp phần trao đổi kiến thức. Bằng cách tạo điều kiện cho sự tham gia tại chỗ, hội thảo nhằm mục đích thúc đẩy các cuộc thảo luận có ý nghĩa, thúc đẩy hợp tác và tạo cơ hội cho những người tham gia hiểu sâu hơn về những thành tựu và bài học kinh nghiệm trong suốt Hỗ trợ kỹ thuật.

3.10.3 Phân bổ nguồn nhân lực

Chi tiết về nguồn nhân lực cho nhiệm vụ này được đưa ra dưới đây:

Bảng 12: Chi tiết các nguồn nhân lực cho Nhiệm vụ 10 (W65- W70, 01/12/2024 – 10/01/2025)

Số	Nhân sự và tổng thời gian	Ngày
1	Trưởng nhóm/Chuyên gia chính sách biến đổi khí hậu: Đặng Hồng Hạnh	9
2	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc gia: Trần Minh Tuyền	2
3	Chuyên gia kiểm kê/giảm phát thải khí KNK quốc tế: Roxanne Tan	6
4	Chuyên gia mô phỏng thị trường các-bon: Josh Margolis	5
5	Chuyên gia liên kết các bên liên quan 1: Lưu Minh Nghĩa	6
6	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 1: Karolien Casaer-Diez	6
7	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc tế 2: Michael Mehling	4
8	Chuyên gia đào tạo và năng lực quốc gia 1: Nguyễn Tiến Hải	2
9	Chuyên gia chính sách giá các-bon quốc tế: Victor Escalona Gomez	6
10	Chuyên gia thu thập dữ liệu khảo sát: Đào Xuân Hoạch	3
11	Chuyên gia Công nghệ thông tin: Dương Chí Công	3
12	Các chuyên gia hỗ trợ (bao gồm quản lý và dịch thuật)	

3.10.4 Các sản phẩm của nhiệm vụ (Mốc số 4)

Các sản phẩm chính bằng tiếng Anh và tiếng Việt bao gồm:

- Báo cáo tổng kết cuối cùng.
- Tiến trình hội thảo tổng kết.

Những văn bản sau đây sẽ được gửi cùng với sản phẩm của nhiệm vụ:

- Một bản tóm tắt điều hành công khai, có thể xuất bản (không quá 2 trang) bằng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên nghiệp sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Một bản thuyết trình PowerPoint công khai, làm nổi bật các thông tin chính sẽ được nộp với mỗi sản phẩm của nhiệm vụ.
- Chuyên gia tư vấn sẽ đưa vào biểu đồ Gantt cũng như các kết quả và thành tựu của Hỗ trợ kỹ thuật theo Khung giám sát dựa trên kết quả ở cấp độ hỗ trợ kỹ thuật đã được thống nhất, sau này theo mẫu đã được phê duyệt. Tất cả các kết quả, nếu có, phải được phân chia theo giới tính.

4 Khung thời gian thực hiện

Các nhiệm vụ trên được tổ chức và thực hiện theo thời gian biểu như được nêu dưới đây:

WORK SCHEDULE																			
STT	Nhiệm vụ và Sản phẩm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
		2023								2024								2025	
		Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan
Nhiệm vụ 0	Quản lý dự án																		
0.1	Quản lý dự án, bao gồm QA/QC																		
Nhiệm vụ 1	Soạn thảo báo cáo khởi động và kế hoạch làm việc																		
1.1	Tiến hành cuộc họp khởi động																		
1.2	Chuẩn bị báo cáo khởi động và cập nhật kế hoạch dự án																		
D1.1	Biên bản cuộc họp																		
D1.2	Viết Báo cáo khởi động (Bản nháp)																		
Nhiệm vụ 2	Tổ chức hội thảo khởi động																		
2.1	Chuẩn bị hội thảo khởi động																		
2.2	Tổ chức hội thảo khởi động																		
D2.0	Biên bản Hội thảo khởi động																		
D2.1	Báo cáo khởi động (Bản cuối)																		
Hoàn thành Cột mốc 1																			
Nhiệm vụ 3	Tiến hành phân tích, khảo sát, tham vấn các bên liên quan về sự sẵn sàng và nhận thức của các doanh nghiệp về phát thải KNK và thị trường các-bon																		
3.1	Tiến hành đánh giá và tham vấn về ETS (các đối tượng không phát thải)																		
3.2	Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát																		
3.3	Xác định quy mô và phạm vi của các khảo sát																		
3.4	Thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu																		
3.5	Chuẩn bị báo cáo đánh giá về sự sẵn sàng và nhận thức																		
D3.1	Bảng câu hỏi khảo sát																		
D3.2	Báo cáo đánh giá về nhận thức, tính sẵn sàng và năng lực cần đào tạo																		
Nhiệm vụ 4	Xây dựng kế hoạch sắp xếp và tương tác chi tiết của các bên liên quan để tiếp cận và thu hút các nhóm mục tiêu																		
4.1	Phát triển danh sách/bản đồ chi tiết các bên liên quan																		
4.2	Xây dựng kế hoạch của các bên liên quan																		
O4.1	Bản đồ chi tiết các bên liên quan																		
D4.1	Kế hoạch tham gia chi tiết của các bên liên quan																		
Nhiệm vụ 5	Chuẩn bị và cung cấp quyền tiếp cận tới công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng trong Hỗ trợ kỹ thuật																		
5.1	Cung cấp quyền tiếp cận và xác định các lựa chọn để điều chỉnh công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng trong Hỗ trợ kỹ thuật																		
5.2	Điều chỉnh công cụ mô phỏng CacbonSim																		
5.3	Kiểm tra công cụ mô phỏng																		
D5.1	Công cụ mô phỏng thị trường các-bon đã sẵn sàng sử dụng																		
Nhiệm vụ 6	Cung cấp một nền tảng mô phỏng carbon trên web																		
6.1	Phát triển nền tảng trang web																		
6.2	Phát triển nội dung trang web																		
6.3	Cập nhật nền tảng trang web																		
D6.1	Một nền tảng trang web có thể được truy cập tự do trước khi đào tạo																		
Hoàn thành Cột mốc 2																			

[illegible]

5 LẬP BẢN ĐỒ CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG



Nguồn: Tư vấn

Phụ lục 1 trình bày danh sách các bên liên quan chính có liên quan đến Hỗ trợ kỹ thuật, cùng với Kế hoạch Truyền thông. Ngoài ra, bảng dưới đây cung cấp bản tóm tắt về các bên liên quan chính và sơ đồ các nhà tài trợ.

6 CHIẾN LƯỢC PHỐI HỢP CỦA NHÀ TÀI TRỢ

Việc tham vấn với các nhà tài trợ khác sẽ nhằm thu thập dữ liệu đầu vào từ các hoạt động của họ và xây dựng kế hoạch phối hợp trong toàn bộ Hỗ trợ kỹ thuật và các nhiệm vụ liên quan.

Chi tiết về hoạt động liên quan đến việc đào tạo năng lực về ETS của các nhà tài trợ khác ở Việt Nam đã và/hoặc đang triển khai được tóm tắt trong bảng dưới đây. Phần này sẽ là một phần trong kế hoạch tham gia của các bên liên quan sẽ được thực hiện trong Nhiệm vụ 4.

Bảng 13: Tóm tắt các nhà tài trợ và các hoạt động liên quan tại Việt Nam

Số	Nhà tài trợ	Hoạt động	Tiêu điểm/Thông tin liên hệ	Sự liên quan tới Hỗ trợ kỹ thuật
1	World Bank	Dự án chuẩn bị sẵn sàng cho xây dựng thị trường các-bon tại Việt Nam (VNPMR)	Tiêu điểm: Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (Bộ TN&MT) Thông tin liên hệ: Ông Lương Quang Huy Trưởng phòng Giám nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn SĐT: +84 (0)902 870505 Email: huylq98@gmail.com	Mục tiêu của VNPMR là cung cấp nâng cao năng lực cho việc phát triển, triển khai và xuất bản các chính sách, công cụ quản lý nhà nước về các Hành động giảm thiểu phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA), xây dựng các công cụ dựa trên thị trường (MBI), thí điểm các NAMA tín dụng và xây dựng lộ trình tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế. Dự án bao gồm bốn thành phần chính: Thành phần 1: Nghiên cứu, đề xuất và xây dựng chính sách, công cụ quản lý nhà nước liên quan đến thị trường các-bon Thành phần 2: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về phát thải KNK, xây dựng các công cụ dựa trên thị trường và lộ trình tham gia thị trường các-bon trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn Thành phần 3: Xây dựng và thí điểm các NAMA, xây dựng hệ thống báo cáo về NAMA và lộ trình tham gia thị trường các-bon cho ngành sản xuất thép. Thành phần 4: Tăng cường năng lực quản lý, giám sát, đánh giá và phát triển các hoạt động NAMA và tín chỉ NAMA Dự án kết thúc vào năm 2020. Tuy nhiên, trong khuôn khổ dự án này, kết quả của “CS 1.5: Xây dựng tài liệu đào tạo về NAMA, tín chỉ NAMA, nghị định thư MRV, định giá các-bon, các công cụ dựa trên thị trường và thị trường các-bon” có thể được sử dụng cho việc xây dựng năng lực hoạt động theo Hỗ trợ kỹ thuật này. Hỗ trợ kỹ thuật có thể thu được những hiểu biết sâu sắc có giá trị từ dự án VNPMR. Cụ thể, dựa trên tài liệu đào tạo về NAMA, tín chỉ NAMA, nghị định thư MRV, định giá các sản phẩm, công cụ dựa trên thị trường và thị trường các sản phẩm từ dự án VNPMR, Hỗ trợ kỹ thuật có thể tư vấn để phát triển thuật ngữ ETS cơ bản, chiến lược thu hút sự tham gia của người dùng và các chiến lược hiệu quả cũng như các công cụ giảng dạy chương trình đào tạo năng lực về ETS.
		Đối tác thực hiện dự án thị trường Việt	Ông Nguyễn Văn Minh	VNPMI là sự tiếp nối của dự án VNPMR. Mục tiêu là hỗ trợ Chính phủ xây dựng và áp dụng Chương trình Tín

		Nam (VNPMI)		dụng Quốc gia và ETS, đồng thời nâng cao chuyên môn và năng lực cho tổ chức triển khai của họ. Kết quả đầu ra bao gồm hỗ trợ pháp lý và kỹ thuật cho ETS trong lĩnh vực công nghiệp, hỗ trợ thí điểm các chương trình giao dịch nội địa tự nguyện trong lĩnh vực thép, sản xuất xi măng và nhiệt điện và thiết kế chi tiết cho ETS bắt buộc trong nước. VNPMI dự kiến thực hiện từ năm 2023 đến năm 2027. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa được triển khai
2	Ngân Hàng Phát Triển Châu Á (ADB)	Hoạt động hỗ trợ Điều 6 (A6SF)	Ông Virender Kumar Duggal Chuyên gia chính về Biến đổi khí hậu, ADB Email: vkduggal@adb.org	A6SF cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam thông qua hỗ trợ xây dựng chính sách và xây dựng năng lực. Là một phần của hỗ trợ này, ADB sẽ giúp Việt Nam xem xét lại khung chính sách của mình và xây dựng các khuyến nghị nhằm phát triển thị trường nguồn vốn trong nước và triển khai Điều 6. Do đó, A6SF bao gồm phát triển chính sách, xây dựng năng lực, sự tham gia của các bên liên quan và hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến một loạt các cơ chế hợp tác khí hậu, vượt ngoài tầm ETS. Trong khi đó, nhiệm vụ này đặc biệt tập trung vào công cụ mô phỏng ETS, cũng như đánh giá tính khả thi, tác động và tính thực tiễn của việc triển khai ETS tại Việt Nam.
3	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)	Đánh giá khả năng ứng dụng của các dự án các-bon theo yêu cầu của Điều 6 Hiệp định Paris và đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam	Hoàng Thanh Hà Chuyên gia kỹ thuật về giảm thiểu năng lượng và biến đổi khí hậu Email: hoang.thanh.ha@undp.org	Dự án này nhằm đánh giá tính khả thi của các dự án các khoản bon tại Việt Nam theo các cơ chế hiện hành tuân thủ Điều 6 của Thỏa thuận Paris và hỗ trợ mục tiêu NDC của Việt Nam. Dựa trên kết quả đánh giá, dự án sẽ xây dựng bộ tiêu chí và đề xuất quy trình chuyển đổi, lựa chọn các dự án có thể đóng góp vào NDC của Việt Nam. Theo đó, phạm vi của dự án và nhiệm vụ là khác nhau. Trong khi dự án tập trung vào việc đánh giá việc áp dụng các dự án các-bon, nhiệm vụ này nhằm mục đích thí điểm công cụ mô phỏng ETS và cung cấp các bài học kinh nghiệm cũng như khuyến nghị chính sách trong việc triển khai ETS trong tương lai.
4	Chính phủ Singapore	Thỏa thuận ghi nhớ buộc (MOU) hợp tác về tín chỉ các-bon với Singapore	Bộ TN&MT Thông tin liên hệ sẽ được xác định sau	Biên bản ghi nhớ này báo hiệu cam kết của Singapore và Việt Nam trong việc hợp tác các dự án thí điểm các-bon nhằm hỗ trợ cả hai nước đạt được các mục tiêu về khí hậu. Để thực hiện các dự án thí điểm, cả hai nước cũng sẽ xây dựng các

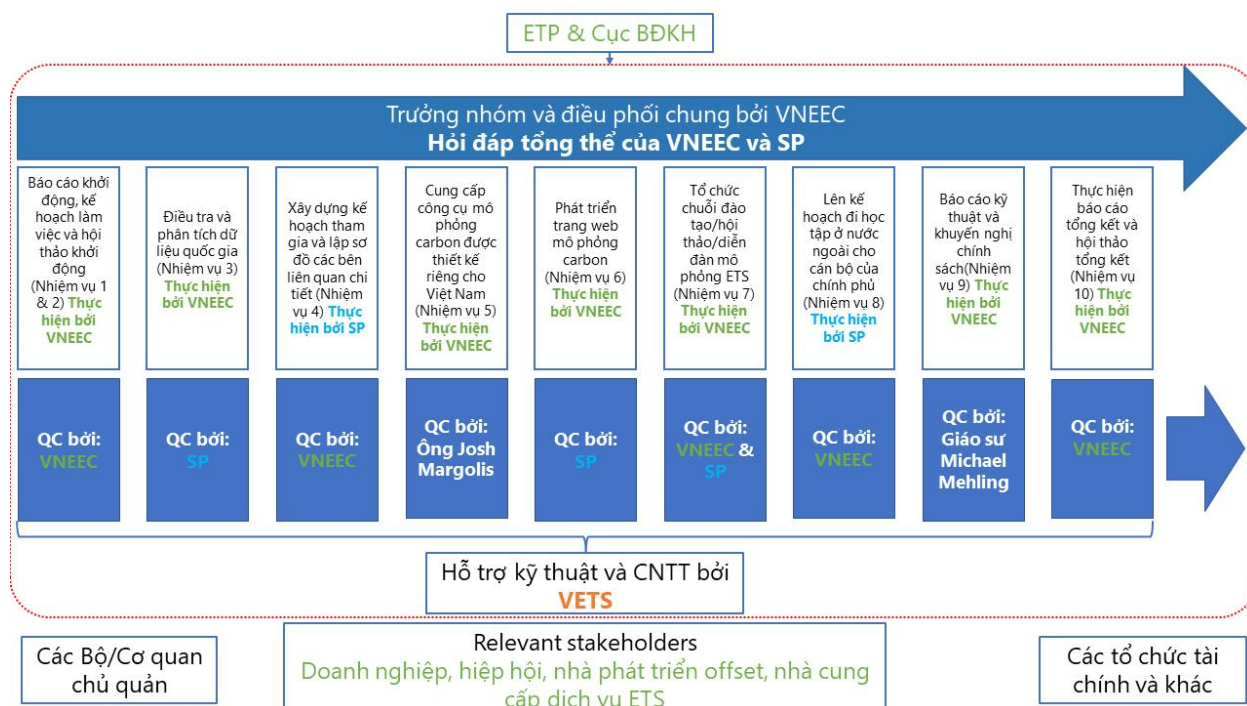
				phương thức và thủ tục để cho phép chuyển giao tín chỉ các-bon được điều chỉnh tương ứng được tạo ra. Theo đó, mặc dù cả MOU về Hợp tác tín chỉ Các-bon với Singapore và mô phỏng ETS đều liên quan đến hoạt động các-bon, nhưng chúng có phạm vi khác nhau. MOU tập trung nhiều hơn vào hợp tác song phương và trao đổi tín chỉ các-bon tiềm năng giữa các quốc gia, trong khi Hỗ trợ kỹ thuật tập trung vào việc đánh giá tác động của việc triển khai ETS trong thị trường các-bon nội địa của Việt Nam.
5	Cơ quan hợp tác quốc tế Đức (GIZ)	Cải cách kinh tế vĩ mô/Chương trình tăng trưởng xanh	Cải cách kinh tế vĩ mô/Chương trình tăng trưởng xanh SDT: (+84) 2437345195 - Nhánh 101 Email: office.macro@giz.de	Chương trình này nhằm tăng cường quản lý các nguồn lực công và tư nhân hướng tới tăng trưởng xanh và toàn diện bằng cách tăng cường sự gắn kết của các chính sách kinh tế của Việt Nam, v.v., chính sách kinh tế xanh, chính sách tài chính xanh, chính sách tín dụng, ngân hàng và quản lý tài chính công xanh. Do đó, Chương trình Cải cách Kinh tế Vĩ mô/Tăng trưởng Xanh và Hỗ trợ kỹ thuật đều nhằm mục đích đóng góp cho sự phát triển bền vững, nhưng chúng có các lĩnh vực trọng tâm và mức độ cụ thể khác nhau. Chương trình Cải cách Kinh tế Vĩ mô/Tăng trưởng Xanh là một sáng kiến rộng hơn nhằm tích hợp tính bền vững vào phát triển kinh tế, trong khi Hỗ trợ kỹ thuật tập trung cụ thể vào việc phát triển và thí điểm một công cụ ETS cũng như đưa ra các khuyến nghị cho ETS trong tương lai.
6	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID)	USAID Chương trình năng lượng phát thải thấp của Việt Nam (V-LEEP)	Tiến sĩ Jennifer Leisch Giám đốc - Hệ thống năng lượng tiên tiến Deloitte Email: jleisch@deloitte.com	V-LEEP giúp Chính phủ Việt Nam thiết lập môi trường chính sách, quy định và khuyến khích hiệu quả cho tăng trưởng phát thải thấp trong lĩnh vực năng lượng, đồng thời thu hút đầu tư của khu vực công và tư nhân vào phát triển năng lượng tái tạo (RE) và hiệu quả năng lượng (EE). V-LEEP thúc đẩy phát triển các khối xây dựng quan trọng để tăng quy mô năng lượng sạch, chẳng hạn như các ưu đãi thông minh để tiếp cận cho đầu tư vào năng lượng sạch và EE, tạo môi trường cạnh tranh cho việc tạo ra năng lượng tái tạo, tăng cường tích hợp lưới điện tái tạo và đảm bảo tập trung năng lượng sạch tại địa phương cơ sở phát điện.

				Theo đó, so với nhiệm vụ được giao, V-LEEP có phạm vi rộng hơn, thúc đẩy môi trường hỗ trợ cho các khoản đầu tư vào năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng
		USAID Quản lý rừng bền vững	Công ty TNHH Toàn cầu DAI	Cơ quan quản lý rừng bền vững của USAID hợp tác với Chính phủ Việt Nam để giảm lượng khí thải các-bon liên quan đến nạn phá rừng, suy thoái rừng tự nhiên và quản lý rừng trồng kém. Theo đó, Dự án triển khai cách tiếp cận “Thịnh vượng xanh” nhằm tăng cường khả năng của cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm lượng khí thải, đồng thời xây dựng nền tảng vững chắc cho quản lý rừng bền vững, sinh kế và tăng trưởng kinh tế đồng đều. Trong khuôn khổ dự án, một lớp đào tạo nhỏ về ETS đã được tiến hành. Tuy nhiên, khóa đào tạo này chỉ giới hạn cho các bên liên quan, đặc biệt là trong ngành lâm nghiệp. Trong khi đó, Hỗ trợ kỹ thuật này nhằm mục đích tổ chức một loạt mô phỏng ETS, bao gồm nhiều đối tượng tham gia hơn từ các cơ quan chính phủ và các nguồn phát thải đáng kể được quy định theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 1 năm 2022.
7	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	Hỗ trợ Lập kế hoạch và Triển khai NAMA theo phương thức MRV (SPI-NAMA)	Tiêu điểm: Bộ TN&MT (MONDE) / (Cục BDKH) Thông tin liên hệ: Ông Lương Quang Huy Trưởng phòng Giám nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn SĐT: +84 (0)902 870505 Email: huylq98@gmail.com	Mục đích của SPI-NAMA là nâng cao năng lực của Chính phủ Việt Nam trong việc lập kế hoạch và thực hiện các Hành động giảm thiểu phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA). Theo Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu do Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ban hành vào tháng 12 năm 2011, các Hành động giảm thiểu phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) sẽ được Bộ TN&MT lên kế hoạch. Để đạt được mục tiêu này, SPI-NAMA có hai hợp phần dự án. Hợp phần dự án đầu tiên nhằm mục đích nâng cao năng lực của Bộ TN&MT để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển và phát triển các NAMA. Hợp phần thứ hai nhằm mục đích nâng cao năng lực của các thành phố ở Việt Nam trong việc định lượng và giảm thiểu phát thải KNK, lấy Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) làm thành phố kiểu mẫu. Vì vậy, Hỗ trợ kỹ thuật có thể tham khảo

			cách tiếp cận của dự án trong việc xác định các bên liên quan; nguồn dữ liệu và các công cụ phân tích được SPI-NAMA sử dụng để kiểm kê KNK; những kinh nghiệm, thách thức và thành công của SPI-NAMA khi thực hiện nhiệm vụ
		Hỗ trợ lập kế hoạch và thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) tại Việt Nam (SPI-NDC)	Dự án nhằm mục đích hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong việc lập kế hoạch và phát triển Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) tại Việt Nam, được công nhận bởi việc phát triển và thực hiện các chính sách giảm thiểu phát thải KNK và các mục tiêu giảm thiểu phát thải KNK của khu vực tư nhân. Theo đó, Hỗ trợ kỹ thuật có thể tham khảo công cụ kiểm kê phát thải KNK được sử dụng trong SPI-NDC để tính toán lượng phát thải KNK trung bình cho từng tiểu ngành và đưa ra ngưỡng cho tiểu ngành để xác định các nguồn phát thải lớn để tham gia vào các chương trình đào tạo ETS.

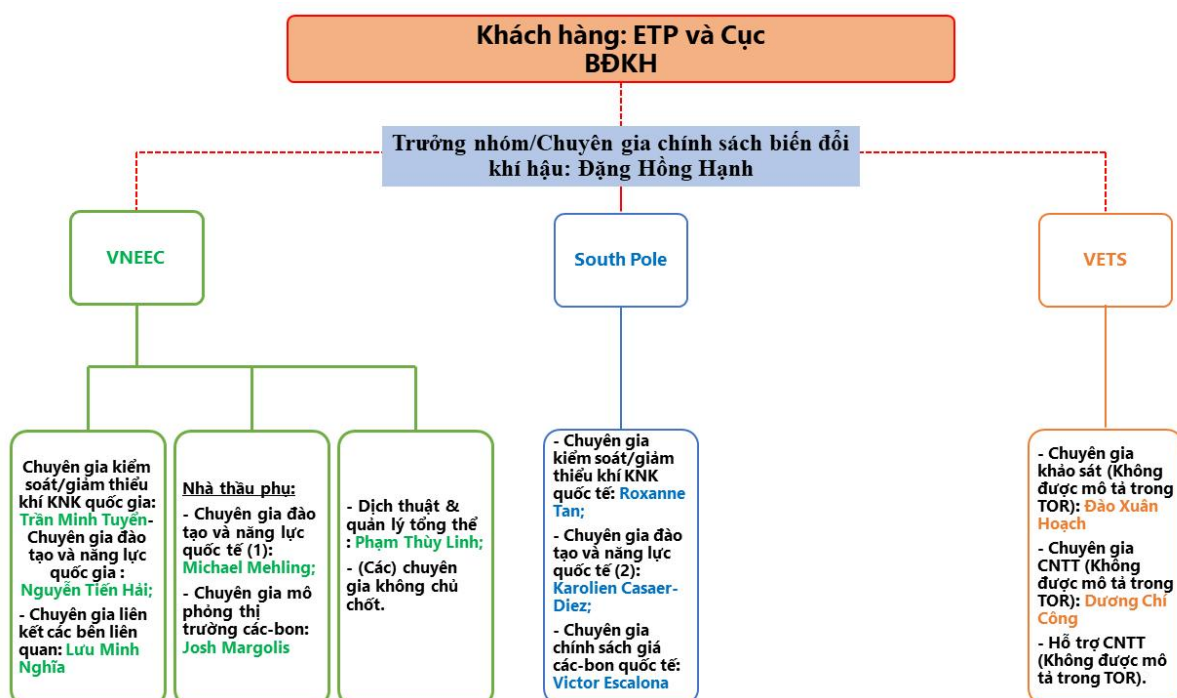
7 QUẢN LÝ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Hình dưới đây mô tả cơ cấu tổ chức và phân định trách nhiệm phát triển Hỗ trợ kỹ thuật:



Hình 12: Triển khai Hỗ trợ và trách nhiệm của các đối tác

Thông tin chi tiết về các chuyên gia chính của nhóm và vai trò của họ được thể hiện trong hình dưới đây:



Hình 13: Nhóm chính triển khai Hỗ trợ kỹ thuật và tương tác với Khách hàng

Nguồn: Tư vấn

8 CÁC RỦI RO VÀ CHIẾN LƯỢC GIẢM THIỂU

Trong quá trình khai triển Hỗ trợ kỹ thuật, sẽ có một số vấn đề và thách thức nhất định có thể phát sinh, có khả năng ảnh hưởng đến kết quả và tiến độ của Hỗ trợ kỹ thuật. Dựa trên kinh nghiệm của Tư vấn trong việc thực hiện các hoạt động/dự án tương tự ở Việt Nam, một chiến lược quản lý rủi ro toàn diện đã được phát triển để chủ động dự đoán, giảm thiểu và quản lý hiệu quả những rủi ro này. Cách tiếp cận này đảm bảo rằng mọi trở ngại tiềm ẩn đều được giải quyết một cách liền mạch, cho phép dự án tiến triển suôn sẻ để đạt được mục tiêu.

Bảng 14: Xác định và quản lý rủi ro của Hỗ trợ kỹ thuật

Rủi ro	Tác động	Chiến lược giảm thiểu
Chất lượng dữ liệu: - Tỷ lệ khảo sát thấp - Khảo sát kém/không đầy đủ	Quan trọng - chất lượng tổng thể	Cuộc khảo sát sẽ được thiết kế cẩn thận sao cho đơn giản nhất có thể và chỉ thu thập những dữ liệu cần thiết. Các phương pháp tiếp cận khác nhau bao gồm hỗ trợ và phối hợp với các cơ quan chính phủ (tức là Cục BDKH), các mẫu câu hỏi trực tuyến, các cuộc gọi và email tiếp theo cũng như cộng tác với các hiệp hội nghề nghiệp cấp tỉnh sẽ được áp dụng để có thể thu thập dữ liệu từ các nguồn khác nhau. Tư vấn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu và hợp tác với các bên liên quan để thu thập dữ liệu. Kết hợp với các nguồn dữ liệu khác có sẵn.
Dự kiến tham gia của các bên liên quan	Trung bình	Tương tác chặt chẽ với các bên liên quan trong toàn bộ nhiệm vụ để thông báo cho họ về mục tiêu của nhiệm vụ và tạo điều kiện cho họ tham gia tích cực cũng như cung cấp phản hồi và dữ liệu đầu vào.
Sự tham gia giới hạn của các bên liên quan	Quan trọng - mục tiêu tổng thể	Trưởng nhóm và Chuyên gia liên kết các bên liên quan sẽ quản lý quá trình tương tác với các bên liên quan và đảm bảo cam kết của họ. Tư vấn sẽ xây dựng một kế hoạch truyền thông mạnh mẽ, thu hút sự tham gia của các bên liên quan, cụ thể xung quanh mối quan tâm của họ đối với hoạt động, và làm việc với Khách hàng để thông báo, thu hút những người chịu trách nhiệm cấp bộ trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho liên lạc thông tin với các bộ, ngành chủ chốt và các bên liên quan khác nhằm duy trì sự tham gia và cam kết của họ. Các chuyên gia trong nhóm có mạng lưới vững chắc sẽ được huy

Rủi ro	Tác động	Chiến lược giảm thiểu
		động để liên hệ với các bên liên quan khi cần thiết và phù hợp.
Những thay đổi bất ngờ về mốc thời gian	Quan trọng - tổng thể tiến độ và khả năng phân phối	Trưởng nhóm sẽ theo dõi chặt chẽ tiến trình để nhận biết bất kỳ sự thay đổi và sai lệch nào so với kế hoạch đã được phê duyệt. Nếu có thay đổi lớn, Tư vấn sẽ xác định lý do chậm trễ, đề xuất chiến lược, hoạt động khắc phục những thay đổi không lường trước được, bao gồm điều chỉnh lịch trình, ưu tiên thời hạn và khung thời gian, đồng thời liên lạc trước với Khách hàng để xin phê duyệt về khả năng thay đổi trong mốc thời gian.

Tư vấn sẽ thông báo kịp thời cho Khách hàng về mọi rủi ro Hỗ trợ kỹ thuật đã được xác định và hợp tác để đưa ra chiến lược giảm thiểu. Điều này có thể liên quan đến việc đẩy nhanh một số hoạt động nhất định hoặc đảm bảo các nguồn lực bổ sung để giải quyết các nhu cầu không lường trước được. Ví dụ: nếu có các câu trả lời khảo sát chưa đầy đủ có thể ảnh hưởng đến mục tiêu tổng thể của Hỗ trợ kỹ thuật, thì các biện pháp thích hợp sẽ được thực hiện để đảm bảo chúng được hoàn thành. Bằng cách giải quyết kịp thời những rủi ro đó và thực hiện các chiến lược giảm thiểu phù hợp, Hỗ trợ kỹ thuật có thể vượt qua mọi thách thức một cách hiệu quả và duy trì tiến độ hướng tới mục tiêu của mình.

9 CÁCH TIẾP CẬN TRONG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG GIỚI

9.1 Các chỉ số nhạy cảm theo giới tính

Trong phạm vi Hỗ trợ kỹ thuật, Tư vấn sẽ xác định các chỉ số sau đây sẽ nhận được hỗ trợ tài chính để thúc đẩy sự tham gia của học viên nữ vào khóa đào tạo.

- **Thành phần giới tính tham gia:** Theo dõi các giới tính khác nhau trong số những người tham gia mô phỏng ETS, bao gồm các bên liên quan, người ra quyết định và người tham gia hội thảo hoặc tham vấn. Chỉ số này có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về mức độ hòa nhập giới trong Hỗ trợ kỹ thuật. Mục tiêu tiếp cận ít nhất 40% tổng số người tham gia là nữ tham gia trong các buổi hội thảo và đào tạo.
- **Tham gia và tương tác:** Đánh giá mức độ tham gia và gắn kết của các giới tính khác nhau trong hoạt động mô phỏng ETS, chẳng hạn như hội thảo, cuộc họp và phiên phản hồi. Chỉ số này có thể giúp xác định bất kỳ sự chênh lệch giới tính nào trong việc tham gia và đảm bảo cơ hội tham gia bình đẳng. Mức độ tham gia và gắn kết của những người tham gia là nữ được đặt mục tiêu đạt 40% số người tham gia và tham gia vào các hội thảo, cuộc họp và phiên phản hồi.
- **Hiệu quả nâng cao năng lực và đào tạo:** Đánh giá hiệu quả của các chương trình đào tạo và nâng cao năng lực được cung cấp như một phần của mô phỏng ETS, có tính đến sự tham gia của các giới tính khác nhau. Chỉ số này có thể giúp đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo dành riêng cho từng giới và tất cả giới tính đều có cơ hội bình đẳng để phát triển

kỹ năng. Tỷ lệ đánh giá tích cực của học viên nữ trong các buổi tập huấn được phân đầu đạt ít nhất 60% số học viên nữ.

9.2 Các nhu cầu cụ thể theo giới

Để thúc đẩy một môi trường đào tạo an toàn và hòa nhập cho tất cả những người tham gia, bất kể giới tính của họ, Tư vấn sẽ thực hiện các biện pháp chủ động để tạo ra một bầu không khí thân thiện. Điều này bao gồm việc khuyến khích đối thoại cởi mở, tôn trọng các quan điểm đa dạng và đảm bảo rằng mỗi cá nhân cảm thấy thoải mái, được đánh giá cao và được tôn trọng trong toàn bộ quá trình mô phỏng ETS. Tư vấn cam kết thiết lập một môi trường thúc đẩy tính toàn diện, nơi những người tham gia có thể tự do thể hiện bản thân và tham gia vào các cuộc thảo luận có ý nghĩa mà không có bất kỳ hình thức phân biệt đối xử hoặc thiên vị nào.

Ngoài ra, để thúc đẩy sự hòa nhập về giới tính, Tư vấn sẽ điều chỉnh hỗ trợ và các nguồn lực bao gồm:

- Tiếp cận và tương tác nhạy cảm về giới tính: Thực hiện các chiến lược tiếp cận nhằm mục tiêu và thu hút các cá nhân thuộc mọi giới tính, đảm bảo sự đại diện và tham gia bình đẳng trong mô phỏng ETS
- Nhận biết và giải quyết các nhu cầu cũng như rào cản riêng mà các giới tính khác nhau phải đối mặt khi tham gia mô phỏng ETS. Cung cấp nguồn lực và cơ hội đào tạo để giải quyết các thách thức cụ thể về giới tính để tích cực tham gia vào mô phỏng.

10 KHUNG GIÁM SÁT DỰA TRÊN KẾT QUẢ ETP (RBMF)

Kết quả của Hỗ trợ kỹ thuật được giám sát thông qua khung như được mô tả bên dưới. Tất cả các báo cáo sẽ cập nhật thành tích của các chỉ số.

Bảng 15: Khung kiểm soát và đánh giá chất lượng

Các trụ cột của ETP	Kết quả	Mô tả	Chỉ số	Chỉ số chương trình	Chỉ số cấp Dự án	Mục tiêu
Liên kết chính sách với các cam kết về khí hậu	Kết quả	1. Tăng cường môi trường hỗ trợ chính sách RE và EE	IN 1-01	Số lượng chính sách, luật, quy định và/hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật về RE và EE mới/sửa đổi được chính phủ quốc gia thông qua và phối hợp với các tổ chức liên quan	Không liên quan	
	Đầu ra	1.1 Các chính sách, quy định, tiêu chuẩn và kế hoạch năng lượng RE và EE quốc gia phản ánh cam kết rõ ràng đối với chương trình Chuyển đổi Năng lượng và được lồng ghép vào các kế hoạch ngành, nhằm góp phần đạt được Thỏa thuận Paris	IN 1.1-01	Các kế hoạch năng lượng quốc gia phản ánh tham vọng hướng tới tăng tỷ trọng RE/VRE, cải thiện EE và loại bỏ dần nhiên liệu hóa thạch	Không liên quan	
			IN 1.1-02.1	Số chính sách, luật, quy định và/hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật về RE và EE được xây dựng và trình bày cho các cơ quan chính phủ	Không liên quan	
			IN 1.1-02.2	Số chính sách, luật, quy định và/hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật về RE và EE được các cơ quan chính phủ sửa đổi và thông qua		
		1.2 Các chính sách, quy định tài chính quốc gia và chính sách đầu tư đã trải qua những cải cách nhằm tạo ra Môi trường đầu tư có lợi cho dòng đầu tư vào RE/EE và cải thiện khả năng sẵn sàng chuyển đổi năng lượng cho vốn và đầu tư	IN 1.2-01	Số lượng khung tài chính và cải cách tài chính liên quan đến RE và EE được xây dựng và trình bày cho các cơ quan chính phủ	Các khuyến nghị chính sách cho Hệ thống trao đổi Hạn ngạch phát thải (ETS) tại Việt Nam.	1
			IN 1.2-02	Số lượng điều chỉnh chính sách tài chính, công cụ khung đầu tư do cơ quan chính phủ xây dựng và ban hành		
		1.3 Chương trình chuyển đổi năng lượng được chỉ đạo tập trung và điều phối hiệu quả tại một cơ quan/tổ chức cấp	IN 1.3-01	Sự hiện diện của một cơ quan/tổ chức cấp quốc gia trong chương trình	Không liên quan	

		quốc gia có nhiệm vụ bảo vệ với cấp thẩm quyền phù hợp	IN 1.3-02	Cải thiện truyền thông giữa các bộ và ngành của chính phủ để có phản ứng phối hợp với Chuyển đổi năng lượng	Không liên quan	
Giảm rủi ro đầu tư RE và EE	Kết quả	2. Tăng dòng đầu tư công và tư nhân vào các dự án RE và EE trong lĩnh vực điện và phục vụ người dùng	IN 2-01	Lượng tài chính công, tư nhân và hỗn hợp đầu tư vào RE và EE	Không liên quan	
	Đầu ra	2. Ngân sách quốc gia thể hiện quyết tâm tối đa hóa năng lực RE/EE bằng cách phân bổ lượng vốn công tăng lên và thu hút FDI vào lĩnh vực RE/EE	IN 2.1-01	Lượng đầu tư công cộng được phân bổ cho các dự án RE/EE	Không liên quan	
			IN 2.1-02	Lượng vốn FDI đầu tư vào các sáng kiến trong lĩnh vực RE và EE	Không liên quan	
		2.2 Tài trợ giảm rủi ro dự án được tiếp cận thông qua các tổ chức tài chính tạo ra các dự án RE/EE quy mô lớn	IN 2.2-01	Số lượng phương án/công cụ tài chính mới và hiện có, trong nước và quốc tế để giảm thiểu rủi ro và mở cửa cho tài chính tư nhân và hỗn hợp	Không liên quan	
Extending Smart Grids	Kết quả	3. Tăng lượng RE tích hợp trong mạng lưới điện thông minh hơn	IN 3-01	Tỷ lệ RE/VRE được tích hợp vào Lưới điện thông minh và Cơ sở hạ tầng thông minh được cải thiện	Không liên quan	
			IN 3-02	Tăng mức độ cắt giảm	Không liên quan	
	Đầu ra	3.1 Chiến lược năng lượng quốc gia và các quy hoạch ngành liên quan đến việc lập kế hoạch dựa trên các chứng thực cho việc cải thiện hệ thống lưới điện thông minh quốc gia cùng với cơ sở hạ tầng và công nghệ đổi mới liên quan	IN 3.1-01	Số lượng các khuyến nghị, giải pháp kỹ thuật được các đơn vị vận hành lưới điện thực hiện trong quy hoạch và vận hành để hướng tới lưới điện thông minh	Không liên quan	
			IN 3.1-02	Số lượng dự án thiết kế kỹ thuật, thử nghiệm, mô hình hóa được hỗ trợ cho cơ sở hạ tầng thông minh	Không liên quan	

Xây dựng kiến thức và nhận thức	Kết quả	4. Tăng cường phát triển và tiếp cận kiến thức RE/EE	IN 4-01	Kiến thức của các đối tượng mục tiêu được cải thiện về EE/RE và khả năng duy trì các nỗ lực Chuyển đổi Năng lượng	Tiến hành khảo sát về mức độ sẵn sàng và nhận thức của các doanh nghiệp, cơ sở về phát thải/giảm nhẹ KNK và thị trường các-bon	80% nhận thức
	Đầu ra	4.1. Các bên liên quan (các cơ quan Chính phủ có liên quan, các công ty công, Tổ chức tài chính, Tổ chức tư nhân, Học viện và Người tiêu dùng) tham gia vào chuỗi giá trị RE/EE, có kiến thức và thông tin tốt hơn để thúc đẩy chương trình chuyển đổi năng lượng	IN 4.1-01	Số lượng nghiên cứu, bằng chứng mới được thu thập và công bố nhằm nâng cao nhận thức, nâng cao nền tảng kiến thức, thúc đẩy các quyết định và phổ biến	Một báo cáo khuyến nghị về chính sách cho ETS ở Việt Nam.	1
			IN 4.1-02	Số lượng đào tạo, sự kiện chia sẻ kiến thức và/hoặc hội thảo nâng cao nhận thức được tổ chức ở cấp quốc gia và khu vực nhằm xây dựng năng lực thể chế và mạng lưới kiến thức	1. Hội thảo khởi động 2. Tổ chức chuỗi đào tạo mô phỏng ETS 3. Lập kế hoạch tổ chức lớp học nâng cao về thị trường các-bon dành cho các quan chức chính phủ để học hỏi và trao đổi kiến thức cũng như kinh nghiệm quản trị về ETS. Thành phần tham gia từ các cơ quan Chính phủ dự kiến bao gồm Bộ TC, Bộ TN&MT, Bộ CT và Ngân	

				hàng Nhà nước Việt Nam. 4. Hội thảo tổng kết	
			IN 4.1-02 A	Số lượng người tham gia	Đào tạo mô phỏng ETS - ít nhất 200 người tham gia
			IN 4.1-02 B	Số lượng người tham gia là nữ giới	Ít nhất 30%
			IN 4.1-02 C	Tổng số các Công ty / Cơ quan Chính phủ được hỗ trợ thông qua Hỗ trợ Kỹ thuật	200 doanh nghiệp/công ty
			IN 4.1-03	Số bài viết, thông cáo báo chí trên mạng xã hội và phương tiện thông tin đại chúng để phát hành trên mạng xã hội và trên các phương tiện thông tin đại chúng để tiếp cận	

Tư vấn tuân thủ các quy trình kiểm tra chất lượng nội bộ nghiêm ngặt và hiệu quả để đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm của Hỗ trợ kỹ thuật đều đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cao. Trong suốt quá trình phát triển Hỗ trợ kỹ thuật, Trưởng nhóm sẽ đóng vai trò là đầu mối thông tin liên hệ chính của Khách hàng, cung cấp hỗ trợ liên tục và sẵn sàng hỗ trợ mọi yêu cầu. Việc liên lạc thường xuyên qua điện thoại và email sẽ được lên lịch giữa Trưởng nhóm và Khách hàng để cung cấp thông tin cập nhật về tiến độ và giải quyết mọi vấn đề có thể phát sinh.

Ngoài khung giám sát dựa trên kết quả, Kế hoạch đảm bảo chất lượng còn bao gồm các yếu tố sau:

- Các dịch vụ do nhóm chúng tôi cung cấp sẽ tuân thủ các yêu cầu quy định trong Điều khoản tham chiếu, đảm bảo sự hài lòng của Khách hàng.
- Tất cả các sản phẩm của Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được các chuyên gia QA/QC trong nước và quốc tế xem xét kỹ lưỡng trước khi đệ trình.
- Dịch vụ tư vấn sẽ kết hợp các phương pháp thực hành và sáng tạo tốt nhất mang lại kết quả chất lượng cao.
- Nguồn lực kỹ thuật và quản lý 'nội bộ' phong phú sẽ được tận dụng, dựa trên kinh nghiệm và chuyên môn của để nâng cao các nhiệm vụ và hoạt động.
- Một khung giám sát, đánh giá và phản hồi sẽ được thiết lập để tối ưu hóa các dịch vụ được cung cấp trong suốt dự án.

Tư vấn sẽ xây dựng một kế hoạch Hỗ trợ kỹ thuật toàn diện được tất cả các đối tác của Hỗ trợ kỹ thuật nhất trí. Kế hoạch này sẽ đóng vai trò như một công cụ để theo dõi tiến độ, bao gồm hoạt động, cột mốc, các sản phẩm của dự án, các ngày quan trọng (như Tết và thời hạn dự án) và ma trận về sự phụ thuộc, đầu vào, tương tác và các lộ trình quan trọng.

Tư vấn đã thiết kế kế hoạch đảm bảo chất lượng sau đây để đảm bảo thực hiện thành công hoạt động chính trong Hỗ trợ kỹ thuật.

Bảng 16: Kế hoạch kiểm soát chất lượng

Số	Nhiệm vụ	Chuyên gia được phân công
1	QC về chính sách, thể chế, tài chính và các bên liên quan	Chuyên gia quản lý và liên kết các bên liên quan (QC 1.1); Chuyên gia chính sách giá các-bon (QC 1.2)
2	QC về khía cạnh kỹ thuật và dữ liệu	Chuyên gia khảo sát (QC 2.1); Chuyên gia kiểm kê KNK (QC 2.2); Chuyên gia dữ liệu (QC 2.3).
3	QC chương trình, nội dung đào tạo	Chuyên gia mô phỏng thị trường Các-bon (QC 3.1); Chuyên gia về năng lực và đào tạo (QC 3.2).
4	QA tổng thể	Trưởng nhóm (QA)
5	QA về chương trình và nội dung đào tạo	Đào tạo năng lực quốc tế và chuyên gia mô phỏng thị trường các bon (QA Training)

Bảng 17: Kế hoạch đảm bảo chất lượng cụ thể cho Hỗ trợ kỹ thuật

Nhiệm vụ/Hoạt động	Các biện pháp kiểm soát chất lượng	Trách nhiệm
Nhiệm vụ 1: Thực hiện báo cáo Khởi động và Kế hoạch làm việc của Dự án		QA
a) Hoạt động 1.1: Tiến hành các cuộc họp khởi động	Tính đầy đủ của biên bản họp (nếu có)	QC 1.1
b) Hoạt động 1.2: Soạn thảo báo cáo khởi động và cập nhật Kế hoạch làm việc	Tính đầy đủ và chất lượng của Báo cáo khởi động nộp cho Cục BDKH và ETP	QC 1.1 QC 3.2
Nhiệm vụ 2: Tổ chức Hội thảo khởi động		QA
a) Hoạt động 2.1: Chuẩn bị cho Hội thảo khởi động	Tính đầy đủ của dự thảo chương trình và danh sách người tham gia	QC 1.1 QA
b) Hoạt động 2.2: Tổ chức Hội thảo khởi động	Hồ sơ đầy đủ của hội thảo đã được nộp cho Cục BDKH và ETP.	QC 1.1
Nhiệm vụ 3: Tiến hành phân tích, khảo sát, tham vấn các sự kiện về sự sẵn sàng và nhận thức của các doanh nghiệp và cơ sở vật chất về phát thải/giảm phát thải KNK và thị trường các-bon		QA
a) Hoạt động 3.1 Tiến hành đánh giá và tư vấn về ETS (các đối tượng không phát thải)	Tính đầy đủ của thông tin được thu thập thông qua rà soát tài liệu	QC 1.1 QC 1.2
b) Hoạt động 3.2: Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát	Việc thực hiện các câu hỏi khảo sát nhằm đánh giá mức độ sẵn sàng và nhận thức của các nhóm được lựa chọn	QC 2.1 QC 3.3
c) Hoạt động 3.3: Xác định quy mô và phạm vi của các khảo sát	Số lượng người tham gia tiềm năng sẽ được xác định	QC 1.1 QC 2.1
d) Hoạt động 3.4: Thu thập, soạn và phân tích dữ liệu	Tỷ lệ và mức độ đầy đủ của các câu trả lời	QC 3.1 QC 3.2
e) Hoạt động 3.5: Chuẩn bị báo cáo đánh giá về sự sẵn sàng và nhận thức và đề xuất danh sách đối tượng tiềm năng tham gia khóa đào tạo	Báo cáo đánh giá về nhận thức, sự sẵn sàng và nhu cầu đào tạo năng lực	QC 1.1 QC 1.2 QC 3.1 QC 3.2
Nhiệm vụ 4: Xây dựng kế hoạch sắp xếp và tương tác chi tiết của các bên liên quan để tiếp cận và thu hút các nhóm mục tiêu		QA
a) Hoạt động 4.1: Phát triển danh sách chi tiết các bên liên quan	Phạm vi bao phủ các bên liên quan	QC 1.1
b) Hoạt động 4.2: Phát triển kế hoạch của các bên liên quan	Chất lượng và tính đầy đủ của kế hoạch tham gia	QC 1.1

Nhiệm vụ/Hoạt động	Các biện pháp kiểm soát chất lượng	Trách nhiệm
Nhiệm vụ 5: Chuẩn bị và cung cấp quyền truy cập tới công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng trong Hỗ trợ kỹ thuật		QA
a) Hoạt động 5.1: Cung cấp và chuẩn bị quyền truy cập tới các tùy chọn không xác định để điều chỉnh công cụ mô phỏng các-bon phù hợp để sử dụng trong Hỗ trợ kỹ thuật này	Đảm bảo tính ổn định và chức năng của công cụ sẽ phù hợp với thiết kế của khóa đào tạo	QC 2.4 QC 3.1
b) Hoạt động 5.2: Điều chỉnh công cụ CarbonSim	Đảm bảo độ ổn định của công cụ sau khi điều chỉnh	QC 2.4 QC 3.1
c) Hoạt động 5.3: Thử nghiệm công cụ		
Nhiệm vụ 6: Cung cấp một nền tảng mô phỏng carbon trên web		QA
a) Hoạt động 6.1: Phát triển nền tảng trang web	Sự hoàn thiện của nền tảng	QC 2.4
b) Hoạt động 6.2: Phát triển nội dung trang web	Độ chính xác, nhất quán và cập nhật của nội dung	QC 2.2 QC 3.2 QC 3.3
c) Hoạt động 6.3: Cập nhật nền tảng trang web	Khoảng thời gian cập nhật nội dung và hoạt động của dự án	QA
Nhiệm vụ 7: Tổ chức các chuỗi đào tạo/hội thảo/diễn đàn về mô phỏng ETS		QA
a) Hoạt động 7.1: Các hoạt động đào tạo trước	Số lượng người tham gia tiềm năng xác định tham gia đào tạo	QC 1.1
b) Hoạt động 7.2: Tổ chức các buổi đào tạo	Tính đầy đủ của việc tiến hành đào tạo đã nộp cho Cục BDKH và ETP cũng như tính hiệu quả của việc đào tạo thông qua đánh giá kết quả.	QA đào tạo
Nhiệm vụ 8: Lập kế hoạch lớp đào tạo nâng cao cho các quan chức chủ chốt của chính phủ		QA
a) Hoạt động 8.1: Xác định nhu cầu đào tạo/khoảng trống của các quan chức chính phủ	Tính đầy đủ của kết quả đánh giá các hoạt động trước đó sẽ được sử dụng để xác định mục tiêu của lớp học nâng cao	QC 3.2 QC 3.2
b) Hoạt động 8.2: Thiết kế các tour du học/lớp học với sự tư vấn chặt chẽ của ETP và Cục BDKH	Tính đầy đủ và toàn diện của danh sách đề xuất các nước sở tại tiềm năng và danh sách mở rộng các nước cho lớp nâng cao	QC 3.2 QC 3.3
Nhiệm vụ 9: Tiến hành báo cáo kỹ thuật tóm tắt kết quả các mô phỏng và đánh giá tác động		QA
a) Hoạt động 9.1: Soạn thảo báo cáo kỹ thuật	Tính nhất quán, chất lượng và số lượng những hiểu biết thu thập được thông	QA

Nhiệm vụ/Hoạt động	Các biện pháp kiểm soát chất lượng	Trách nhiệm
	qua đào tạo	đào tạo
b) Hoạt động 9.2: Tổ chức tư vấn cấp cao	Tính đầy đủ của hồ sơ tham vấn cấp cao gửi tới Cục BDKH và ETP	QA đào tạo
Nhiệm vụ 10: Đề trình báo cáo và hội thảo tổng kết		QA
a) Hoạt động 10.1: Soạn thảo báo cáo tổng kết	Tính nhất quán, chất lượng và số lượng thông tin chi tiết được thu thập trong suốt dự án	QA đào tạo
b) Hoạt động 10.2: Tổ chức hội thảo tổng kết	Hồ sơ đầy đủ của hội thảo đã được nộp cho Cục BDKH và ETP.	QC 1.1 QA đào tạo

11 PHỤ LỤC

11.1 PHỤ LỤC I: Danh sách các bên liên quan ban đầu của Hỗ trợ kỹ thuật

Danh sách các bên liên quan có liên quan đến việc thực hiện Hỗ trợ kỹ thuật này được cung cấp trong bảng sau.

Bảng 18: Danh sách ban đầu của các bên liên quan

Số	Tên	Thông tin liên hệ chi tiết	Tính liên quan tới Hỗ trợ kỹ thuật
I	Các bên liên quan nội bộ		
1	VNEEC	Bà Đặng Hồng Hạnh Đồng sáng lập & Giám đốc điều hành Email: dhanh@eec.vn SĐT: +84 917291417	VNEEC là đối tác chính của Nhóm Tư vấn phát triển Hỗ trợ kỹ thuật nhằm cung cấp sự điều phối tổng thể và đảm bảo chất lượng cho các nhiệm vụ và các sản phẩm của dự án. VNEEC chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc lập báo cáo, tham vấn các bên liên quan, phân tích khảo sát dữ liệu, tổ chức hội thảo và đào tạo. VNEEC cung cấp cho các chuyên gia quốc tế kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm đặc biệt trong việc phát triển/quản lý mô phỏng ETS và giảng dạy về ETS và thị trường các-bon.
2	VETS	Ông Đào Xuân Hoạch Quản lý dự án Email: hoachdx@vets.com. vn SĐT: (+84) 969 462 363	VETS là đối tác triển khai của Nhóm Tư vấn, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và CNTT cho nhiệm vụ. Cụ thể, VETS cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hợp tác với VNEEC trong việc thực hiện tính toán phát thải KNK và khảo sát các nguồn phát thải lớn, điều chỉnh công cụ mô phỏng các-bon và phát triển trang web cung cấp kiến thức và đào tạo về ETS tại Việt Nam.
3	South Pole	Roxanne Tan Tư vấn quản lý về chính sách khí hậu, tài chính và thị trường các-bon Email: r.tan@southpole.co m SĐT: +6583121918	South Pole là đối tác quốc tế trong việc phát triển Hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp việc kiểm soát chất lượng cho các nhiệm vụ và các sản phẩm của Hỗ trợ kỹ thuật được giao. South Pole chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tham gia và lập bản đồ các bên liên quan, lên kế hoạch cho chuyên tham quan học tập ở nước ngoài cho các quan chức chính phủ. Ngoài ra, South Pole còn hợp tác với VNEEC để xem xét phân tích khảo sát dữ liệu quốc gia và tổ chức chuỗi đào tạo mô phỏng ETS.
4	ETP	Mr. Do Manh Toan Điều phối viên quốc gia Email: toand@unops.org SĐT: + 84 96 381 9416	ETP là Khách hàng của Tư vấn cho Hỗ trợ kỹ thuật này. ETP hỗ trợ quá trình chuyển đổi của Việt Nam sang một nền kinh tế xanh hơn và ít phát thải các-bon, góp phần đạt được các Mục tiêu TDA SDG của Liên hợp quốc và Mục tiêu của Thỏa thuận Khí hậu Paris
II	Các bên liên quan bên ngoài		

1	Các bộ, cơ quan chủ chốt của Chính phủ		
1.1	Bộ TN&MT	Thứ trưởng Lê Công Thành Email: lecongthanh@monre.gov.vn	Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, bao gồm cả hành động giảm thiểu biến đổi khí hậu. Bộ TN&MT cũng đóng vai trò là Tiêu điểm Quốc gia cho UNFCCC, Nghị định thư Kyoto và Thỏa thuận Paris. Ngoài ra, Bộ TN&MT là cơ quan điều phối thực hiện NDC. Về phát triển thị trường carbon nội địa ở Việt Nam, Bộ TN&MT sẽ phụ trách các hoạt động cụ thể sau: - Trong giai đoạn đến cuối năm 2027: • Xây dựng các quy định về quản lý tín dụng các-bon, trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và tín dụng các-bon; xây dựng quy chế hoạt động của sàn giao dịch tín dụng các-bon; • Thực hiện cơ chế thí điểm trao đổi và bù đắp tín dụng các-bon trong các lĩnh vực tiềm năng; hướng dẫn cơ chế trao đổi, bù trừ tín dụng các-bon nguồn phát sinh trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; • Thiết lập và tổ chức thí điểm trao đổi tín dụng các-bon từ năm 2025; • Triển khai hoạt động nhằm tăng cường năng lực và nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon. - Trong giai đoạn từ năm 2028: • Vận hành trao đổi tín dụng các-bon chính thức vào năm 2028; • Điều hành Hoạt động để kết nối, liên kết thị trường các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và toàn cầu;
1.1.1	Cục BDKH	Cục trưởng Tăng Thế Cường Email: ttcuong@monre.gov.vn	Theo sự phân công của Bộ TN&MT, Cục BDKH chịu trách nhiệm thực hiện kiểm kê KNK (GHG); phát triển và triển khai hệ thống Đo lường, Báo cáo và Xác minh (MRV); xây dựng và cập nhật danh sách các ngành, cơ sở cần thực hiện kiểm kê KNK; quản lý và phân bổ định mức phát thải KNK; xây dựng cơ chế, chính sách định giá các-bon; vận hành thị trường các-bon trong nước và kết nối với thị trường các-bon toàn cầu; phát triển và thực hiện CTX và cơ chế bù đắp; tổ chức thẩm

			định định mức phát thải KNK và tín dụng các-bon được phép mua bán trên thị trường các-bon; giám sát việc trao đổi định mức phát thải KNK và tín chỉ các-bon theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tư cách thành viên.
1.1.1.1	Phòng Giám phát thải KNK và Bảo vệ tầng ô-dôn	Ông Lương Quang Huy Trưởng phòng SDT: +84 (0)902 870505 Email: huy1q98@gmail.com	Phòng Giám phát thải khí nhà kính và Bảo vệ tầng ô-dôn là phòng trực thuộc Bộ TN&MT, được giao nhiệm vụ trực tiếp: - Hỗ trợ Tổng Giám đốc Cục BĐKH trong vấn đề giám phát thải và bảo vệ tầng ô-dôn; - Xác định tiêu chuẩn phát thải trên mỗi đơn vị sản phẩm sẽ được áp dụng trong thị trường các-bon trong nước. Do đó, tư vấn và đề xuất định mức phát thải phân bổ cho các đối tượng được quản lý; - Là tiêu điểm hướng dẫn và thực hiện kiểm kê KNK quốc gia; thực hiện kiểm kê KNK chuyên ngành trong lĩnh vực chất thải; - Cập nhật danh mục ngành, danh mục lĩnh vực, nguồn phát thải KNK phải kiểm kê KNK hoặc nguồn phát thải phải tham gia thị trường các-bon ở Việt Nam.
1.1.1.2	Phòng Thông tin Kinh tế và Biến đổi Khí hậu	Ông Nguyễn Văn Minh Trưởng phòng Email: nvminh.dmhcc@gmail.com	Phòng Thông tin kinh tế và biến đổi khí hậu là phòng trực thuộc Bộ TN&MT, được giao nhiệm vụ: - Hỗ trợ Tổng Giám đốc Cục BĐKH xây dựng cơ chế, chính sách định giá các loại trái phiếu; tổ chức vận hành thị trường các loại bon trong nước và kết nối với thị trường các loại bon quốc tế; - Phát triển và quản lý tín dụng các-bon và cơ chế bù trừ các-bon; giúp Tổng cục trưởng trong việc cấp giấy chứng nhận chứng nhận các dự án theo cơ chế Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; - Giám sát việc phát triển cơ chế tín dụng và bù đắp các-bon, trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và tín dụng các-bon theo quy định của pháp luật có liên quan và các điều ước quốc tế. Thường trực Ủy ban phía Việt Nam thực hiện cơ chế tín dụng chung.
1.1.1.3	Trung tâm phát triển các-bon thấp	Ông Hà Quang Anh Giám đốc trung tâm Email: qanhsilvi@gmail.com	Trung tâm Phát triển các-bon thấp trực thuộc Cục BĐKH, được giao nhiệm vụ tiến hành kiểm kê KNK, dự báo lượng phát thải KNK, xây dựng các bối cảnh phát thải, đánh giá CTX và thúc đẩy nền kinh tế các-bon thấp.

1.1.2	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (VEPF)	Ông Nguyễn Đức Thuận Giám đốc Email: ndthuan@monre.gov.vn	VEPF trực thuộc Bộ TN&MT, thực hiện các cơ chế, chính sách tài chính cho các dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch (CDM), bao gồm: - Thiết lập giám sát, quản lý và thu phí bán chứng chỉ chứng nhận giảm phát thải (CER) - Phân bổ hỗ trợ nâng cao nhận thức và quảng bá hoạt động nhằm nâng cao hiểu biết về các dự án đầu tư CDM; xem xét và phê duyệt các tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát các dự án CDM - Trợ cấp sản phẩm từ dự án CDM
1.2	Bộ TC		Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thiết lập cơ chế trao đổi mua bán các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động của thị trường các-bon, bao gồm việc ấn định giá hạn ngạch cho phép phát thải các-bon và quản lý doanh thu tạo ra từ thị trường các-bon.
1.2.1	Vụ Pháp chế	Bà Tô Nguyễn Cẩm Anh SĐT: + 84 987568792 Email: tonguyencamanh@mof.gov.vn	Vụ Pháp chế là đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính, chịu trách nhiệm phối hợp hoặc tham gia xây dựng các cơ chế, chính sách, dự án tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật được Bộ Tài chính giao.
1.2.2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (SSC)	Bà Vũ Thị Chân Phương Chủ tịch SĐT: (+84) 2439340750	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính, có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các cơ chế tài chính bền vững như trái phiếu xanh và khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào các sáng kiến nhằm giảm thiểu KNK. Cụ thể, SSC có thể tham gia xây dựng và đề xuất các chính sách, quy định liên quan đến trao đổi thương mại các sản phẩm của Việt Nam.
1.3	Bộ Công Thương (Bộ CT)	Ông Hoàng Văn Tám Trưởng phòng Biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững Email: tamhv@moit.gov.vn SĐT: +84 913 599 409	Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp phát thải ít các-bon và có khả năng chống chịu với khí hậu. Kiến thức chuyên môn của Bộ CT trong lĩnh vực công nghiệp cũng như mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp sẽ rất quan trọng đối với hoạt động buôn bán của ETS trong lĩnh vực này. ETS là một cơ chế dựa trên thị trường có thể giúp khuyến khích các doanh nghiệp giảm lượng khí thải trong lĩnh vực này. Bộ Công Thương cũng có trách nhiệm đảm bảo thị trường các-bon không tác động tiêu cực đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.
1.4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)	Ông Nguyễn Chí Dũng Vụ trưởng Email: nguyenchidzung@mpi.gov.vn	Bộ KH&ĐT chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược biến đổi khí hậu quốc gia và phối hợp với các bộ khác về các vấn đề biến đổi khí hậu. Kiến thức chuyên môn của Bộ KH&ĐT về lập kế hoạch và đầu tư cũng như mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chính phủ khác sẽ rất quan trọng

			đối với hoạt động buôn sê của ETS.
1.5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT)	Ông Lê Minh Hoan Bộ trưởng Email: leminhhoan@mard.gov.vn	Bộ KH&ĐT chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược biến đổi khí hậu quốc gia và phối hợp với các bộ khác về các vấn đề biến đổi khí hậu. Kiến thức chuyên môn của Bộ KH&ĐT về lập kế hoạch và đầu tư cũng như mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chính phủ khác sẽ rất quan trọng đối với hoạt động buôn sê của ETS.
1.6	Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT)	Ông Trần Ánh Dương Vụ trưởng Vụ Môi trường SĐT: +84 903 269 542 Email: trananhduong@mt.gov.vn	Bộ GTVT chịu trách nhiệm thúc đẩy phát triển giao thông vận tải các-bon thấp.
1.7	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Phòng TM&CN)	Ông Phạm Tấn Công Chủ tịch SĐT: (+84) 24 35742022	Phòng TM&CN đại diện cho quyền lợi của các doanh nghiệp trên thị trường các-bon.
2	Các nguồn phát thải KNK lớn		
2.1	Các cơ sở phát thải thuộc phạm vi quản lý của ngành công thương	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, v.v.	Trong tổng số 1912 đơn vị được yêu cầu tiến hành kiểm kê KNK, lĩnh vực này có 1662 doanh nghiệp, chiếm hơn 80% số doanh nghiệp. Các ngành phát thải lớn nhất trong ngành Sản xuất Năng lượng, Khai thác Than và Sản xuất Hóa chất đều thuộc lĩnh vực này. Vì vậy, họ là những bên liên quan chính và là đối tượng tham gia tiềm năng của các buổi đào tạo về ETS.
2.2	Các nguồn phát thải thuộc phạm vi quản lý của ngành giao thông vận tải	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Vận tải Trung Nghĩa...	Ngành giao thông vận tải có 70 doanh nghiệp được yêu cầu thực hiện kiểm kê KNK. Các doanh nghiệp có mức TOE cao nhất chủ yếu nằm ở khu vực phía Bắc.
2.3	Các nguồn phát thải thuộc phạm vi quản lý của ngành xây dựng	Nhà máy Xi măng Sông Thao của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao; Nhà máy xi măng Cẩm Phả của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả...	Có 104 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng được ủy quyền thực hiện kiểm kê KNK. Trong đó, các doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất xi măng có lượng phát thải cao nhất.

2.4	Các cơ sở phát thải thuộc phạm vi quản lý của ngành tài nguyên	Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn thuộc Công ty Môi trường đô thị Hà Nội, Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Phước Hiệp, v.v.	Trong khi có 76 doanh nghiệp được giao nhiệm vụ kiểm kê khí nhà kính, các doanh nghiệp này có lượng phát thải cao. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực này phần lớn là doanh nghiệp nhà nước.
3	Các tổ chức tài chính, ngân hàng	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, v.v.	Các tổ chức tài chính, ngân hàng đóng vai trò trung gian, kết nối người mua và người bán trên thị trường các loại bon đảm bảo giao dịch thông suốt, hiệu quả; và cung cấp các khoản vay và sản phẩm tài chính cho các doanh nghiệp và ngành công nghiệp muốn thực hiện các biện pháp giảm nhẹ khí nhà kính.
4	Truyền thông	VTV, VnExpress, Thông tấn xã Việt Nam (VNA), v.v..	Các phương tiện truyền thông đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của ETS ở Việt Nam. Các phương tiện truyền thông có thể giúp: Nâng cao nhận thức cộng đồng về ETS và lợi ích của nó. Giải thích về ETS cho doanh nghiệp và công chúng. Yêu cầu chính phủ chịu trách nhiệm về việc phát triển ETS. Giám sát hiệu suất của ETS và xác định mọi vấn đề. Các phương tiện truyền thông cũng có thể giúp thúc đẩy ETS như một cơ chế dựa trên thị trường có thể giúp khuyến khích các doanh nghiệp giảm lượng khí thải của họ. Bằng cách nâng cao nhận thức của công chúng về ETS và lợi ích của nó, các phương tiện truyền thông có thể giúp tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho việc triển khai chương trình này.
5	Các nhà tài trợ đa phương và song phương		Các nhà tài trợ đa phương và song phương hỗ trợ Việt Nam trong việc hình thành và quản lý thị trường các-bon và ETS. Họ hỗ trợ Việt Nam đánh giá mức độ sẵn sàng của Việt Nam và xác định những thiếu sót, từ đó hỗ trợ giúp Việt Nam hiện thực hóa thị trường các-bon, nhưng có sự khác biệt cụ thể giữa hai loại nhà tài trợ.
5.1	Các nhà tài trợ đa phương	Ngân hàng Thế giới, ETP, UNDP, v.v.	Các nhà tài trợ đa phương thường là các tổ chức quốc tế có sự tham gia của nhiều quốc gia cùng hợp tác, do đó, họ hỗ trợ ở quy mô khu vực và toàn cầu. Vai trò và thông tin liên hệ của các nhà tài trợ đa phương sẽ được quy định cụ thể trong bản đồ nhà tài trợ và chiến lược điều phối nhà tài trợ.
5.2	Nhà tài trợ song phương	USAID, JICA, GIZ, v.v.	Các nhà tài trợ song phương là các quốc gia riêng lẻ. Họ cung cấp hỗ trợ cho Việt Nam dựa trên các hiệp định song phương hoặc quan hệ đối tác. Vai trò và thông tin liên hệ của các nhà tài trợ đa phương sẽ được quy định cụ thể trong bản đồ nhà tài trợ và chiến lược điều phối nhà tài trợ.

6	Nhà cung cấp dịch vụ ETS và nhà phát triển dự án tín chỉ bù trừ	Sẽ cung cấp trong kế hoạch tham gia chi tiết của các bên liên quan	Họ là bên thứ ba cung cấp các dịch vụ liên quan đến phát triển tín chỉ các-bon, kiểm kê, giảm nhẹ khí nhà kính và hỗ trợ hoạt động hiệu quả của ETS.
---	---	--	--

11.2 PHỤ LỤC II: Phác thảo kế hoạch tham gia của các bên liên quan ban đầu

11.2.1 Giới thiệu

[Kế hoạch tham gia của các bên liên quan (SEP) được Tư vấn chuẩn bị như một phần không thể thiếu của Hỗ trợ kỹ thuật. Mục đích của SEP là cung cấp một khung toàn diện cho sự tham gia của các bên liên quan trong giai đoạn chuẩn bị. Điều quan trọng cần lưu ý là SEP là một tài liệu động sẽ được Tư vấn cập nhật và cải tiến liên tục, phối hợp với ETP và Cục BDKH trong suốt dự án.]

11.2.2 Xác định các bên liên quan và cách tiếp cận

[Các phương pháp chung để thu hút sự tham gia của các bên liên quan có thể bao gồm:]

- Dành cho các cơ quan chính phủ và cơ quan quản lý:
 - ❖ Tiến hành các cuộc họp thường xuyên với đại diện từ các cơ quan liên quan để thảo luận về cập nhật dự án, tiến độ và việc tuân thủ quy định.
 - ❖ Chia sẻ tài liệu dự án, bao gồm các báo cáo và phân tích, để đảm bảo tính minh bạch và thu thập phản hồi về nội dung đào tạo.
 - ❖ Tìm kiếm ý kiến đóng góp của họ trong việc định hình khung mô phỏng và điều chỉnh nó phù hợp với các quy định về phát thải hiện hành.
- Đối với đại diện ngành:
 - ❖ Tổ chức các cuộc thảo luận bàn tròn theo từng ngành cụ thể để hiểu quan điểm của họ về giao dịch phát thải và các tác động tiềm tàng của nó..
 - ❖ Phối hợp với các hiệp hội ngành nghề để phổ biến thông tin về mô phỏng và khuyến khích sự tham gia.
 - ❖ Thành lập các nhóm làm việc với các đại diện của ngành để giải quyết các thách thức cụ thể của ngành và phát triển các giải pháp phù hợp..
- Các thể chế tài chính:
 - ❖ Sắp xếp các cuộc họp với đại diện của các tổ chức tài chính, bao gồm ngân hàng, công ty đầu tư và công ty bảo hiểm để thảo luận về vai trò của tài chính trong việc hỗ trợ các sáng kiến trao đổi hạn ngạch phát thải.
 - ❖ Cung cấp các buổi đào tạo về các khía cạnh tài chính của trao đổi hạn ngạch phát thải, bao gồm cơ chế định giá các-bon, cơ hội đầu tư và chiến lược quản lý rủi ro.
 - ❖ Hợp tác với các tổ chức tài chính để phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính chuyên biệt hỗ trợ trao đổi hạn ngạch phát thải, chẳng hạn như tín dụng trừ các-bon hoặc quỹ đầu tư xanh.
- Đối với nhà cung cấp dịch vụ:

- ❖ *Xác định các nhà cung cấp bù đắp tiềm năng và thiết lập các kênh truyền thông để giới thiệu Hỗ trợ kỹ thuật mô phỏng giao dịch phát thải và mục tiêu của Hỗ trợ kỹ thuật.*
 - ❖ *Cung cấp các buổi thông tin cho các nhà cung cấp dịch vụ bù đắp để cung cấp cái nhìn tổng quan về dự án, các yêu cầu của Hỗ trợ kỹ thuật và cơ hội tham gia của họ.*
 - ❖ *Chia sẻ tài liệu toàn diện, bao gồm các hướng dẫn và thông số kỹ thuật, để đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ bù trừ hiểu rõ về quy trình mô phỏng và các kỳ vọng.*
- *NGO/NPO và các bên liên quan khác:*
- ❖ *Cung cấp tài liệu và nguồn lực giáo dục cho các NGO và NPO để nâng cao hiểu biết của họ về các khái niệm, cơ chế trao đổi hạn ngạch và lợi ích tiềm năng.*
 - ❖ *Tổ chức hội nghị bàn tròn với các NGO và NPO, tập trung vào vai trò của họ trong việc vận động cho sự liên chính về môi trường và công bằng xã hội trong hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải.*
 - ❖ *Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ và NPO để phát triển và phổ biến các tài liệu thông tin nhằm đến công chúng rộng rãi hơn, nâng cao nhận thức về mô phỏng và mục tiêu.]*

11.2.3 Đề xuất các chiến lược cho việc công bố thông tin

[Các chiến lược công bố thông tin có thể bao gồm:

- *Hạng mục thông tin:*
 - ❖ *Tổng quan về dự án: Cung cấp mô tả rõ ràng và ngắn gọn về Hỗ trợ kỹ thuật mô phỏng trao đổi hạn ngạch phát thải, bao gồm mục tiêu, phạm vi và kết quả mong đợi.*
 - ❖ *Cập nhật chương trình: Thường xuyên chia sẻ thông tin cập nhật về tiến độ dự án, cột mốc đạt được và hoạt động sắp tới để các bên liên quan luôn được cập nhật thông tin và tham gia.*
- *Tần suất công bố:*
 - ❖ *Cập nhật thường xuyên: Cung cấp thông tin cập nhật nhất quán và kịp thời về tiến độ dự án, xu hướng thị trường và sự phát triển chính sách để duy trì sự quan tâm và nhận thức của các bên liên quan.*
 - ❖ *Thông báo về cột mốc: Truyền đạt những cột mốc quan trọng, chẳng hạn như khởi động mô phỏng, khóa học sắp tới hoặc hoàn thành thành công hoạt động chính, để kỷ niệm thành tích và duy trì sự tham gia của các bên liên quan.*
 - ❖ *Truyền thông kịp thời: Trả lời kịp thời các vấn đề mới nổi, thắc mắc hoặc mối quan ngại của các bên liên quan, thể hiện cam kết đối thoại cởi mở.]*

11.2.4 Chiến lược/kế hoạch truyền thông

Sẽ được mô tả kỹ hơn trong kế hoạch truyền thông ở PHỤ LỤC III bên dưới.

11.2.5 Đánh giá nhận xét và phản hồi

[Việc xem xét các nhận xét và phản hồi là một phần quan trọng trong sự tham gia của các bên liên quan trong Hỗ trợ kỹ thuật. Nó liên quan đến việc thu thập phản hồi thông qua nhiều kênh khác nhau, chẳng hạn như nền tảng trực tuyến, liên lạc qua email, hội thảo và khảo sát. Sau khi được thu thập, phản hồi sẽ được đưa vào quy trình xem xét kỹ lưỡng, bao gồm việc Tư vấn phân loại và phân tích.

Ý kiến đóng góp của các thành viên nhóm Hỗ trợ kỹ thuật có liên quan, chuyên gia kỹ thuật và các bên liên quan được tìm kiếm để đảm bảo các quan điểm đa dạng được xem xét. Phản hồi nhận được sẽ cung cấp thông tin cho việc ra quyết định, tập trung vào việc điều chỉnh các quyết định phù hợp với mục tiêu của Hỗ trợ kỹ thuật và lợi ích của các bên liên quan. Các quyết định cuối cùng và bản tóm tắt về cách xem xét các ý kiến sẽ được báo cáo lại cho các bên liên quan thông qua các tài liệu ngắn gọn, cập nhật dự án, bản tin và trang web của dự án..

Sự tham gia của các bên liên quan thông qua phản hồi góp phần cải tiến liên tục mô phỏng bằng cách tích hợp các đề xuất có liên quan và thúc đẩy đào tạo. Việc thiết lập vòng phản hồi đảm bảo các bên liên quan được thông báo về tác động đầu vào của họ đối với các quyết định và kết quả của dự án, thúc đẩy cảm giác toàn diện trong quá trình phát triển mô phỏng.]

11.2.6 Các chức năng quản lý và trách nhiệm

[Việc tích hợp hoạt động tham gia của các bên liên quan vào hệ thống quản lý của Hỗ trợ kỹ thuật sẽ diễn ra trên tất cả các giai đoạn, từ giai đoạn chuẩn bị đến giai đoạn hoàn thiện. Mỗi thành viên trong nhóm sẽ tích cực kết hợp SEP vào nhiệm vụ tương ứng của họ, hợp tác chặt chẽ dưới sự hướng dẫn và giám sát của chuyên gia gắn kết với các bên liên quan. Điều bắt buộc là mọi hoạt động được thực hiện trong Hỗ trợ kỹ thuật này phải tuân thủ chặt chẽ các tiêu chí của các bên liên quan được xác định trước đã nêu trước đó.]

11.3 PHỤ LỤC III: Kế hoạch truyền thông ban đầu

11.3.1 Thông tin về kế hoạch truyền thông

Kế hoạch Truyền thông của Hỗ trợ kỹ thuật này sẽ thiết lập một khung toàn diện để truyền thông hiệu quả và hỗ trợ việc phát triển Hỗ trợ kỹ thuật thành công. Tài liệu này đóng vai trò như một cơ chế tập trung nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc giữa tất cả các bên liên quan chính được xác định có liên quan đến Hỗ trợ kỹ thuật.

Mục tiêu chính của Kế hoạch Truyền thông là hài hòa nhu cầu của các bên liên quan và thiết lập các kênh liên lạc được tiêu chuẩn hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin liên quan đến dự án. Bằng cách triển khai các kênh này, kế hoạch sẽ hỗ trợ các quy trình hiệu quả để phổ biến thông tin cập nhật về dự án, truyền đạt trạng thái hiện tại, giải quyết các vấn đề và cung cấp nền tảng cho các bên liên quan đưa ra phản hồi.

Trong suốt vòng đời của Hỗ trợ kỹ thuật, nhiều loại thông tin khác nhau sẽ được truyền đạt tới các bên liên quan. Chúng bao gồm các chi tiết liên quan đến việc thực hiện dự án, tình trạng thực hiện, thông tin nhận thức chung về Hỗ trợ kỹ thuật và các thông tin thích hợp khác liên quan đến lợi ích của các bên liên quan.

Các bên liên quan được phân loại thành hai nhóm lớn: các bên liên quan nội bộ và các bên liên quan bên ngoài. Các bên liên quan nội bộ bao gồm các đối tác thực hiện và nhà tài trợ, những người trực tiếp tham gia quản lý và thực hiện Hỗ trợ kỹ thuật. Mặt khác, các bên liên quan bên ngoài bao gồm các cơ quan chính phủ, những người tham gia khảo sát mục tiêu và các đơn vị liên quan khác có lợi ích đặc biệt trong Hỗ trợ kỹ thuật và có thể có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả của nó. Điều quan trọng là phải tương tác với các bên liên quan này thông qua tư vấn và giao tiếp hiệu quả.

Để đảm bảo giao tiếp được tổ chức hợp lý và có mục tiêu, các ma trận giao tiếp chi tiết sẽ được phát triển. Những ma trận này phù hợp với các bên liên quan cụ thể với các loại thông tin và phương pháp truyền thông thích hợp. Ngoài ra, Kế hoạch Truyền thông phác thảo tần suất và các

kênh truyền thông sẽ được sử dụng cho từng loại hình liên lạc. Những ma trận này đóng vai trò là nền tảng cho chiến lược truyền thông của Nhóm Tư vấn, trả lời các câu hỏi chính về ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao và cách thức giao tiếp với các bên liên quan của dự án.

Bằng cách triển khai Kế hoạch truyền thông mạnh mẽ này, Hỗ trợ kỹ thuật nhằm mục đích thúc đẩy tính minh bạch, tăng cường sự tham gia của các bên liên quan và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp hai chiều hiệu quả trong suốt thời gian thực hiện dự án.

11.3.2 Các mục tiêu truyền thông

Kế hoạch Truyền thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp hiệu quả giữa các đối tác thực hiện, Nhóm Tư vấn, nhà tài trợ và các bên liên quan khác. Kế hoạch bao gồm các mục tiêu sau:

- Tạo nhận thức và hiểu biết: Nâng cao nhận thức của tổ chức về tác động tiềm năng của Hỗ trợ kỹ thuật.
- Truyền đạt tình trạng thực hiện: Truyền đạt rõ ràng tiến độ của Hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp nỗ lực.
- Giải quyết các vấn đề của các bên liên quan: Phản hồi kịp thời các mối quan tâm và giải quyết nhu cầu của các bên liên quan chính.
- Thúc đẩy cải tiến liên tục: Kết hợp các đề xuất và đề xuất để nâng cao quy trình của dự án.
- Báo cáo các vấn đề thực hiện: Truyền đạt bất kỳ vấn đề nào có thể ảnh hưởng đến việc khai báo của Hỗ trợ kỹ thuật và tác động tiềm ẩn của chúng.
- Đảm bảo nhận thức của các bên liên quan: Đảm bảo rằng nhân viên của các đối tác thực hiện, các bên liên quan bên ngoài và các bên quan tâm khác nhận thức được sự tồn tại của Hỗ trợ kỹ thuật.
- Duy trì sự nhiệt tình: củng cố giá trị của Hỗ trợ kỹ thuật và duy trì sự nhiệt tình giữa các bên liên quan.

Mục tiêu của Kế hoạch truyền thông này là hỗ trợ Nhóm Tư vấn bằng cách:

- Cung cấp hướng dẫn: Cung cấp cho các đối tác thực hiện và thành viên nhóm một khuôn khổ để trao đổi về các mốc thời gian, yêu cầu về nguồn lực và những thay đổi quan trọng trong kế hoạch.
- Thiết lập một giao thức: Xác định một giao thức để liên lạc với các bên liên quan khác nhau, chẳng hạn như nhân viên, cơ quan chính phủ và những người tham gia khảo sát, để nêu bật những lợi ích và sự cần thiết của sự hợp tác của họ trong các sáng kiến Hỗ trợ Kỹ thuật.
- Chia sẻ các kênh liên lạc: Cung cấp thông tin về các kênh liên lạc và đầu mối liên lạc phù hợp để tương tác hiệu quả.

11.3.3 Thực hiện Hỗ trợ kỹ thuật

Thông tin liên quan đến các thủ tục Hỗ trợ kỹ thuật hàng ngày, bao gồm:

- Khảo sát và lấy ý kiến các bên liên quan chính (xem Nhiệm vụ 2, 3, 7, 8 và 9)
- Cơ cấu tổ chức, Kiểm soát quản lý và nhân sự Hỗ trợ kỹ thuật (xem Phần VI)

- Rủi ro và chiến lược giảm thiểu (xem Phần VII)

Kế hoạch công tác (xem phần 11)

Thông tin chung

Thông tin cơ bản và các thông tin liên quan khác về Hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp tại Mục I.

Mức độ thông tin/truyền thông

Để đảm bảo giao tiếp và gắn kết hiệu quả, điều quan trọng là phải cung cấp cho nhân viên của đối tác thực hiện và các bên liên quan khác thông tin chi tiết về Hỗ trợ kỹ thuật phù hợp với mức độ tham gia và tác động của họ đối với công việc. Hai cấp độ thông tin đã được xác định: "Dành cho thông tin của bạn" (FYI) và "Dành cho hành động của bạn" (FYA). Điều này đảm bảo rằng các bên liên quan nhận được mức độ chi tiết phù hợp dựa trên vai trò và trách nhiệm của họ trong dự án. Từ quản lý cấp cao đến các cộng sự tuyển đầu, mỗi bên liên quan sẽ nhận được thông tin cần thiết để được thông báo về tiến độ của Hỗ trợ kỹ thuật (FYI) hoặc thực hiện các hành động cụ thể dựa trên thông tin được cung cấp (FYA). Cách tiếp cận này nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp rõ ràng và có mục tiêu, hỗ trợ sự hợp tác và ra quyết định hiệu quả trong suốt vòng đời dự án.

Tùy chọn tần số và phương tiện truyền thông

Các mục sau đây xác định các tùy chọn tần số và phương tiện khác nhau để liên lạc.

Bảng 19: Phương thức và tần số truyền thông

Tần suất truyền thông	Phương thức truyền thông
Hàng ngày	Hội thảo tư vấn
Hai tuần 1 lần	Các cuộc họp tư vấn
Hàng tuần	Các cuộc họp
Hàng tháng	Đào tạo
Hàng quý	Cuộc họp trên mạng
Dựa trên cột mốc Hỗ trợ kỹ thuật	Liên lạc điện thoại
Khi cần thiết	Công văn/văn bản gửi qua đường bưu điện
Như yêu cầu	Tài liệu/Bài thuyết trình
Theo tình thế	E-mail

Ma trận truyền thông

Ba ma trận trao đổi thông tin riêng biệt đã được phát triển để tạo điều kiện giao tiếp hiệu quả giữa các đối tác thực hiện của Nhóm Tư vấn và giữa Nhóm Tư vấn với hai nhóm bên liên quan chính. Những ma trận này phục vụ mục đích điều chỉnh các loại thông tin cụ thể cho phù hợp với các bên liên quan có liên quan. Ngoài ra, các ma trận còn phác thảo tần suất và phương tiện liên lạc được khuyến nghị cho từng nhóm bên liên quan. Bản chất năng động của định dạng ma trận

cho phép linh hoạt đáp ứng những thay đổi về thông tin được chia sẻ, tần suất của nó và định dạng ưa thích.

Một phần đáng kể thông tin được truyền đạt tập trung vào hoạt động liên lạc nội bộ trong nhóm Tư vấn. Sự nhấn mạnh này xuất phát từ sự thừa nhận rằng một nhóm có đầy đủ thông tin sẽ được trang bị tốt hơn để truyền đạt một cách hiệu quả chiến lược, mục tiêu, mục tiêu và trạng thái nỗ lực của Hỗ trợ kỹ thuật. Hơn nữa, vì phần lớn hoạt động giao tiếp bắt nguồn từ bên trong nhóm nên việc thiết lập các kênh và hoạt động giao tiếp hiệu quả trong nội bộ sẽ góp phần đáng kể vào sự thành công của nỗ lực giao tiếp tổng thể với các bên liên quan bên ngoài.

Các bên liên quan: Tư vấn

Bảng 20: Truyền thông với Tư vấn

Chủ đề	Thông tin	Địa điểm/Cách truyền thông	Tần suất	Mục đích
Thực hiện / Trạng thái dự án	Thành tích của nhóm Tư vấn, tiến độ dự án, các vấn đề và thách thức	Cuộc họp lãnh đạo đối tác thực hiện / Cuộc họp nhóm cá nhân	Hai tuần 1 lần	FYA
Tình trạng	Trạng thái/tiến độ Hỗ trợ kỹ thuật cấp cao (Điểm nổi bật hàng tuần)	E-mail	Hàng tuần	FYI / FYA
Thực hiện dự án	Các vấn đề và thách thức	Họp nhóm	Hàng tuần	FYA
Tình trạng	Tiến độ Hỗ trợ kỹ thuật chi tiết	Báo cáo hiện trạng (văn bản)	Hai tuần 1 lần	FYI / FYA
Tình trạng	Tổng quan về tiến độ Hỗ trợ kỹ thuật	Cuộc họp nhóm mở rộng hàng tháng / e-mail	Hàng tháng	FYA / FYI
Tình trạng	Tiến độ Hỗ trợ kỹ thuật cao cấp	Cuộc họp chung	Hàng quý	FYI
Thông tin chung / Tình trạng	Các bài báo phổ biến về tiến bộ của ngành liên quan đến Hỗ trợ kỹ thuật	E-mail, triển khai website đối tác	Đang thực hiện	FYI

Các bên liên quan: Nhóm tư vấn và ETP, CỤC BDKH

Bảng 21: Truyền thông giữa Tư vấn và ETP, Cục BDKH

Chủ đề	Thông tin	Địa điểm/Cách truyền thông	Tần suất	Mục đích
Tình trạng	Tình trạng/tiến độ Hỗ trợ kỹ thuật cấp cao	E-mail	Hàng tháng/ Theo yêu	FYI / FYA

Chủ đề	Thông tin	Địa điểm/Cách truyền thông	Tần suất	Mục đích
			cầu	
Thực hiện dự án	Hỗ trợ điều phối và tạo điều kiện hỗ trợ kỹ thuật	Công văn/Cuộc họp/E-mail	Khi cần thiết (để thu thập dữ liệu/làm việc với các cơ quan chính phủ)	FYI/FYA
Thực hiện dự án	Xem xét trọng tâm Hỗ trợ kỹ thuật và nhận được hướng dẫn từ nhóm	Cuộc họp/Cuộc họp trên mạng	Hàng tháng/ Theo yêu cầu – Chỉ định ngày/giờ	FYI / FYA
Tình trạng	Xác nhận hướng; cập nhật tình trạng tài trợ và báo cáo, các phát hiện và vấn đề.	Cuộc họp/Cuộc họp trên mạng	Theo yêu cầu - Chỉ định ngày/giờ	FYI / FYA
Thông tin chung / Tình trạng	Các bài báo/ thông tin quan trọng liên quan đến Hỗ trợ kỹ thuật	E-mail	Đang thực hiện	FYI

Các bên liên quan: Nhóm tư vấn, các công ty, doanh nghiệp có tên trong Quyết định 01/2022/QĐ-TTg, các hiệp hội ngành nghề, tổ chức tài chính ngân hàng, các nhà tài trợ liên quan hoạt động trong lĩnh vực này và các bên liên quan khác.

Bảng 22: Giao tiếp giữa Tư vấn và nhóm tư nhân

Chủ đề	Thông tin	Địa điểm/Cách truyền thông	Tần suất	Mục đích
Thu thập dữ liệu	Dữ liệu cần thiết để đánh giá nhận thức và sự sẵn sàng về thị trường các-bon	Công văn/văn bản gửi qua đường bưu điện, E-mail	Đang diễn ra (trong thời gian thu thập dữ liệu)	FYI/FYA
Thu thập dữ liệu	Trạng thái điều tra khảo sát, gửi lại thông tin cần thiết	Liên lạc điện thoại/ E-mails / Ứng dụng nhắn	Đang diễn ra (trong thời gian thu thập)	FYI/FYA

Chủ đề	Thông tin	Địa điểm/Cách truyền thông	Tần suất	Mục đích
		tin	dữ liệu)	
Nhận thức	Tình trạng và các sự kiện sắp tới để được tư vấn	E-mails	Khi cần thiết (các cuộc họp/hội thảo tư vấn)	FYI
Tư vấn	Ý kiến/quan điểm của chuyên gia và thông tin kỹ thuật	Hội thảo tư vấn/Cuộc họp tư vấn/ Cuộc họp trên mạng/ E-mails/ Liên lạc điện thoại	Khi cần thiết/theo các hội thảo tham vấn được yêu cầu trong Hỗ trợ kỹ thuật	FYI
Tư vấn	Lợi ích/Ý kiến/quan điểm/mối quan ngại của nhóm bên liên quan bị ảnh hưởng về các chủ đề của Hỗ trợ kỹ thuật	Hội thảo tư vấn/Cuộc họp tư vấn/ Cuộc họp trên mạng/ E-mails/ Liên lạc điện thoại	Khi cần thiết/ theo yêu cầu của các buổi hội thảo tư vấn theo Hỗ trợ kỹ thuật	FYI
Nhận thức	Các câu hỏi liên quan đến Hỗ trợ kỹ thuật	Đường dây nóng / e-mail	Đang thực hiện	FYI
Thông tin chung / Tình trạng	Các bài báo phổ biến về tiến bộ của ngành liên quan đến Hỗ trợ kỹ thuật	Trang web / e-mail	Đang thực hiện	FYI

11.4 PHỤ LỤC IV: Khởi động cuộc họp với ETP

Thí điểm và mô phỏng ETS tại Việt Nam Biên bản họp khởi động Hỗ trợ kỹ thuật với ETP

BỐI CẢNH

Mục tiêu:

- Giới thiệu các thành viên của tổ hợp hợp tác từ nhóm Tư vấn và ETP;
- Đề cung cấp cái nhìn tổng quan về dự án
- Thảo luận và thống nhất các vấn đề liên quan đến dự án

Địa điểm: Trực tuyến Google

Thời gian: 4 – 5 giờ chiều (giờ VN), ngày 31/07/2023

NHỮNG BÊN THAM GIA

Đội ngũ ETP: John Robert Cotton, Masako Nemoto, Praewpan Intapanya, Đỗ Mạnh Toàn

Đội ngũ tư vấn:

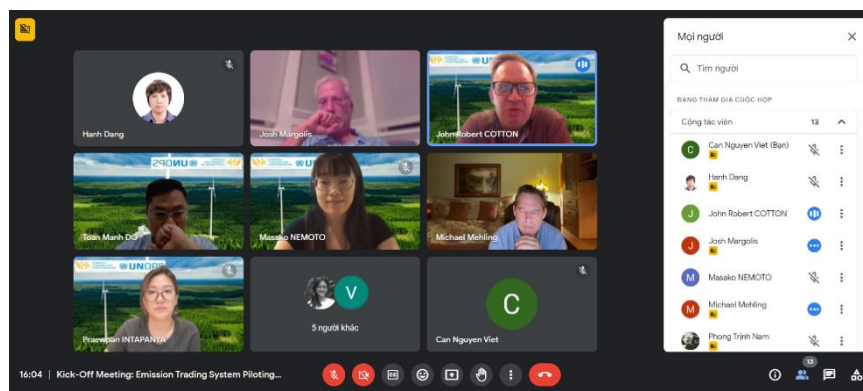
VNEEC: Đặng Hồng Hạnh, Josh Margolis, Michael Mehling, Nguyễn Việt Cẩn, Phạm Thùy Linh, Đặng Trà My, Hoàng Thùy An;

South Pole: Roxanne Tan;

VETS: Đào Xuân Hoạch, Trâm Anh.

CHƯƠNG TRÌNH

Thời gian	Nội dung	Trình bày bởi
16:00 – 16:05	Giới thiệu đội ngũ ETP	Đội ngũ ETP
16:05 – 16:10	Giới thiệu đội ngũ tư vấn	Đội ngũ tư vấn
16:10 – 16:25	Tiến trình dự án, phương pháp và cách tiếp cận khảo sát	Nhóm VNEEC
16:25 – 16:35	Tổng quan về công cụ mô phỏng thị trường các bon (CarbonSim)	Nhóm VNEEC (Josh)
16:35 – 16:55	Hỏi đáp và thảo luận	Tất cả các thành viên
16:55 – 17:00	Phản kết luận	Đội ngũ ETP



Những bên tham gia vào cuộc họp thông qua cuộc họp trực tuyến trên Google

NỘI DUNG

1. Các thành viên trong nhóm ETP và nhóm Tư vấn lần lượt giới thiệu về bản thân cũng như vai trò, trách nhiệm của mình trong Hỗ trợ kỹ thuật

2. Tiến trình dự án, phương pháp và cách tiếp cận khảo sát

Bà Hạnh – VNEEC trình bày tổng quan về dự án, tiến độ, cơ cấu quản lý nhóm và cách tiếp cận chung để phát triển khai thực Nhiệm vụ 3.

- Giới thiệu ngắn gọn về cơ cấu Liên danh và trách nhiệm của VNEEC và các nhà thầu phụ của VNEEC (South Pole, Vets) đối với từng nhiệm vụ của dự án; và mốc thời gian phát triển khai
- nêu bật tầm quan trọng của việc không chỉ hợp tác chặt chẽ với các bên liên quan và cơ quan chính phủ mà còn hợp tác với các cơ quan truyền thông để phổ biến rộng rãi tác động của dự án
- Làm rõ phương pháp và cách tiếp cận khảo sát trong nhiệm vụ 3 “Tiến hành phân tích, khảo sát và các sự kiện tư vấn về mức độ sẵn sàng và nhận thức của các doanh nghiệp và cơ sở về phát thải/giảm thiểu KNK và thị trường các-bon”

3. Tổng quan về công cụ mô phỏng thị trường các-bon (CarbonSim)

Josh – VNEEC đã trình bày giới thiệu ngắn gọn về công cụ mô phỏng thị trường các-bon (CarbonSim): tiến độ, mục tiêu, lợi ích và hiệu chỉnh của công cụ cũng như cách sử dụng công cụ này cho các buổi đào tạo thuộc dự án.

Những người tham gia bày tỏ sự quan tâm đến công cụ và mở rộng quy mô sử dụng công cụ này trong các dự án đào tạo tương tự ở Philippines và Indonesia.

4. Thảo luận

Nhận xét về bài thuyết trình:

- **Toàn – ETP:** Nhóm Tư vấn nên sắp xếp lại hội thảo khởi động từ ngày 15-16 tháng 8 đến đầu tháng 9. Việc điều chỉnh này sẽ giúp các bên liên quan xem xét kỹ lưỡng báo cáo khởi động trước khi hội thảo khởi động diễn ra.

- **Toàn – ETP:** ETP hiện đang hỗ trợ Bộ Tài chính (Bộ TC) đánh giá mức độ sẵn sàng và kinh nghiệm quốc tế của Việt Nam trong việc thiết kế sàn giao dịch thương mại các loại bon. Hỗ trợ kỹ thuật nhằm mục đích xác định nhu cầu xây dựng năng lực cụ thể của các cơ quan chính phủ từ việc triển khai ETS thành công ở các quốc gia khác. Vì vậy, ông đề nghị nhóm Tư vấn nên hợp tác chặt chẽ với Bộ TC để hiểu biết toàn diện về những gì các quan chức chính phủ muốn tìm hiểu về ETS và các hành động cần thiết cần sớm được thực hiện. Ngoài ra, một nhà tài trợ từ Vương quốc Anh bày tỏ sự quan tâm đến việc tài trợ cho một chuyến tham quan học tập dành cho các quan chức chính phủ để tìm hiểu về việc triển khai và thiết kế ETS ở Vương quốc Anh. Vì vậy, Nhiệm vụ 8 nên được tiến hành ngay sau Hội thảo khởi động, tốt nhất là nhận được đề xuất vào tháng 10 và lên kế hoạch cho chuyến tham quan học tập vào tháng 11 năm 2023, trước kỳ nghỉ lễ ở Anh.

Các bước tiếp theo:

- Dự thảo đầu tiên của báo cáo khởi động sẽ được gửi vào ngày 18 tháng 8 năm 2023
- Đề xuất tổ chức hội thảo khởi động để thông qua cả ETP và Cục BDKH.